

**PHẦN 4: NÊU DẪN CÁC SỰ VIỆC:
PHÒNG XÁ, TẬP SỰ, NGŨ BÁCH KẾT TẬP, THẤT BÁCH
KẾT TẬP, ĐIỀU ĐẠT, TỖ NI TĂNG NHẤT**

Chương VI: TỖ NI TĂNG NHẤT^{>40}

TÔI NGHE

Tôi nghe như vậy, một thời, Phật ở tại tinh xá Kỳ-hoàn, trong vườn của Cấp Cô Độc Thực, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ! Nếu Tỳ-kheo nào dùng văn cú tương tự^{>41} để ngăn trở Pháp và Tỳ-ni, thì Tỳ-kheo này sẽ khiến cho nhiều người không được lợi ích, tạo ra các nghiệp khổ, để tiêu diệt chánh pháp. Tỳ-kheo nào tùy thuận văn cú, không trái Pháp và Tỳ-ni, thì Tỳ-kheo này làm lợi ích nhiều người, không khiến tạo ra các khổ nghiệp, và chánh pháp được tồn tại lâu dài.

- Nay các Tỳ-kheo, các Thầy cần phải tùy thuận văn cú, đừng thêm bớt trái với Pháp và Tỳ-ni. Hãy học tập như vậy.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Đức Phật dạy:

- Nếu Tỳ-kheo nào, phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, thì Tỳ-kheo này sẽ khiến nhiều người không được lợi ích, chỉ tạo ra các nghiệp khổ để diệt chánh pháp thôi. Tỳ-kheo nào, phi pháp nói là phi pháp, pháp nói là pháp, thì Tỳ-kheo này sẽ lợi ích nhiều người, tạo ra các thiện nghiệp, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Vậy, các Thầy nên tùy theo lời dạy này: phi pháp nên nói là phi pháp, pháp nói là pháp.

>40. Tham chiếu Pali, Luật tạng, Parivāra (Phụ tùy): Ekuttarikanaya (Tăng nhất pháp), Vin.v. 11>ff. Thập tụng luật 48 (T2>n14>5 tr.>46att).

>41. Tham chiếu Thập tụng 48 (T2>n14>5 tr.>5>a8): - Có Tỳ-kheo, nhiều tri thức, có thể lực; những gì được nói mọi người đều tin dung. Tỳ-kheo ấy ở trong pháp tỳ-ni mà Như lai hiển hiện phát sinh tư tưởng lệch lạc; ở trong văn tự mà chế tác văn cú tương tự, làm ngăn che pháp, che lấp pháp, không tùy thuận pháp, nói điều không trọn nghĩa. Tỳ-kheo đó là người biên bí, hạ tiện, không ích gì cho đời, không có sở hành của nam tử.

Hãy học tập như vậy.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo nào, phi tỳ-ni nói là tỳ-ni, tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, thì sẽ khiến nhiều người không được lợi ích, và chỉ làm các nghiệp khổ để diệt chánh pháp. Trường hợp Tỳ-kheo nào, phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, tỳ-ni nói là tỳ-ni, thì sẽ lợi ích được nhiều người, không tạo ra các khổ nghiệp, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài.

- Vậy, các Thầy nên tùy theo lời dạy này: phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, tỳ-ni nói là tỳ-ni. Hãy học tập như vậy.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

- Nếu Tỳ-kheo nào, phi chế lại chế, đã chế lại đoạn, thì những việc làm như vậy dần dần khiến cho giới bị hủy hoại,^{>42} khiến nhiều người không được lợi ích, tạo ra các nghiệp khổ, khiến diệt chánh pháp. Nếu Tỳ-kheo nào, phi chế không chế, đã chế không đoạn, thì như vậy lần lần khiến cho giới thành tự, lợi ích nhiều người, không tạo ra các nghiệp khổ, khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Vậy, các Thầy, phi chế không được chế, đã chế không được đoạn, nên tùy theo giới luật đã chế mà học.

Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Như Lai ra đời, vì thấy những lỗi lầm, nên bằng một nghĩa, vì các Thanh văn kiết giới, nhiếp thủ Tăng. Do một nghĩa này nên Như Lai vì các Thanh văn mà kiết giới.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi đoạn đều nói như vậy.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo tiếp:

- Như Lai ra đời, bằng một nghĩa, vì các Tỳ-kheo chế yết-ma ha trách, nhiếp thủ Tăng. Do một nghĩa này nên Như Lai ra đời, vì các Tỳ-kheo chế yết-ma ha trách.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi đoạn đều nói như vậy.

>42. Thập tụng 48 (T2>n14>5 tr.>5>a5): - Như Lai xuất thế, hiện pháp tỳ-ni không thuyết một lúc mà được thuyết dần dần. Như Lai xuất thế, hiện pháp tỳ-ni không bị phá một lần, mà bị phá dần.

Cũng vậy, yết-ma tấn, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma tác bất kiến tội cử, yết-ma không sám hối, yết-ma không bỏ ác kiến. Kiểm xét pháp luật chế định, chế thọ y chỉ, chế phạm phạt, chế cử tội, chế ức niệm, chế cầu thỉnh, chế tự ngôn, chế ngăn A-nậu-bà-đà,^{>4>} chế ngăn thuyết giới, chế ngăn tự tứ, chế giới, chế thuyết giới, chế bố-tát, chế yết-ma bố-tát, chế tự tứ, chế yết-ma tự tứ, chế bạch, Bạch yết-ma, chế Bạch nhị yết-ma, chế Bạch tứ yết-ma, chế Phú tàng, cho bản Nhật tri, cho Ma-na-đỏa, cho xuất tội, chế bốn Ba-la-di, chế mười ba Tăng-già-bà-thi-sa, hai bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ, chín mươi Ba-dật-đề, bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Thức-xoa-ca-la-ni, bảy Diệt tránh.

Mỗi một đoạn đều như yết-ma quả trách.

I. MỘT PHÁP

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

1. Nói một lời liền thành xả giới. Nói như vậy: - Tôi xả Phật. Nói một lời như vậy, liền thành xả giới.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa thọ trì.

2. Nói, Tôi xả Pháp, - tôi xả Tăng, tôi xả Hòa thượng, tôi xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả các Tỳ-kheo tịnh hạnh, xả giới, xả Tỳ-ni, xả học sự, tôi là bạch y, hãy nhớ cho tôi là người giữ vườn, hãy nhớ cho tôi là Ưu-bà-tắc, hãy nhớ cho tôi là sa-di, hãy nhớ cho tôi là ngoại đạo, là đệ tử ngoại đạo, hãy nhớ cho tôi chẳng phải là Sa-môn Thích tử^{>44>}.

Mỗi mỗi trường hợp cũng đều như trên.

II. HAI PHÁP

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

1. Có hai loại phạm: một là khinh; hai là trọng.^{>45>} Đó là hai loại phạm.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa thọ trì.

>4>. A-nậu-bà-đà 阿(少/兔)婆陀. Pali: anuvāda, phi nạn, buộc tội. Trong bốn tránh sự, Hán dịch là giáo giới (tránh sự), Pali: anuvādādhikaraṇa.

>44. Nguyên Hán: Sa-môn Thích tử pháp; dư chữ pháp. Tham chiếu Thập tụng 48 (T2>n14>5 tr.>52c0>).

>45. Pali, Vin. v. 115, liệt kê khinh tội (lahukā āpatti), trọng tội (garukā āpatti) vào mục một pháp (ekakavāro). Số giải: Khinh tội, tội thuộc 5 thiên được thanh tịnh bằng xử trị nhẹ. Trọng tội, là Tăng-già-bà-thi-sa được thanh tịnh bằng xử trị nặng. Thập tụng liệt cặp khinh-trọng vào mục hai pháp.

2. Lại có hai việc: một là khinh mà hữu dư,^{>46} hai là khinh mà được tác yết-ma.

>. Lại có hai việc: Ba-la-di, tăng-già bà-thi-sa.

4. Lại có hai việc: Ba-la-di, Thâu-lan-giá.

5. Lại có hai việc: Ba-la-di, Ba-dật-đề.

6. Lại có hai việc: Ba-la-di, Ba-la-đề-đề-xá-ni.

7. Lại có hai việc: Ba-la-di, Đột-kiết-la.

8. Lại có hai việc: Ba-la-di, ác thuyết.

9. Tăng-già bà-thi-sa, cho đến ác thuyết cũng như vậy.^{>47} Thâu-lan-giá, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Ba-dật-đề, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Ba-la-đề-đề-xá-ni, cho đến ác thuyết cũng như vậy. Đột-kiết-la, ác thuyết cũng như vậy.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

10. Có hai sự thấy mà người xuất gia không nên hành: phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp.^{>48}

11. Lại có hai sự thấy: tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, phi tỳ-ni nói là tỳ-ni.

12. Lại có hai kiến giải: phi phạm thấy là phạm, phạm thấy là phi phạm.^{>49}

1>. Lại có hai sự thấy: khinh thấy là trọng, trọng thấy là khinh.

14. Lại có hai sự thấy: hữu dư thấy là vô dư, vô dư thấy là hữu dư.^{>50}

15. Lại có hai sự thấy: thô ác thấy là phi thô ác, phi thô ác thấy là thô ác.^{>51}

16. Lại có hai sự thấy: cự pháp^{>52} thấy là phi cự pháp, phi cự pháp thấy là cự pháp.

17. Lại có hai sự thấy: chế thấy là phi chế, phi chế thấy là chế.^{>5>}

>46. Pali: *sāvasesā āpatti*, hữu dư tội; Số giải (Vin. vii. 1>19): trừ các Ba-la-di ra, còn lại là tội hữu dư. Tội này cũng được liệt trong pháp một. Bản Hán nói, hữu dư khinh tội, trừ tăng-già-bà-ba-thi-sa, chỉ các tội còn lại.

>47. Mỗi hạng mục gồm hai sự, cú pháp như mẫu trên.

>48. Thập tụng, có hai sự thấy phi pháp, và có hai sự thấy (như) pháp.

>49. Pali: *āpatti* (tội) và *anāpatti* (phi/vô tội).

>50. Thập tụng, hai loại phạm: hữu tàn và vô tàn. Pali: *sāvasesā*, *anavasesā*. Số giải: trừ Ba-la-di, còn lại là hữu dư (tàn). Vô dư (tàn) là Ba-la-di.

>51. Thô ác và phi thô ác, Pali: *duṭṭhulla*, *aduṭṭhulla*, cùng với ác cặp kể trên trong Pali được tách thành pháp riêng và liệt kê vào mục một pháp. Số giải: *duṭṭhullā*, thô ác tội, gồm hai tụ (Ba-la-di và tăng-già-bà-thi-sa); *aduṭṭhullā*, phi thô ác, là các tội dư tàn (Ba-dật-đề các thứ).

>52. Cự pháp, có lẽ Pali: *pubbāpatti*, tiền tội; Số giải: tội tối sơ vi phạm (*pañhamam āpannāpatti*), trái với *aparāpatti*, hậu tội, tội vi phạm sau khi hành biệt trụ (*pārivāsikādīhi pacchā āpannāpatti*).

>5>. Chế 制, hay quy định. Pali: *paḍḍatti*. Pali liệt kê: *paḍḍatti*, chế; *anupaḍḍatti*: tùy chế;

18. Lại có hai sự thấy: thuyết thấy là phi thuyết, phi thuyết thấy là thuyết.^{>54}
19. Lại có hai sự thấy: rượu thấy là chẳng phải rượu, chẳng phải rượu thấy là rượu.
20. Lại có hai sự thấy: ẩm thấy phi ẩm, phi ẩm thấy là ẩm.^{>55}
21. Lại có hai sự thấy: thực thấy phi thực, phi thực thấy là thực.^{>56}
22. Lại có hai sự thấy: thời thấy phi thời, phi thời thấy là thời.^{>57}
- 2>. Lại có hai sự thấy: tịnh thấy không tịnh, không tịnh thấy là tịnh.^{>58}
24. Lại có hai sự thấy: trọng thấy phi trọng, phi trọng thấy là trọng.
25. Lại có hai kiến giải: nạn thấy phi nạn, phi nạn thấy là nạn.^{>59}
26. Lại có hai sự thấy: không có trùng thấy là có trùng, có trùng

anuppannapaññatti: bắt tùy phạm chế (quy định không căn cứ theo vi phạm đã xảy ra); sabbatthapaññatti: biến xứ chế (quy định cho tất cả mọi trường hợp), padesapaññatti: nhất phần chế (quy định có giới hạn); sādhanāpaññatti, cộng thông chế (quy định chung cho cả hai bộ); asāhdārapaññatti: bất cộng thông chế (quy định riêng cho mỗi bộ); ekatopaññatti: nhất bộ chế; ubhatopaññatti: lưỡng bộ chế.

>54. Thuyết và phi thuyết; Pali: desanā và adesanā. Trong Kinh, khi nói - thuyết, chỉ cho những điều được Phật thuyết (dhamma-desanā). Trong Luật, nói - thuyết chỉ sự thuyết tội, tức sám hối tội. Pali: desanāgāminī-āpatti, tội cần được thuyết, chỉ các tội nhẹ, trừ Ba-la-di và Tăng-già-bà-thi-sa.

>55. Ẩm, hay ẩm liệu, Pali: pāna, chỉ các thứ được quy định dùng như là thức uống. Phật quy định tám thứ nước trái cây được dùng như ẩm liệu. Xem phần iii, chương vii - Thuộc mục 5: - Nay có tám thứ nước mà xưa kia Tiên nhân vô dục thường uống. Đó là: nước lê, nước diêm-phù, nước táo chua, nước mía, nước quả thị, nước xá-lâu-già, nước bà-lâu-sư và nước nho. Pali (Vin.i. 246): ambapāna, nước quả xoài; jambupāna, nước quả hồng đào; cocapāna, nước dứa; mocapāna, nước chuối; madhūkapāna, mật; muddikapāna, nước nho; sālūkapāna, nước ngô sen; phārusa-kapāna, không rõ.

>56. Thực 食, gồm năm loại thực phẩm chính gọi là chánh thực: phạn, khứu, can phạn, ngư, nhục 飯乾飯魚及肉. Pali: odana (cơm chín), kummāsa (bánh bột, hay cháo chua), sattū (bánh khô), maccha (cá), maṃsa (thịt). Cf. Căn bản (T2>n1442 tr.821b24), 5 loại thực phẩm bồ-thiện-ni 蒲繕尼食: cơm, đậu mành, lương khô, thịt, bánh 飯麥豆飯糗肉餅.

>57. Thời, ngôn ngữ của Luật, chỉ thời gian cho phép xử dụng. Thời y (Pali: kāla-cīvara), y mà Tỳ-kheo nhận được trong tháng hậu ca-đê, hay trong thời gian y ca-thi-na chưa xả. Thời thực, thời gian được phép ăn các loại chánh thực từ mặt trời mọc, cho đến giữa trưa. Thời dục, chỉ các loại chánh thực được dùng như thuốc. Trái lại là các thứ phi thời. Mỗi thứ được dùng theo quy định riêng. Phi thời hành, Tỳ-kheo vào xóm từ sau giữa trưa cho đến sáng hôm sau.

>58. Tịnh 淨, theo nghĩa kinh, là sự thanh tịnh; Pali: suddhi hay visuddhi. Tịnh dùng trong nghĩa Luật, chỉ sự hay vật được dùng đúng cách. Pali: có hai hạng người như kappa.

>59. Nạn, chỉ các tai họa bất ngờ. Tám nạn sự được phép thuyết giới tóm lược: Vua, giặc cướp, lửa, nước, bệnh, nhân, phi nhân, ác trùng. Ngoài ra, các trường hợp khác còn thêm mạng nạn và phạm hạnh nạn. Pali: rājantarāyo (vương nạn), corantarāyo (tặc nạn), agyantarāyo (nạn lửa), udakantarāyo (nạn nước), manuss-antarāyo (nạn loài người), amanussantarāyo (nạn loài phi nhân), vānantarāyo (nạn mãnh thú), sarīsapantarāyo (nạn rắn độc), jīvantarāyo (nguy hiểm sinh mạng), brahmacariyantarāyo (nguy hiểm phạm hạnh).

thấy là không trùng.

27. Lại có hai sự thấy: phá thấy là không phá, không phá thấy là phá.^{>60}

28. Lại có hai sự thấy: chủng thấy là phi chủng, phi chủng thấy là chủng.^{>61}

29. Lại có hai sự thấy: nghĩa đã giải^{>62} thấy là nghĩa chưa giải, nghĩa chưa giải thấy là nghĩa đã giải.

>0. Lại có hai sự thấy: khả thân thấy phi thân, phi thân thấy là khả thân.^{>6>}

>1. Lại có hai sự thấy: sợ thấy là không sợ, không sợ thấy là sợ.^{>64}

>2. Lại có hai sự thấy: đạo thấy là phi đạo, phi đạo thấy là đạo.^{>65}

>>. Lại có hai sự thấy: khả hành thấy phi hành, phi hành thấy là khả hành.

>4. Lại có hai sự thấy: xuất ly thấy không xuất ly, không xuất ly thấy là xuất ly.

>5. Lại có hai sự thấy: khí (vất bỏ) thấy là không khí, không khí thấy là khí.^{>66}

>6. Lại có hai sự thấy: thấy thế gian thường, thấy thế gian vô thường.

>7. Lại có hai sự thấy: thấy thế giới có biên tế, thấy thế giới không biên tế.

>8. Lại có hai sự thấy: thân tức là mạng, thân khác mạng khác.

>9. Lại có hai sự thấy: Như Lai có diệt độ, Như Lai không diệt độ.^{>67}

>60. Phá. Có hai nghĩa: vỡ đôi, chỉ sự phá Tăng (Pali: sanghabheda); và hủy hoại, chỉ phá giới (sīlavipatti), phá kiến (ditthivipatti), phá oai nghi (Pali: ācāravipatti) và phá chánh mạng (Pali: ājīvavipatti.)

>61. Chủng 種. Chưa rõ dùng theo nghĩa nào.

>62. Dĩ giải nghĩa 已解義, hay nói liễu nghĩa, chỉ điều đã được thuyết minh ý nghĩa rốt ráo. Pali: nītattha.

>6>. Thân 親, khả thân 可親, chỉ những chỗ đáng thân cận không không đáng thân cận.

>64. Bố 怖: sự hãi, chỉ những chỗ mất an ninh, thường có bọn cướp ẩn núp. Tỷ-kheo không được lai vãng chỗ đó. Pali: bhaya, hay sappanibhaya.

>65. Đạo 道 (Pali: magga), theo nghĩa Kinh, chỉ chánh đạo, con đường tu tập. Phi đạo 非道 (Pali: amagga) chỉ tà đạo. Trong Luật, đạo, chỉ hai đường đại và tiểu tiện (Pali: passāvamagga, tiểu tiện đạo; vaccamagga, đại tiện đạo). Phi đạo, những chỗ khác.

>66. Thập tụng, có hai loại khí (xả): khí (xả) do tự mình làm; khí (xả) do Tăng hoà hiệp như pháp tác pháp. Tức một loại không cần Tăng yết-ma, và một loại do Tăng yết-ma.

>67. Pali: hoti tathāgato para maranam, Như Lai tồn tại tồn tại sau khi chết?

40. Lại có hai sự thấy: Như Lai vừa có vừa không diệt độ, Như Lai chẳng phải có chẳng phải không diệt độ.^{>68}

Trong Phật pháp có hai sự thấy như vậy, người xuất gia không được hành, nếu hành thì sẽ như pháp trị.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

41. Có hai loại tỳ-ni: hữu phạm tỳ-ni,^{>69} hữu tránh tỳ-ni.^{>70}

42. Lại có hai loại tỳ-ni: phạm tỳ-ni, kết sử tỳ-ni.^{>71}

4>. Lại có hai loại tỳ-ni: Tỳ-kheo tỳ-ni, Tỳ-kheo-ni tỳ-ni.

44. Lại có hai loại tỳ-ni: phương tỳ-ni, biến tỳ-ni.^{>72}

Đây là hai loại tỳ-ni.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

45. Có hai hạng người sống không an lạc: một là ưa sân, hai là ôm lòng oán.^{>7>}

46. Lại có hai pháp: một là cấp tánh, hai là khó xả.

47. Lại có hai pháp: một là xan, hai là tật đố.

48. Lại có hai pháp: một là khi trá, hai là siểm khúc.

49. Lại có hai pháp: một là tự cao, hai là ưa tranh cãi.

50. Lại có hai pháp: một là ưa trang sức, hai phóng dật.

51. Lại có hai pháp: một là mạn, hai là tăng thượng mạn.

52. Lại có hai pháp: một là tham, hai là nhuế.

5>. Lại có hai pháp: một là khen mình, hai là chê người.

54. Lại có hai pháp: một là tà kiến, hai là biên kiến.

>68. Từ hai pháp: thế gian thường và vô thường, nêu 14 vấn đề không được Phật trả lời, gọi là 14 vô ký vấn. Xem Trung A-hàm 60 (kinh 221. Tiến dụ, T1n26 tr.84a21), Pali, M. 6>. Cūla-Mālukya)

>69. So sánh Pali: sāvajjapaddatti, hữu tội (=phạm chế). Sở giải: sāvajjapaññattīti lokavajjā, hữu tội chế, chỉ các tội (quy định) theo thế gian. Tức những điều luật Phật chế tùy theo quan điểm đạo đức của thế gian.

>70. Hữu tránh tỳ-ni, chỉ những điều luật được quy định do các tranh chấp khởi lên giữa các Tỳ-kheo.

>71. Tham chiếu Thập tụng: tham dục tỳ-ni, sự điều phục tham dục; sân nhuế tỳ-ni, sự điều phục sân nhuế.

372. Phương tỳ-ni 方毘尼, chỉ địa phương tức bộ phận; đây chỉ sự điều phục một phần. Biến tỳ-ni 遍毘尼, điều phục phổ biến hay toàn diện. So sánh Pali dẫn trên: padesapaddatti, nhất phần chế, và sabbatthapaddatti: biến xứ chế. Thập tụng: biến tỳ-ni và bất biến tỳ-ni.

>7>. Sân và bất hỷ (bất mãn) là hai yếu tố thường khiến Tỳ-kheo phạm tội. Xem Tăng-già-bà-thi-sa 8 & 9, của Tỳ-kheo, và các Ba-dật-đề của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni. Pali: doso appatīto.

55. Lại có hai pháp: một là khó dạy, hai là không nhận giáo huấn.^{>74}

Hai hạng người như vậy sống không an lạc.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

56. Tỳ-kheo hữu học, tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng.

Hai pháp đó là: khéo (biết) phạm,^{>75} khéo hay trừ phạm. Người học như vậy, tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Cho nên các người hãy siêng năng tu tập học pháp như vậy.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

57. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Có Tỳ-kheo tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng.

Hai pháp đó là: đối với các đáng nhàm chán thì sinh nhàm chán; nhàm chán rồi chánh ức niệm đoạn trừ. Người học như vậy tâm chưa đạt đến vô học, thường cầu tu tập tăng tấn thắng pháp, có hai pháp được nhiều lợi ích, khiến đắc điều chưa đắc, nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Cho nên các người, đối với cái đáng nhàm chán thì sinh nhàm chán; nhàm chán rồi chánh ức niệm đoạn trừ.

Đức Phật nói kệ:

*Người sáng, tâm nhàm chán
Nơi những gì đáng chán
Vô úy không sợ sệt
Người hay đoạn, đắc thánh.
Tỳ-kheo chánh niệm đoạn
Đặng vô thượng chánh đạo
Không hề có thối chuyển
Được trụ nơi Niết-bàn.*

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

>74. Xem Tỳ-kheo, Tăng-già-bà-thi-sa 1>: Xiển-nặc - ác tánh bất thọ nhân ngữ, ngoan cố, khó dạy bảo, không nhận lời chỉ dạy.

>75. Hán: thiện phạm 善犯. Thập tụng: có hai thiện, biết phạm và biết hối lỗi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

58. Phá giới đọa trong hai đường, địa ngục và súc sinh; trì giới sinh hai đường nhân và thiên.

59. Tạo ác nghiệp trong chỗ khuất kín, sinh đọa trong hai đường địa ngục và súc sinh. Tạo thiện nghiệp trong chỗ khuất kín, đặng sinh nơi hai đường thiên và nhân.^{>76}

60. Tà kiến sinh hai đường địa ngục và súc sinh. Chánh kiến sinh hai đường thiên và nhân.

61. Thánh đệ tử Phật tôn quý giữa trời người, có hai pháp không được giải thoát: một là phạm giới, hai là không thấy phạm.^{>77}

62. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là không phạm, hai là thấy phạm.

6>. Có hai pháp không được giải thoát: một là phạm mà không thấy tội, hai là thấy phạm mà không như pháp sám hối.

64. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là thấy phạm tội, hai là phạm mà có thể như pháp sám hối.

65. Có hai pháp không được giải thoát: một là thấy tội mà không như pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà người kia không nhận.

66. Có hai pháp tự mình được giải thoát: một là thấy tội mà có thể như pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà người kia có thể như pháp thọ.

67. Trói buộc, không trói buộc cũng như vậy.

68. Có hai thứ thanh tịnh: một là không phạm, hai là sám hối.^{>78}

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo tiếp:

69. Có hai loại người hủy báng Như Lai: một là không tin ưa lại oán ghét, hai là tin ưa nhưng không hiểu thọ trì.

- Cho nên, nay ta bảo các người, để biết ý nghĩa này: hủy báng Như Lai thì mắc đại trọng tội. Nếu hủy báng tất cả chư thiên và người trong đời, hoặc Ma, Phạm vương, Sa-môn, Bà-la-môn, tội đó còn nhẹ. Hủy báng Như Lai, tội kia rất nặng.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và

>76. Thập tụng: người vô trí phú tàng có hai quả, địa ngục và ngạ quỷ. Người trí không phú tàng có hai quả, người và trời.

>77. Thập tụng: - Phật nói, không tín thọ những điều Ta dạy, phú tàng. Những ai phú tàng, không thể thoát ly sinh lão bệnh tử khổ. Tín thọ những điều Ta dạy, không phú tàng. Những ai không phú tàng, được thoát ly sinh lão bệnh tử khổ.

>78. Thập tụng: có hai thứ thanh tịnh, giới thanh tịnh và kiến thanh tịnh.

thọ trì.

70. Lại có hai loại^{>79} hủy báng Như Lai: một phi pháp nói là pháp, hai là pháp nói phi pháp.

71. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói phi pháp, hai là pháp nói pháp.

72. Có hai loại hủy báng Như Lai: một là phi tỳ-ni nói tỳ-ni, hai là tỳ-ni nói phi tỳ-ni.

7>. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi tỳ-ni nói là phi tỳ-ni, hai là tỳ-ni nói tỳ-ni.

74. Có hai loại hủy báng Như Lai: một là phi chế nói là chế, hai đã chế mà đoạn.

75. Có hai loại không hủy báng Như Lai: một là phi chế, hai là chế mà không đoạn.

76. Có hai pháp^{>80} hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói pháp, hai là pháp nói phi pháp.

77. Có hai pháp không hủy báng Như Lai: một là phi pháp nói phi pháp, hai là pháp nói pháp.

78. Cho đến thuyết nói phi thuyết cũng như vậy.

79. Hai xứ, hai sự, hai kiến cũng như vậy.

80. Lại có hai pháp không thọ nhận thiện giáo của Như Lai cũng như vậy.

81. Lại có hai pháp vi nghịch Như Lai cũng như vậy.

82. Lại có hai pháp kiên trì tranh thuyết cùng Như Lai cũng như vậy.

8>. Lại có hai pháp không phụng thờ Như Lai cũng như vậy.

84. Lại có hai pháp không gặp Như Lai cũng như vậy.

85. Lại có hai pháp thô lỗ, không có từ tâm đối với Như Lai cũng như vậy.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

86. Có hai chúng, một là chúng pháp ngữ, hai là chúng phi pháp ngữ.

Thế nào là chúng phi pháp ngữ? Trong chúng không dẫn Pháp Tỳ ni, không đem lời Phật dạy để nói. Sống với nhau mà không dạy điều nên dạy. Sống với nhau mà không chấm dứt điều nên chấm dứt. Đó gọi

>79. Chỉ hai hạng người.

>80. Ở trên, 2 & >, chỉ hai hạng người. Đây chỉ hai pháp.

là phi pháp ngữ chúng.

Thế nào gọi là chúng pháp ngữ? Trong chúng dùng Pháp Tỳ ni, nói theo lời Phật dạy, dạy nhau điều nên dạy, chấm dứt điều nên chấm dứt. Đó gọi là pháp ngữ chúng.

Trong hai chúng này, chúng được pháp ngữ Ta khen ngợi là tôn quý.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

87. Lại có hai chúng, chúng như pháp và chúng không như pháp.

Thế nào là chúng không như pháp? Trong chúng, người phi pháp có thể lực, người như pháp không có thể lực; người phi pháp có bạn bè, người như pháp không có bạn bè. Yết-ma phi pháp, không tác yết-ma như pháp; tác yết-ma phi tỳ-ni, không tác yết-ma như tỳ-ni; phụng hành phi pháp, không hành như pháp. Đó gọi là phi pháp chúng.

Thế nào là chúng như pháp? Trong chúng, người như pháp có thể lực, người phi pháp không có thể lực; người như pháp có bạn bè, người không như pháp không có bạn bè. Tác yết-ma như pháp, không tác yết-ma phi pháp; tác yết-ma như tỳ-ni, không tác yết-ma phi tỳ-ni; phụng hành như pháp, diệt trừ phi pháp. Đó gọi là chúng như pháp.

Trong hai chúng này, chúng như pháp được ta khen ngợi là tôn quý.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa và thọ trì.

88. Có hai chúng; chúng bằng nhau,^{>81} chúng không bằng nhau cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

89. Nếu pháp luật của nước, quyền lực của vua yếu thì bọn giặc xí thạnh. Bấy giờ, pháp vương^{>82} ra vào không được an lạc. Các tiểu vương của những nước ven biên cương không thuận theo giáo lệnh. Nhân dân ở trong nước cũng không ra vào an lạc, sinh nghiệp bị phế bỏ, ưu khổ, tổn giảm, không được lợi ích. Cũng vậy, Tỳ-kheo phi pháp có thể lực thì Tỳ-kheo như pháp không có thể lực. Tỳ-kheo như pháp không được an lạc, hoặc ở trong chúng, hoặc ở chỗ trống vắng, cũng không được nói. Khi ấy yết-ma phi pháp được thực hiện; yết-ma như pháp không được thực hiện; tác yết-ma phi tỳ ni, mà không tác yết-ma như tỳ-ni, phi pháp được hành, mà như pháp không được thi hành. Chúng không cần hành

>81. Đẳng chúng và bất đẳng chúng.

>82. Pháp vương, chỉ vị vua cai trị bằng luật pháp, đạo đức, không dùng vũ lực trấn áp.

ting tấn, để đắc điều chưa đắc nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng. Như vậy, khiến cho chư thiên, nhân dân không được lợi ích, thọ khổ lâu dài.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

90. - Nếu pháp luật của nước, quyền lực của vua mạnh thì sức giặc yếu. Hoặc tất cả đều đến quy phục hoặc chạy trốn. Bấy giờ, vị pháp vương ra vào an lạc, không có buồn lo. Tiểu vương các nước ven biên thuận tùng giáo lệnh. Nhân dân trong nước cũng được an lạc, sinh nghiệp tự do, không có các ưu khổ, được nhiều lợi ích, không có tổn giảm. Cũng vậy, Tỳ-kheo như pháp đặng thế lực, Tỳ-kheo phi pháp không thế lực. Tỳ-kheo phi pháp đến chỗ Tỳ-kheo như pháp phải tùy thuận theo giáo lệnh, không dám trái nghịch, hoặc sẽ bỏ trốn, không làm các điều ác. Khi ấy, Tỳ-kheo như pháp an ổn đặng vui. Nếu ở trong chúng hoặc ở chỗ trống vắng đều được nói. Tác yết-ma như pháp, không tác yết-ma phi pháp; tác yết-ma như tỳ-ni, không tác yết-ma phi tỳ-ni, như pháp được phụng hành, phi pháp không được áp dụng. Siêng năng tinh tấn tu hành, để đắc điều chưa đắc nhập chỗ chưa nhập, chứng pháp chưa chứng, khiến cho chư thiên nhân dân được đại lợi ích.

Phật nói như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tín ưa và thọ trì.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nói với các Tỳ-kheo:

91. Thưa các Trưởng lão, khi có việc đấu tranh mà Tỳ-kheo cử tội người và Tỳ-kheo có tội không tự quán sát; nên biết, tránh sự này lại tăng trưởng, không được diệt trừ như pháp, như tỳ ni, khiến các Tỳ-kheo không được an lạc. Nếu Tỳ-kheo cùng tranh cãi, Tỳ-kheo cử tội người và Tỳ-kheo có tội, mỗi người đều tự quán sát lỗi lầm, thì việc tranh cãi này không tăng trưởng sâu rộng mà được như pháp, như tỳ-ni trừ diệt, các Tỳ-kheo được sống an lạc.

- Nay các Tỳ-kheo, thế nào là tự quán sát lỗi lầm? Tỳ-kheo có tội nghĩ: “Ta đã phạm việc như vậy. Vị kia thấy ta phạm điều sai quấy. Nếu ta không phạm thì vị kia không thấy được ta phạm điều sai quấy. Vì ta phạm cho nên vị kia thấy ta phạm. Nay ta nên tự hối lỗi, khiến vị kia không dùng ác ngữ để quở trách ta. Nếu ta làm như vậy, khiến thiện pháp tăng trưởng.” Đó gọi là Tỳ-kheo có thể tự quán sát lỗi của mình.

- Thế nào là Tỳ-kheo cử tội người, tự quán sát lỗi kia? Vị kia nghĩ: “Tỳ-kheo kia phạm điều sai quấy, khiến ta thấy được. Nếu Tỳ-kheo

kia không phạm điều sai quấy thì ta không thấy. Do Tỳ-kheo kia phạm điều sai quấy, khiến ta thấy được; nếu vị ấy có thể chí thành sám hối thì không khiến cho ta phải dùng ác ngôn. Như vậy khiến cho thiện pháp tăng trưởng.” Tỳ-kheo cử tội người tự quán sát lỗi kia là vậy.

- Nếu Tỳ-kheo có tránh sự, Tỳ-kheo cử tội người và Tỳ-kheo có tội, có thể tự quán sát lỗi kia như vậy, thì lỗi lầm này không tăng trưởng, được chấm dứt như pháp, như tỳ-ni, như lời Phật dạy, các Tỳ-kheo được sống an lạc.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

92. Có hai loại si:^{>8>} một là phạm tội, hai là phạm không thấy.^{>84} Đó là hai loại si.

9>. Lại có hai loại trí: một là không phạm tội, hai là phạm tội nhưng thấy. Đó là hai loại trí.

94. Lại có hai loại si: một là phạm tội mà không thấy, hai là thấy phạm tội mà không như pháp sám hối. Đó là hai loại si.

95. Lại có hai loại trí: một là thấy phạm tội, hai là thấy tội mà có thể như pháp sám hối. Đó là hai loại trí.

96. Lại có hai loại si: một là thấy tội không như pháp sám hối, hai là như pháp sám hối mà vị kia không thọ nhận.

97. Lại có hai loại trí: một là thấy tội sám hối như pháp, hai là sám hối như pháp được vị kia thọ nhận. Đó là hai loại trí.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

98. Vì các Tỳ-kheo có lỗi lầm nên Đức Thế Tôn chế pháp đoạn tránh với hai nghĩa^{>85}: một là người khó điều phục khiến được điều phục; hai là người biết hổ thẹn được an lạc.

Vì hai nghĩa này nên Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế pháp đoạn tránh. Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

99. Tỳ-kheo cử tội người, muốn cử tội người nên tu hai pháp: một

>8>. Pali: dve puggalā bālā, có hai loại người ngu.

>84. Không thấy được hiểu là - không tự mình thừa nhận. Trong trường hợp ngoan cố, Tăng tác yết-ma xả trí (yết-ma bất kiến tội cử, xem cht. >8, Phần iv, chương xi)

>85. Đoạn tranh pháp 斷諍法, tức các pháp diệt tránh. Xem thêm cht. 55 đoạn dưới.

là chân thật, hai là không sân. Nên tu hai pháp như vậy.

100. Tỳ-kheo bị cử cũng nên tu hai pháp như vậy: một chân thật, hai không sân.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

101. Tỳ-kheo có hai pháp làm cho chánh pháp tiêu diệt nhanh chóng: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; cho đến thuyết, phi thuyết^{>86} cũng vậy.^{>87}

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

102. Lại có hai pháp không thể sinh thiện pháp: từ pháp, phi pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

10>. Lại có hai pháp Tỳ-kheo tự phá hoại, được liệt vào hạng phạm tội, bị người có trí chê trách, thọ nhiều tội báo: từ pháp, phi pháp, cho đến nói, không nói cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

104. Lại có hai pháp Tỳ-kheo đọa vào địa ngục như tên bắn: từ pháp, phi pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

105. Có hai pháp khiến chánh pháp tồn tại lâu dài: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

106. Lại có hai pháp, Tỳ-kheo có thể sinh các pháp thiện: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

107. Lại có hai pháp, Tỳ-kheo không tự phá hoại, không phạm tội, không bị người trí quở trách, thọ phước vô lượng: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

108. Lại có hai pháp, Tỳ-kheo tự mình đặng sinh thiên nhanh như tên bắn: phi pháp nói phi pháp, pháp nói là pháp, cho đến thuyết, phi

>86. Thuyết và bất thuyết 說不說, tức thuyết và phi thuyết: những điều được Phật nói, và những điều không phải do Phật nói.

>87. Thập tụng: hai pháp khiến pháp tiêu diệt, biến mất, chìm mất: Tỳ-kheo nghi pháp, nghi tỳ-ni. Lại có hai pháp khác: Tỳ-kheo dạy người phi pháp, phi tỳ-ni.

thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

109. Tỳ-kheo có hai pháp đáng bị cử tội: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp cho đến nói, không nói cũng như vậy.

Đáng bị tác ức niệm, tác tự ngôn, tác ngăn A-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

110. Lại có hai pháp Tỳ-kheo bị cử tội như pháp^{>88}: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, cho đến thuyết, phi thuyết cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

Tác ức niệm, tác tự ngôn, tác ngăn A-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ cũng như vậy.

111. Lại có hai pháp Tỳ-kheo đáng bị trao cho yết-ma ha trách: phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, cho đến nói, không nói cũng như vậy. Hai xứ, hai sự, hai phạm cũng như vậy.

Yết-ma tấn^{>89}, yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử tội cũng như vậy.

Hai xứ, hai sự, hai kiến cũng như vậy.

112. Có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: không hổ thẹn với điều đáng hổ thẹn, hổ thẹn với điều không đáng hổ thẹn. Có hai pháp này thì tăng trưởng hữu lậu.^{>90}

11>. Có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: hổ thẹn với điều đáng hổ thẹn, không hổ thẹn với điều không đáng hổ thẹn.

114. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: bất tịnh thấy là tịnh, tịnh thấy là bất tịnh.^{>91} Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

115. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: không tịnh thấy là không tịnh, tịnh thấy là tịnh. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

116. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: không phạm thấy là phạm, phạm thấy là không phạm. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

117. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: không phạm thấy

>88. Để bản: như pháp cử 如法舉. Tống-Nguyên-Minh: bất như pháp ứng cử 不如法應舉.

>89. Tấn yết-ma 擯羯磨; yết-ma khu xuất, đuổi khỏi trú xứ hiện tại. Xem Tỳ-kheo, Tăng-già-bà-thi-sa 12 (Ô tha gia).

>90. Tham chiếu Pali: có hai loại người tăng trưởng các lậu, 1. không nghi hối điều đáng nghi hối (na kukkucāyitabba kukkucāyati), 2. nghi hối điều không đáng nghi hối.

>91. Tịnh, đây có nghĩa là - hợp thức», tức đúng theo điều luật đã quy định. Tham chiếu Pali: akappiye kappasāññī, nơi điều không hợp thức (tịnh) cho là thức.

không phạm, phạm thấy là phạm. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

118. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: nặng thấy là nhẹ, nhẹ thấy là nặng. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

119. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: nhẹ thấy là nhẹ, nặng thấy là nặng. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

120. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: vô dư thấy là hữu dư, hữu dư thấy là vô dư. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

121. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: vô dư thấy là vô dư, hữu dư thấy là hữu dư. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

122. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: phi pháp thấy là pháp, pháp thấy là phi pháp. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

12>. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: phi pháp thấy là phi pháp, pháp thấy là pháp. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

124. Lại có hai pháp tăng trưởng hữu lậu: phi chế lại chế,^{>92} đã chế lại đoạn. Có hai pháp như vậy thì tăng trưởng hữu lậu.

125. Lại có hai pháp không tăng trưởng hữu lậu: phi chế không chế, đã chế thì không đoạn. Có hai pháp như vậy thì không tăng trưởng hữu lậu.

126. Có hai lời thành xả giới: “Tôi xả Phật, xả Pháp,” cho đến “Tôi không phải là Sa-môn Thích tử,” như trên.^{>9>}

127. Đức Như Lai ra đời, thấy các lỗi lầm nên vì các Tỳ-kheo chế giới với hai nghĩa: một là nhiếp thủ Tăng, hai là khiến cho Tăng hoan hỷ.^{>94}

128. Lại có hai pháp: một là khiến người không tin sẽ tin, hai là khiến người đã tin thì tin tăng trưởng.

129. Lại có hai pháp: một là người khó điều phục được điều phục, hai là Tỳ-kheo biết tâm quý được sống an lạc.

1>0. Lại có hai pháp: một là khiến chánh pháp tồn tại lâu dài, hai là nhiếp thủ tỳ-ni.

1>1. Lại có hai pháp: một là đoạn trừ oán đời hiện tại, hai là đoạn oán đời vị lai.

>92. Quy định điều mà Phật đã không quy định.

>9>. Xem mục một pháp: một lời thành xả giới.

>94. Hai trong 10 mục đích Phật quy định giới (mười cú nghĩa). Xem Phần i, chương i, Ba-la-di 1, cht.>1; Việt, quyển 1, tr. 25.

1>2. Lại có hai pháp: một là diệt hữu lậu hiện tại, hai là diệt hữu lậu vị lai.

1>>. Lại có hai pháp: một là đoạn khủng bố hiện tại, hai là trừ khủng bố vị lai.

1>4. Lại có hai pháp: một là đoạn trọng tội hiện tại, hai là đoạn trọng tội vị lai.

1>5. Lại có hai pháp: một là đoạn bất thiện pháp hiện tại, hai là đoạn bất thiện pháp vị lai. Vì hai nghĩa này, Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế 21 Yết-ma

1>6. Lại có hai pháp, vì hai pháp nên Đức Thế Tôn chế yết-ma ha trách:^{>95} một là nhiếp thủ đối với Tăng, hai là khiến cho Tăng hoan hỷ, cho đến đoạn bất tịnh pháp hiện tại, bất thiện pháp vị lai cũng như trên.

Như vậy mỗi một câu cho đến bảy diệt tránh, như pháp yết-ma ha trách. Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.^{>96}

III. BA PHÁP

1. Bảy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Có ba yết-ma nhiếp tất cả yết-ma. Ba yết-ma ấy là: bạch yết-ma^{>97}, bạch nhị yết-ma, bạch tứ yết-ma. Đó là ba pháp yết-ma nhiếp tất cả các yết-ma.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo nghe rồi hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

2. Bảy giờ, Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, bảo các Tỳ-kheo:

Có ba trường hợp trao ước niệm tỳ-ni phi pháp. Ba phi pháp ấy là:

a. Hoặc có Tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo nói là phạm Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, và hỏi: - Người có nhớ phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá không? Vị kia nói: - Căn bản không thấy.^{>98} Nay các Trưởng lão! Tôi không nhớ có phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá. Đừng nạn vấn tôi mãi. Các Tỳ-kheo

>95. Thập tụng: Có hai sự, Phật quy định các yết-ma khổ thiết (yết-ma y chỉ, yết-ma khu xuất, yết-ma hạ ý... ma-na-đỏa, bản nhật trị, xuất tội), 1. khiến kẻ xấu không đắc lực; 2. người thanh tịnh đắc lực. Đoạn sau, có hai sự, như trên, 1. khiến đời nay thanh tịnh từ giờ; 2. đời sau an lạc phạm hạnh lâu dài

>96. Hết quyển 57.

>97. Cũng nói là - đơn bạch yết-ma.

>98. Để bản: bất kiến 不見. Các bản khác: bất hiện.

cứ nạn vấn không thôi, nên vị đó đến Tăng xin ước niệm tỳ-ni. Nếu Tăng cho vị đó ước niệm tỳ-ni, thì đó là trao ước niệm tỳ-ni phi pháp.

b. Hoặc có Tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo nói là phạm Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi: - Người có nhớ phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá không? Vị kia nói: - Căn bản không thấy. Thưa các Trưởng lão, tôi không nhớ có phạm trọng tội như vậy. Tôi phạm tiểu tội. Tôi sẽ sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng nạn vấn tôi mãi. Vì các Tỳ-kheo cố nạn vấn không thôi, nên vị đó đến Tăng xin ước niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ước niệm tỳ-ni, thì đó là trao ước niệm tỳ-ni phi pháp.

c. Hoặc có Tỳ-kheo phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo hỏi: - Người có nhớ phạm, trọng tội Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá không? Vị đó nói: - Căn bản không thấy. Thưa các Trưởng lão, tôi không nhớ có phạm trọng tội Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Tôi phạm tiểu tội, đã sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cật vấn không thôi, nên vị kia đến Tăng xin ước niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ước niệm tỳ-ni thì là phi pháp.

Đó là ba loại trao ước niệm tỳ-ni phi pháp.

>. Có ba trường hợp trao ước niệm tỳ-ni như pháp:

a. Nếu Tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá, bèn hỏi: Người nhớ phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy không? Vị kia không nhớ có phạm nên nói: Thưa Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ cật vấn không thôi, cho nên vị kia cố nhớ lại kỹ, rồi đến Tăng xin ước niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ước niệm tỳ-ni thì đó là trao ước niệm tỳ-ni như pháp.

b. Nếu Tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi: - Người phạm Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá, có nhớ không? Vị kia không nhớ có phạm, nên nói: Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy. Tôi phạm tiểu tội, sẽ như pháp sám hối thanh tịnh. Các Trưởng lão đừng

cật vấn tội. Vì các Tỳ-kheo cứ cật vấn mãi không thôi, nên vị kia cố nhớ lại kỹ, rồi đến Tăng xin ước niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ước niệm tỳ-ni thì đó là trao ước niệm tỳ-ni như pháp.

c. Hoặc Tỳ-kheo không phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi: - Người phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy, có nhớ không? Vị kia không nhớ có phạm nên nói: - Thưa Trưởng lão, tôi không nhớ phạm trọng tội, Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Thâu-lan-giá như vậy. Tôi phạm tiểu tội, đã sám hối thanh tịnh. Các Tỳ-kheo dừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ cật vấn mãi không thôi, nên vị kia cố nhớ lại kỹ rồi đến Tăng xin ước niệm tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho ước niệm tỳ-ni, thì đó là trao ước niệm tỳ-ni như pháp.

Đó là ba trường hợp trao ước niệm tỳ-ni như pháp.

4. Lại có ba trường hợp trao cho bất si tỳ-ni phi pháp:

a. Nếu Tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo khác nói: - Người phạm trọng tội, hoặc Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá. Vị kia nói: - Tôi điên cuồng tâm loạn, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Đó chẳng phải là việc tôi cố ý làm, mà là do si cuồng. Các Trưởng lão dừng nên cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ vẫn cật vấn không thôi, nên vị kia đến giữa Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bất si tỳ-ni, tức là cho bất si tỳ-ni phi pháp.

b. Nếu Tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi: - Người nhớ phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá không? Vị kia nói: - Trước đây, tôi si cuồng tâm loạn, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải do tôi cố ý làm, mà là vì si cuồng nên làm như vậy. Như người nhớ việc trong mộng, tôi cũng như vậy. Các Trưởng lão dừng nên cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo vẫn cứ cật vấn không thôi, (995a1) nên vị kia đến trong Tăng xin bất si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bất si tỳ-ni, tức là cho bất si tỳ-ni phi pháp.

c. Nếu Tỳ-kheo không si cuồng mà dối làm si cuồng, phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Các Tỳ-kheo khác nói là phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng già bà thi sa, hay Thâu-lan-giá, bèn hỏi: - Người nhớ phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay

Thâu-lan-giá không? Vị kia nói: - Trước đây, tôi si cuồng nên làm như vậy. Như người từ trên núi cao rơi xuống, chỉ nắm được một ít cỏ cây mà thôi. Các Trưởng lão đừng nên cật vấn tôi. Vì các Trưởng lão vẫn cố cật vấn không thôi, nên vị kia đến giữa Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho pháp bắt si tỳ-ni, tức là trao bắt si tỳ-ni phi pháp.

Đó là ba trường hợp trao bắt si tỳ-ni phi pháp.

5. Lại có ba trường hợp trao Bắt si tỳ-ni như pháp:

a. Nếu Tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Sau đó, vị kia trở lại bình phục. Các Tỳ-kheo khác nói: - Người phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy, có nhớ hay không? Vị kia nói: - Trước đây tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Các Trưởng lão đừng gạn hỏi tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ gạn hỏi mãi không thôi, nên vị kia khi si cuồng chấm dứt, đến trước Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bắt si tỳ-ni, tức là trao bắt si tỳ-ni như pháp.

b. Nếu Tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Sau đó, vị kia trở lại bình phục. Các Tỳ-kheo khác nói: - Người phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy, có nhớ hay không? Vị kia nói: - Trước đây tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Như người nhớ lại việc làm trong mộng. Các Trưởng lão đừng nên gạn hỏi tôi. Vì các Tỳ-kheo vẫn cứ gạn hỏi không thôi, nên vị kia sau khi si cuồng chấm dứt, đến trước Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng trao cho bắt si tỳ-ni, tức là trao bắt si tỳ-ni như pháp.

c. Nếu Tỳ-kheo si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Sau đó, vị kia trở lại bình phục. Các Tỳ-kheo khác nói: - Người phạm trọng tội, Ba-la-di, hoặc Tăng-già-bà-thi-sa, hay Thâu-lan-giá như vậy, có nhớ hay không? Vị kia nói: - Trước đây tôi si cuồng nên phạm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn; chẳng phải do tôi cố làm, mà vì cuồng si. Tôi nhớ như người từ trên núi cao rơi xuống chỉ nắm được một ít cỏ cây mà thôi. Các Trưởng lão đừng cật vấn tôi. Vì các Tỳ-kheo cứ cật vấn mãi không thôi, nên vị kia, sau khi cuồng si dứt, đến trước Tăng xin bắt si tỳ-ni. Nếu Tăng cho bắt si tỳ-ni, tức là trao cho bắt si tỳ-ni như pháp.

Đó là ba trường hợp trao bắt si tỳ-ni như pháp.

6. Có ba loại điều phục pháp:^{>99} ha trách, tấn xuất, y chỉ. Đó là ba pháp điều phục.

7. Có ba pháp diệt tránh: Dùng lời của nhiều người, tội xử sở, cở che đất. Đó là ba pháp diệt tránh.

8. Lại có ba pháp, nên gọi Tỳ-kheo đến hiện tiền rồi tác bạch, sau đó mới tác ba yết-ma. Ta nói pháp như vậy, đắc xử sở, yết-ma thành tựu. Nếu Tỳ-kheo ưa đấu tranh, Tăng nên trao cho ba loại yết-ma: hoặc yết-ma ha trách, hoặc yết-ma y chỉ, hoặc yết-ma tấn.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

9. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo, có ba pháp không được cho thọ đại giới: một là phá giới, hai là phá kiến, ba là phá oai nghi⁴⁰⁰. Người có ba pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

Có ba pháp nên cho thọ đại giới: Không phá giới, không phá kiến, không phá oai nghi. Người có ba pháp như vậy nên cho thọ đại giới.

10. Tỳ-kheo có ba pháp, Tăng nên trao cho pháp yết-ma ha trách: phá giới, phá kiến, phá oai nghi. Phạm vào ba pháp như vậy Tăng nên trao cho pháp yết-ma quả trách.

11. Hoặc yết-ma tấn, hay yết-ma y chỉ, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử, cũng như vậy.

12. Người bị cử có ba pháp, không được cho giải yết-ma: Nên thấy⁴⁰¹ mà không thấy, nên sám mà không sám, nên xả mà không xả⁴⁰². Vi phạm vào ba pháp như vậy, không được vì họ giải yết-ma.

1>. Người bị cử^{40>} có ba pháp nên vì họ giải yết-ma: Nên thấy thì thấy, nên sám thì sám, nên xả thì xả. Làm được ba pháp như vậy, nên vì họ giải yết-ma.

14. Người bị cử có ba pháp, không được vì họ giải yết-ma: Nên thấy mà không thấy, nên sám mà không sám, nên tin mà không tin. Ai có ba pháp như vậy, không được cho giải yết-ma.

15. Người bị cử có ba pháp nên cho giải yết-ma: Nên thấy thì thấy, nên sám thì sám, nên tin thì tin. Ai có ba pháp như vậy, nên cho giải yết-ma.

16. Tỳ-kheo có ba pháp nên trao cho pháp yết-ma ngăn không cho

>99. Ba biện pháp chế ngự Tỳ-kheo phạm luật.

400. Tương đương với ba trong số 1> già nạn không được thọ cụ túc, theo thứ tự: phạm biên tội, pháp nội ngoại đạo, tắc trụ.

401. Tức thấy tội, hay nhận tội.

402. Kiên trì ác kiến không xả. Xem cht.4>, Ch.xi (Phần iv). Xem Tỳ-kheo, ba-đạt-đề 68, 69.

40>. Bị Tăng xử trí. Xem thêm cht.2, cht.8 ch.ix; cht.1>, ch.x.

đến nhà bạch y: Trước người bạch y mà chê trách Phật, Pháp, Tăng. Ai có ba pháp như vậy, nên trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.

17. Trao cho Tỳ-kheo pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y nên bằng ba pháp để cân nhắc: xứng lượng Tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng sự việc.

18. Lại có ba pháp: xứng lượng Tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng yết-ma.

19. Lại có ba pháp: Xứng lượng Tỳ-kheo, xứng lượng bạch y, xứng lượng tội phạm.

20. Lại có ba pháp: có thật hay không thật, có làm hay không làm, đáng trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, hay không đáng trao cho pháp yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y. Đó là ba việc cân nhắc để trao cho Tỳ-kheo yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y.

21. Lại có ba pháp tác yết-ma quở trách phi pháp phi tỳ-ni yết-ma không thành, không đắc xứ sở. Ba pháp ấy là, không tác cử, không tác ức niệm, không tác tự ngôn.

22. Lại có ba pháp: không phạm, tội phạm không thể sám, hoặc tội đã sám rồi.

23. Lại có ba pháp: không tác cử, phi pháp, biệt chúng.

24. Lại có ba pháp: không tác ức niệm, phi pháp, biệt chúng.

25. Lại có ba pháp: không tác tự ngôn, phi pháp, biệt chúng.

26. Lại có ba pháp: không phạm, phi pháp, biệt chúng.

27. Lại có ba pháp: tội phạm không thể sám hối, phi pháp, biệt chúng.

28. Lại có ba pháp: tội phạm đã sám hối, phi pháp, biệt chúng.

29. Lại có ba pháp: không hiện tiền, phi pháp, biệt chúng.

Có ba pháp như vậy, tác yết-ma quở trách phi pháp, phi tỳ-ni, không thành, không đắc xứ sở.

>0. Có ba pháp tác yết-ma quở trách như pháp, như tỳ-ni thành tựu, đắc xứ sở (đúng cách) (ngược lại với câu trên, để khỏi phiền nên không chép ra).⁴⁰⁴

>1. Có ba việc lộng âm xuất tinh Tăng-già-bà-thi-sa: hồi tưởng, lộng, xuất bất tịnh. Làm ba việc như vậy phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

>2. Lại có ba việc: hồi tưởng, lộng, muốn xuất bất tịnh màu xanh, hoặc xuất bất tịnh màu xanh, Tăng-già-bà-thi-sa.

404. Phụ chú trong nguyên bản.

>>. Nếu hồi tưởng, lộng, muốn xuất bất tịnh màu xanh, cho đến xuất bất tịnh màu vàng, hoặc đỏ, hoặc trắng, hoặc đen, hoặc màu sữa, hoặc bất tịnh màu lạc tương, Tăng-già-bà-thi-sa.

>4. Nếu hồi tưởng, lộng, cho đến muốn xuất bất tịnh màu nước sữa, hoặc xuất, Tăng-già-bà-thi-sa.

>5. Nếu hồi tưởng, lộng, muốn xuất bất tịnh màu lạc tương, cho đến xuất bất tịnh màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, Tăng-già-bà-thi-sa.

>6. Cũng vậy, vì khoái lạc, vì làm thuốc, vì thử nghiệm, vì phước đức, vì tế trời, vì thiện đạo, vì bố thí, vì lấy giống, vì vọc chơi, vì buông tuồng, vì thử sức, vì (996a1) nhan sắc, vì dễ người; tất cả đều phạm Tăng-già-bà-thi-sa.

>7. Đối với nội sắc cũng như vậy. Đối với ngoại sắc cũng như vậy. Đối với nội ngoại sắc cũng như vậy. Nếu đối với nước, với gió, với hư không cũng như vậy.

>8. Có ba hạng người phạm: không điên cuồng, không thác loạn, không thống não. Đó là ba hạng người phạm.

>9. Có ba hạng người không phạm: điên cuồng, thác loạn, thống não. Đó là ba hạng người không phạm.

40. Có ba loại chúng sinh mà hành dâm với, phạm Ba-la-di: nhân, phi nhân, súc sinh. Đó là ba loại chúng sinh hành dâm phạm Ba-la-di.

41. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, hai căn.

42. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, huỳnh môn.

4>. Lại có ba loại: phụ nữ, đồng nữ, nam tử.

44. Lại có ba: nam tử, hai căn, huỳnh môn.

45. Lại có ba loại phụ nữ mà hành dâm với, phạm Ba-la-di: phụ nữ loài người, phụ nữ loài phi nhân, súc sinh cái.

46. Đồng nữ cũng như vậy. Hai căn cũng như vậy. Huỳnh môn cũng như vậy. Nam tử cũng như vậy.

47. Với phụ nữ loài người, hành dâm tại ba chỗ: đại tiện, tiểu tiện và miệng, phạm Ba-la-di

48. Phụ nữ phi nhân, phụ nữ súc sinh; đồng nữ loài người, đồng nữ phi nhân; súc sinh cái, người hai căn, phi nhân hai căn, súc sinh hai căn cũng như vậy.

49. Có ba loại trộm phạm Ba-la-di: tự mình lấy, hiện tiền chỉ bảo lấy, sai phái người đi lấy.

50. Lại có ba: không nghĩ tưởng của mình mà lấy, không lấy tạm, chẳng phải thân tình mà lấy.

51. Lại có ba: của người, ý tưởng là của người, dời khỏi chỗ cũ.

52. Có ba loại đoạn mạng phạm Ba-la-di: người có ý tưởng là người, hoặc dùng thân, hay dùng miệng để đoạn mạng. Đó là ba loại đoạn mạng phạm Ba-la-di.

53. Có ba loại đoạn mạng người không phạm Ba-la-di: người mà tưởng là phi nhân, hoặc dùng thân, hay dùng miệng để đoạn mạng. Đó là ba loại đoạn mạng người mà không phạm Ba-la-di.

54. Có ba loại tự xưng đẳng pháp thượng nhân phạm Ba-la-di: không đắc nói đắc, không nhập nói nhập, không chứng nói chứng. Đó là ba loại.

55. Lại có ba loại: phạm do thân, phạm do miệng, phạm do cả thân và miệng.⁴⁰⁵ Đó là ba loại (Trong ba điều phạm này lại có bốn vết khác tên: vết thứ nhất nói, ba loại tướng.⁴⁰⁶ Vết hai, nói ba loại chú. Vết ba, nói ba phi oai nghi.⁴⁰⁷ Vết bốn, nói ba tà mạng⁴⁰⁸)⁴⁰⁹

56. Lại có ba: Tham, nhuế, si. Đó là ba.

57. Lại có ba: Thân dục, khẩu dục, thân khẩu dục. Đó là ba.⁴¹⁰

58. Lại có ba: Thân nhuế, khẩu nhuế, thân khẩu nhuế. Đó là ba.

59. Lại có ba: Thân si, khẩu si, thân khẩu si. Đó là ba.

60. Lại có ba: Thân dục hại, khẩu dục hại, thân khẩu dục hại.⁴¹¹ Đó là ba. Nhuế si cũng như vậy.

61. Có ba hạng người phạm: một là Tăng, hai là số đông người, ba là một người.⁴¹²

62. Có ba hạng người sám hối: Tăng, số đông người, một người.

63. Có ba hạng người nên thọ sám hối: Tăng, số đông người, một

405. Tham chiếu Pali: do ba hành tướng phạm tội (tīhākārehi āpatti āpajjati): phạm bởi thân, phạm bởi miệng, phạm bởi thân và miệng.

406. Để bản: tướng 相. Các bản khác: kiến (đọc là hiện) tướng 見相. Pali: ākāra, hành tướng, hay dấu hiệu. Xem cht.65 trên.

407. Oai nghi, ở đây, Pali: ācāra, hành vi hay cử chỉ. Ba phi oai nghi, Pali: ba phi hành, phi hành nơi thân (kāyikena anācārena; Sở giải: vi phạm học xứ đối với thân), phi hành nơi miệng, phi hành nơi thân và miệng.

408. Ba tà mạng. Tham chiếu Pali: tà mạng qua thân (kāyikena micchājivena), qua miệng, qua thân và miệng.

409. Phụ chú trong bản Hán.

410. Tham chiếu Pali: cần thi hành yết-ma đối với Tỳ-kheo có đủ > chi: buông trôi theo dục lạc nơi thân (kāyikena davena samannāgatassa hoti, Sở giải, như chơi câu, cờ bạc), nơi miệng, nơi miệng và thân.

411. Vi phạm điều Phật chế do bởi tham dục nơi thân, nơi miệng, nơi thân và miệng. Tham chiếu Pali: ba vi hại, vi hại qua thân (kāyikena upaghātikena; Sở giải, không học học xứ Phật chế nơi thân), vi hại qua miệng, qua thân và miệng.

412. Tham chiếu Pali: có tội Tăng-già phạm (atthāpatti sangho āpajjati), biệt chúng (gana) không phạm, cá nhân (puggala) không phạm. Có tội biệt chúng phạm, Tăng không phạm, cá nhân không phạm. Có tội cá nhân phạm, Tăng không phạm, biệt chúng không phạm.

người.

64. Có ba hạng người phạm Ni-tát-kỳ: Tăng, số đông người, một người.

Phạm Ni-tát-kỳ nên đối trước ba hạng người xả: Tăng, số đông người, một người.

65. Có ba hạng người thọ Ni-tát-kỳ: Tăng, số đông người, một người.

66. Có ba loại im lặng: biết mà im lặng, không biết mà im lặng, si mà im lặng.

67. Có ba loại trụ: giới trụ, kiến trụ, yết-ma trụ.

68. Lại có ba: giới trụ, kiến trụ, oai nghi trụ.

69. Lại có ba: giới trụ, kiến trụ, mạng trụ.

70. Lại có ba hạng người tranh chấp: hoặc Tăng, hoặc số đông người, hoặc một người.

71. Có ba hạng người khởi dậy tranh chấp: hoặc Tăng, hoặc số đông người, hoặc một người.

72. Có ba hạng người xả tranh chấp: Tăng, số đông người, hoặc một người.

7>. Nên đối trước ba hạng người để xả: hoặc Tăng, hoặc số đông người, hay một người.

74. Có ba hạng người diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, hay một người.

75. Có ba hạng người nên diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, một người.

76. Có ba hạng người được diệt tranh chấp: Tăng, số đông người, hay một người.

77. Tỳ-kheo có ba thứ chánh ngữ nên nói với Tỳ-kheo: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.

78. Cử tội Tỳ-kheo khác nên dùng ba việc: nghe, thấy, nghi.

79. Có ba loại che giấu: che giấu phá giới, che dấu phá kiến, che dấu phá oai nghi.

80. Có ba cách phát lồ: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.

81. Có ba loại sám hối: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.

82. Có ba loại yết-ma phóng dật:^{41>} Yết-ma phá giới, yết-ma phá kiến, yết-ma phá oai nghi.

8>. Có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng huệ học. Đó là ba học.

41>. Phóng dật yết-ma 放逸羯磨.

84. Lại có ba học: oai nghi học, tịnh hạnh học, ba-la-đề-mộc-xoa học. Đó là ba học.

85. Bấy giờ, có số đông Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Đại đức là chủ của Pháp, nói về học. Vậy thế nào là học?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Học nơi giới, nên gọi là học.

- Thế nào là học giới? Tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, cho nên gọi là học. Khi vị kia tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, được điều phục, dứt sạch tham dục, sân nhuế, ngu si. Vị kia khi đã dứt sạch hết tham dục, sân si rồi không tạo bất thiện, không gần các ác. Đó gọi là học.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

86. Đức Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Các người học những gì? Thế nào học?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Đại đức là căn bản của Pháp, là chủ pháp, như điều Đức Thế Tôn vừa dạy chúng con thọ trì, cho nên gọi là học.

87. Lại có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học. Học ba môn học này sẽ đạt được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Cho nên cần phải tinh tấn học ba môn học này.

88. Bấy giờ Tôn giả A-nan ở trong Kê viên, thành Ba-la-lê Tử⁴¹⁴. Khi ấy, có Khổng tước quan Bà-la-môn⁴¹⁵ đến chỗ Tôn giả thăm hỏi rồi, ngồi qua một bên, bạch Tôn giả:

- Sa-môn Cù-đàm tại sao vì các Tỳ-kheo chế tăng giới học, tăng tịnh hạnh học, tăng ba-la-đề-mộc-xoa học?

Tôn giả trả lời:

- Nhằm mục đích điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si, khiến cho tận diệt, nên Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế giới.

Vị kia lại hỏi:

- Nếu Tỳ-kheo đắc lậu tận của A-la-hán, vị kia học cái gì?

Tôn giả A-nan trả lời:

- Tham dục, sân nhuế, ngu si hết, không tạo bất thiện, không gần

414. Ba-la-lê Tử thành Kê viên 波羅梨子城雞園. Xem Trung A-hàm 60 (T01n26 tr.802a1>); Ba-la-lợi Tử thành, Kê viên 波羅利子城雞園. Tạp A-hàm 24 (T02n99 tr.175b12); Ba-liên-phát áp Kê lâm tinh xá 巴連弗邑雞林精舍. Pali: Pānaliputta, Kukkuṇārāma.

415. Khổng tước quan Bà-la-môn 孔雀冠婆羅門.

các ác, việc cần đã làm xong, gọi là vô học.

Bà-la-môn hỏi:

- Như điều vừa nói, được gọi là vô học phải không?

A-nan trả lời:

- Chính như vậy.

Tôn giả A-nan nói như vậy. Khổng tước quan Bà-la-môn nghe rồi hoan hỷ tin ưa thọ trì.

89. Đức Thế Tôn ở trong thôn Bạng-già-di,⁴¹⁶ nước Ma-kiệt, vì các Tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới pháp. Bấy giờ, có Tỳ-kheo cựu trú thuộc họ Ca-diếp⁴¹⁷ xuất gia. Tỳ-kheo này nghe Đức Thế Tôn nói pháp, không sinh lòng tin ưa, ưu sầu không vui, nói:

- Đức Thế Tôn cứ khùng bố chúng ta.⁴¹⁸

Khi Đức Thế Tôn di chuyển đến thành Vương-xá không lâu, Tỳ-kheo họ Ca-diếp kia tâm tự hối hận, nói: - Ta đặng điều bất thiện, thiệt hại. Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới, mà ta không sinh lòng tin ưa, sầu ưu không vui, lại nói: “Thế Tôn cứ khùng bố chúng ta.” Nay ta cần phải đối trước Đức Thế Tôn chí thành sám hối.

Vị Tỳ-kheo kia liền khoác y, bưng bát đi qua thành Vương-xá, đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, đem nhân duyên trên bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy đầu mặt kính lễ sát chân, chí thành hối quá:

- Kính bạch Đại đức, con ngu si, vô trí, bất thiện. Đức Thế Tôn đã vì các Tỳ-kheo dùng vô số phương tiện nói giới pháp mà con sinh lòng không tin ưa, ôm sự ưu não, nói: “Thế Tôn cứ khùng bố chúng ta mãi.” Cúi xin Đại đức nhận sự hối quá của con!

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Người tự sám hối sự ngu si, vô trí, bất thiện của mình. Ta đã vì các Tỳ-kheo nói giới. Người tự mình không tin ưa, ôm lòng ưu sầu, nói: “Đức Thế Tôn cứ khùng bố chúng ta mãi.” Ở trong giáo pháp của Ta, ai có thể chí thành như pháp sám hối thì được tăng ích. Người sám hối thì nên sinh tâm yếm ly. Tỳ-kheo, người chí thành như pháp sám hối.

416. Bạng-già-di 崩伽彌. Tham chiếu Tạng A-hàm >0 (T02n99, tr.21>a05): Bạng-già-xà, Bạng-già-kỳ lâm 崩伽闍崩伽耆林. Pali (A. i. 1>6): Pakadhā (bản Miến: Sakavā), một thị trấn ở Kosala.

417. Tạng A-hàm, dẫn trên: Tôn giả Ca-diếp thị 尊者迦葉氏.

418. Tạng A-hàm, dẫn trên, Tôn giả này nói: - Vị Sa-môn Cù-đàm này tán thán giới này quá đáng 此沙門極讚歎是戒. Pali (dẫn trên): adhisallikhatevāya samaṇo, - ngài Sa-môn này quá cực kỳ nghiêm khắc.

Ta vì người thọ nhận.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Ca-diếp kia kính lễ sát chân Phật rồi ngồi lui qua một bên. Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu Thượng tọa đã không học giới cũng không khen ngợi giới, mà nếu có Tỳ-kheo khác ưa học giới, khen ngợi giới, lại cũng không tùy thời khuyến khích, khen ngợi. Tỳ-kheo Ca-diếp, Ta không khen ngợi hạng Thượng tọa như vậy. Tại sao? Nếu Ta khen ngợi, khiến các Tỳ-kheo sẽ thân cận. Nếu có ai thân cận, khiến người khác học tập pháp (của vị) đó; thì người học tập theo pháp đó sẽ thọ khổ lâu dài. Vì thế cho nên, này Tỳ-kheo Ca-diếp, Ta thấy lỗi lầm của Thượng tọa như vậy nên không khen ngợi. Hàng trung hạ tọa cũng như vậy. (Đây là hàng Thượng, Trung, Hạ tọa không như pháp. Kế tiếp theo có hàng Thượng, Trung, Hạ tọa như pháp, ngược lại văn trên, sợ phiền nên không chép ra).⁴¹⁹

Đức Phật dạy như vậy. Tỳ-kheo Ca-diếp hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

90. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thí như có con lừa cùng đi với bầy bò, tự nói: “Ta cũng là bò, ta cũng là bò.” Nhưng lông của lừa thì không giống bò, chân của lừa không giống bò, tiếng kêu không giống bò. Cùng đi với bò, tự nói là bò, cũng như vậy. Có người ngu đi theo Tỳ-kheo như pháp, tự nói ta là Tỳ-kheo. Người ngu này không có tăng giới, tăng tâm, tăng huệ như thiện Tỳ-kheo, cùng đi với chúng Tăng, tự nói là Tỳ-kheo. Do đó, các người cần phải siêng năng tu tập tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

91. Đức Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có Tỳ-kheo người Bạt-xà đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên bạch Đức Thế Tôn:

- Giới được thuyết trong mỗi nửa tháng nhiều quá, con không thể học hết số giới nhiều như vậy.

Đức Phật dạy:

- Người học ba giới: Tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ thôi. Thấy học ba giới như vậy sẽ đạt đến chỗ mà tham dục, sân nhuế, ngu si diệt tận, không tạo bất thiện, không gần các ác.

Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Đại đức, con nguyện hoan hỷ thọ trì.

Tỳ-kheo người Bạt-xà sau nghe Đức Thế Tôn lược dạy rồi, một

419. Phụ chú trong nguyên bản Hán.

mình ở tại chỗ khuất, tinh cần không phóng dật. Đầu đêm sau đêm chuyên ý cảnh tỉnh, tư duy mục đích xuất gia. Tu tập không lâu, đặng vô thượng tịnh hạnh, ngay hiện tại mà tự biết tự chứng đắc, - Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không thọ sinh trở lại. Tỳ-kheo người Bạt-xà tự biết chứng A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

92. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

- Thế nào là tăng giới học?⁴²⁰

- Có Tỳ-kheo tôn trọng giới, lấy giới làm chủ; không đặt trọng nơi định, không lấy định làm chủ; không trọng nơi tuệ, không lấy tuệ làm chủ. Tỳ-kheo ấy ở nơi giới có phạm nhẹ liền sám hối. Tại sao vậy? Trong đây, không phải như đồ dùng đã vỡ, đá đã vỡ. Nếu là giới nặng, Tỳ-kheo ấy phải kiên trì, khéo trụ nơi giới, nên thân cận hành trì, không hành (với giới) bị sút mẻ, không hành (giới) nhiễm ô, thường tu tập như vậy. Vị kia đoạn năm hạ kết sử,⁴²¹ sinh lên cõi trên mà Niết-bàn ở đó⁴²², không trở lại nơi đây.^{42>}

- Nếu Tỳ-kheo trọng giới, lấy giới làm chủ; trọng nơi định, lấy định làm chủ; không trọng tuệ, không lấy tuệ làm chủ, như trên.

- Nếu Tỳ-kheo trọng giới lấy giới làm chủ, trọng định lấy định làm chủ, trọng tuệ lấy tuệ làm chủ. Vị kia lậu diệt tận, đắc vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ngay trong hiện tại, tự thân chứng ngộ, tự biết, “Sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không còn tái sinh nữa⁴²⁴”. Người hành trọn đủ, thì thành tựu trọn đủ.⁴²⁵ Người hành không trọn đủ, thì thành tựu không trọn đủ.⁴²⁶ Ta nói, giới này không phải luống không.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa

420. Tăng giới, tức tăng thượng giới. Pali: adhisīla.

421. Hạ ngũ sử #Â###¹. Năm thuận hạ phần kết (Pali: paṭca orambhgiya saṇyojana), 5 kết sử dẫn tái sinh Dục giới: thân kiến (sakkāyaditthi), giới thủ kiến (sīlabbata-parāmaṣo), nghi (vichicchā), tham dục (kāmachando), sân nhuế (vyāpādo).

422. Thánh giả A-na-hàm sau khi từ Dục giới chết sinh lên một trong năm tầng Tịnh cư thiên, và nhập Niết-bàn tại đó.

42>. Không tái sinh Dục giới, Bất hoàn.

424. Nguyên Hán: bất hoàn thử; định cú để nói về vị A-na-hàm không tái sinh Dục giới. Nhưng trong đoạn này, đây là tuyên bố của vị đã chứng A-la-hán, nên có thể bản Hán đã chép sai. Thường nói là - bất thọ hậu hữu» sau đời này, không còn đời nào nữa.

425. Chỉ Tỳ-kheo hành đủ cả ba học, thành tựu cũng trọn đủ là đắc cứu cánh trí, thành A-la-hán.

426. Không hành đủ ba học, chứng đắc cao nhất là A-na-hàm, không thể đắc quả A-la-hán.

thọ trì.

9>. Lại có ba học: tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học.

Thế nào là tăng giới học? Có Tỳ-kheo hành trì giới trọn đủ, hành trì định một ít, hành trì tuệ một ít. Vì kia đoạn năm hạ kết sử, sinh lên kia mà nhập Niết-bàn, không sinh trở lại cõi này.

Nếu không thể đến chỗ như vậy, thì có thể ba kết là tham dục, sân nhuế, si thành mỏng,⁴²⁷ đắc quả Tư-đà-hàm, sinh trở lại thế gian, liền tận cùng biên tế của khổ.

Nếu không thể đến chỗ như vậy thì có thể đoạn ba kết⁴²⁸ đặng quả Tu-đà-hoàn, không đọa ác đạo, quyết định đạt đến đạo, bảy lần sinh thiên thượng, bảy lần sinh trong loài người,⁴²⁹ liền hết khổ tế. Nếu Tỳ-kheo hành trì giới đầy đủ, hành trì định đầy đủ, hành trì tuệ một ít thì cũng như trên.

Nếu Tỳ-kheo hành trì giới đầy đủ, hành trì định đầy đủ, hành trì tuệ đầy đủ thì cũng như trên.

94. Lại có ba học: tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học.

Thế nào là Tăng giới học? Tỳ-kheo thọ trì đầy đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, thành tựu oai nghi, e sợ với cả khinh giới, xem nặng như kim cương, bình đẳng học tập các giới. Đó gọi là tăng giới học.

Thế nào là tăng tâm học? Tỳ-kheo xả dục ác,^{4>0} cho đến nhập được đệ tứ thiên. Đó là tăng tâm học.

Thế nào là Tăng tuệ học? Tỳ-kheo như thật biết Khổ đế, biết Tập, Diệt, Đạo. Đó gọi là tăng tuệ học.

95. Lại có ba học: tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học.

Tăng giới, tăng tâm như trên.

Tăng tuệ học là Tỳ-kheo biết bên trong có tham dục, như thật biết. Bên trong không có tham dục, như thật biết. Nếu chưa sinh tham dục, như thật biết. Nếu chưa sinh tham dục, sau đó sinh, như thật biết.

427. Dịch sát theo Hán: 能薄三結。貪欲瞋恚愚癡。Chính xác, nên hiểu: ba kết (thân kiến, giới cấm thủ và nghi) đã đoạn tận; tham dục, sân nhuế, ngu si với mỏng. Xem Trường A-hàm 5 (T1n1, tr.>4a27): 三結盡,薄婬怒癡,一來世間而般涅槃. Tham chiếu Pali, MahālisuttaM, D. i. 156: tittam sanyojanāna parikkhayā rāgadosa-mohāna tanuttā sakadāgāmī hoti.

428. Ba kết 三結, Pali: tīni sanyojanāni: thân kiến (sakkāyadiṭṭhi), giới thủ kiến (sīlabbataparāṃsāso), nghi (vichikcchā).

429. Nguyên văn Hán: thất sinh thiên thượng, thất sinh nhân trung 七生天上七生人中; cộng tất cả, Tu-đà-hoàn có đến 14 lần tái sinh. Đoạn này Hán dịch hoàn toàn sai. Thánh giả Tu-đà-hoàn tái sinh kể cả thiên thượng, nhân gian, cộng lại không quá bảy lần; lần thứ bảy, nhập Niết-bàn, không có tái sinh lần thứ tám. Trong kinh thượng thí dụ - Tu-đà hoàn tái sinh lần thứ tám (đệ bát hữu) để chỉ cho sự việc không bao giờ xảy ra. Xem Trường A-hàm 5 (dẫn trên): 斷三結得須陀不墮惡道極七往返必得涅槃.

4>0. Tức ly dục, ly pháp ác bất thiện... là những yếu tố để đắc sơ thiên.

Nếu đã sinh tham dục, có thể đoạn, như thật biết. Nếu tham dục chưa sinh, không khiến sinh, như thật biết.

Sân nhuế, thùỵ miên, trạo hối, nghi^{4>1} cũng như vậy.

Tỳ-kheo kia nghĩ: Ta ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt có tham dục, sân nhuế, như thật biết; không tham dục sân nhuế, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt tham dục, sân nhuế chưa sinh sẽ không sinh, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt tham dục, sân nhuế chưa sinh sẽ sinh, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt tham dục, sân nhuế đã sinh được đoạn diệt, như thật biết; ở nơi sắc được nhận thức bởi mắt tham dục, sân nhuế đã đoạn sau không sinh lại, như thật biết. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo bên trong có niệm giác ý,^{4>2} như thật biết; trong không có niệm giác ý, như thật biết; niệm giác ý chưa sinh sẽ không sinh, như thật biết; niệm giác ý chưa sinh sẽ sinh, như thật biết; niệm giác ý đã sinh được tu tập đầy đủ, như thật biết; niệm giác ý chưa sinh, phương tiện khiến sinh, như thật biết. Cũng vậy, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, ý giác ý, định giác ý, hỷ giác ý, hộ giác ý^{4>>} cũng như vậy.

96. Lại có ba tụ: trì giới tụ, định tụ, tuệ tụ.

97. Tỳ-ni có ba trả lời: thấy như vậy, nghe như vậy, nhãn khả như vậy.^{4>4}

98. Tỳ-kheo có ba điều diệt chánh pháp: phi chế lại chế, chế lại đoạn, không theo điều đã chế mà làm.

99. Tỳ-kheo lại có ba pháp không diệt chánh pháp: (ngược lại câu trên).

100. Có ba trường hợp vọng ngữ trọn vẹn: biết trước mà muồn nói dối, khi đang nói dối biết là nói dối, nói dối rồi biết là nói dối.

101. Lại có ba trường hợp thật ngữ trọn vẹn (ngược lại nghĩa trên).

102. Lại có ba loại sứ giả: một là đẳng (phần) sứ, hai là tăng (phần) sứ, ba là giảm (phần) sứ.

Thế nào vọi là đẳng (phần) sứ? Người sứ có thể thọ giáo, mà

4>1. Gồm 5 triển cái.

4>2. Giác ý, đây chỉ 7 giác chi, hay bồ-đề phần (Pali: bojjhaga): niệm (Pali: sati), pháp hay trạch pháp (dhamma-vicaya), tinh tấn (viriya), hỷ (pīti), khinh an (passaddhi), định (samādhi), xả (upekkha).

4>>. Bảy giác ý: niệm, pháp, tinh tấn, ý, định, hỷ, hộ 念精進猗定喜護. Giữ nguyên dịch ngữ của bản Hán, mặc dù không chính xác. Xem cht.91 trên.

4>4. Tham chiếu Pali, có ba pháp Tỳ-kheo không được đáp trả tỳ-ni (na vinayo vasajjitabbo): không biết hổ thẹn, ngu si và hành hại (alajji, bālo, apakatatto).

không thêm không bớt, tùy theo sự nghe mà nói lại, đó gọi là đấng (phần) sứ.

Thế nào gọi là tăng (phần) sứ? Người sứ thọ giáo rồi, vì muốn tăng thêm ích lợi nên nói thêm, đó gọi là tăng (phần) sứ.

Thế nào gọi là giảm (phần) sứ? Người sứ thọ giáo rồi, không nói lại đầy đủ, đó gọi là giảm (phần) sứ.

10>. Lại có ba hạng con: Con bằng (cha mẹ), con hơn (cha mẹ), con không bằng (cha mẹ).

Thế nào gọi là con bằng? Cha mẹ có tín, giới, thí, huệ. Con cũng có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con bằng.

Thế nào là con hơn? Cha mẹ không có tín, giới, thí, huệ, mà con có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con hơn.

Thế nào gọi là con không bằng? Cha mẹ có tín, giới, thí, huệ, mà con không có tín, giới, thí, huệ. Đó gọi là con không bằng.

Phật nói kệ:

*Con bằng và con hơn
Nên cầu con như vậy
Đừng cầu con không bằng
Tại gia không lợi ích.
Con kia thường như pháp
Thiện hành Ưu-bà-tắc
Thành tựu tín trì giới
Bố thí không xan lẫn.
Như trăng không mây che
Tại gia cũng như vậy.⁴³⁵*

104. Lại có ba bệnh: Hoặc có bệnh, dù được thức ăn tùy ý hay không được; dù được thuốc tùy bệnh hay không được; dù được người nuôi bệnh tốt tùy ý, hay không được; dù thế người bệnh cũng chết, không thể khỏi bệnh mà được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy.

Hoặc có bệnh nhân, dù được thức ăn tùy ý hay không được; dù được thuốc tùy bệnh hay không được; dù được người nuôi bệnh tốt tùy ý, hay không được; mà bệnh nhân này không chết, khỏi bệnh được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy,

Hoặc có bệnh nhân nếu không được thức ăn tùy ý, không được thuốc tùy bệnh, không được người nuôi bệnh tốt tùy ý, bệnh nhân này sẽ chết, không thể khỏi bệnh được lành. Nếu được thức ăn tùy ý, được thuốc tùy bệnh, được người nuôi bệnh tốt, thì người bệnh này không

4>5. Xem Tập A-hàm >1, kinh số 874 (T02n99tr.220c19).

chết, khỏi bệnh được lành. Hoặc có bệnh nhân như vậy.

Trong số đó, đối với bệnh nhân nếu không được thức ăn tùy ý, không được thuốc tùy bệnh, không được người nuôi bệnh tốt tùy ý, bệnh nhân này sẽ chết, không thể khỏi bệnh được lành; hoặc nếu được thức ăn tùy ý, được thuốc tùy bệnh, được người nuôi bệnh tốt, thì người bệnh này không chết, khỏi bệnh được lành; Ta vì hạng người bệnh này, cho phép người bệnh ăn thức ăn tùy ý, thuốc tùy bệnh, người nuôi bệnh tốt. Vì nhân duyên người bệnh này nên đối với những bệnh nhân khác cũng nên cho người chăm nuôi cung dưỡng.

105. Có ba loại si:^{4>6} một là phạm tội, hai là không thấy tội, ba là thấy tội không như pháp sám hối. Đó là ba loại si.

106. Có ba loại trí tuệ:^{4>7} một là không phạm tội, hai là phạm tội có thể thấy, ba là thấy tội có thể sám hối.

107. Có ba loại si: một là phạm tội mà không thấy, hai là thấy phạm tội mà không sám hối, ba là sám hối mà không như pháp, nên vị kia^{4>8} không chấp nhận.

108. Có ba loại trí tuệ: (Ngược nghĩa với câu trên).

109. Có ba loại an cư: tiền an cư, trung an cư, hậu an cư.

110. Đối với pháp luật của Thánh thì ca hát như khóc, múa nhảy như cuồng, cười đùa như con nít.^{4>9}

111. Có ba loại bất tịnh nhục không được ăn: thấy, nghe, nghi vì mình mà làm.

112. Có ba loại tịnh nhục nên ăn: không thấy, nghe, nghi không vì mình mà làm.

11>. Có ba ngày bố-tát: ngày mười bốn, ngày mười lăm, ngày mồng một.⁴⁴⁰

114. Có ba hạng người bố-tát: Tăng, số đông người, hoặc một người.⁴⁴¹

115. Có ba hạng người tác pháp bố-tát: Tăng, số đông người hoặc một người.⁴⁴²

4>6. Chỉ ba loại người ngu. Xem mục hai pháp, số 14 trên.

4>7. Chỉ ba loại người trí. Xem mục hai pháp, số 14 trên.

4>8. Người thọ sám, hoặc Tăng.

4>9. Thập tụng 49 (T2>n14>5 tr.>56a8) có ba pháp: trong tỳ-ni mà ca pháp như khóc; trong tỳ-ni mà cười giỡn pháp như cuồng; trong tỳ-ni mà vung tay múa, pháp như trẻ con.

440. Tính theo mỗi nửa tháng. Nửa tháng kia tương đương: ngày 29, 10 và 16. Tham chiếu Pali: có ba loại bố-tát: ngày 14, ngày 15 và Tăng hoà hiệp (ngày bất thường tùy theo Tăng yết-ma).

441. Pali, ba loại bố-tát: Tăng-già bố tát (sanghe uposatho), biệt chúng bố-tát (gane uposatho), cá nhân bố-tát (puggale uposatho). Đây chỉ trừ xứ bố-tát.

442. Đây chỉ pháp thức bố-tát.

116. Có ba hạng người cần tác pháp bố-tát: Tăng, số đông người, hoặc một người.^{44>}

117. Hoặc biết mà làm, hoặc không biết mà làm, hoặc thấy mà làm.

118. Hoặc biết mà làm, hoặc không biết mà làm, hoặc si mà làm.

119. Hoặc thân, hoặc miệng, hoặc thân khẩu đầy đủ.

120. Có ba thứ nên bình đoán là phạm tội: một là tựa của giới,⁴⁴⁴ hai là chế, ba là trùng chế.

121. Có ba pháp bình đoán là không phạm: tựa của giới,⁴⁴⁵ chế, trùng chế.

122. Có ba thứ tịnh. Có ba thứ bất tịnh. Có ba thứ cho phép. Có ba thứ không cho phép cũng như vậy.

12>. Có ba không cung kính: Phật, Pháp, Tăng.⁴⁴⁶

124. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Giới.

125. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Định.

126. Lại có ba không cung kính: Phật, Pháp, Cha Mẹ.

127. Có ba không cung kính: Phật, Pháp, thiện pháp.

128. Cung kính có ba. Ba mục (tức ngược lại các mục trên).

129. Lại có ba bị cử:⁴⁴⁷ Một là không thấy, hai không sám hối, ba ác kiến không bỏ.

1>0. Có ba pháp Tăng nên tác phúc bát:⁴⁴⁸ trước Tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

1>1. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

1>2. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Giới.

1>>. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thí.

1>4. Lại có ba niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Thiên.⁴⁴⁹

1>5. Lại có ba thành tựu: trì giới thành tựu, định thành tựu, tuệ thành tựu.

1>6. Lại có ba: giới thành tựu, định thành tựu, giải thoát thành

44>. Đây chỉ tức số bố-tát.

444. Tức nhân duyên Phật chế giới. Xem cht.155 dưới

445. Tức nhân duyên Phật chế giới. Xem cht. dưới.

446. Tham chiếu Pali, Vin.v. 92, sáu không cung kính (cha agāravā: bát kính, đồng nghĩa không xem trọng): không kính Phật, không kính Pháp, không kính Tăng, không kính học xứ (giới), không kính sự không phóng dật, không kính sự hòa thuận. Cf. Sangītu, D. iii. 24>.

447. Bị Tăng tác yết-ma xử trí. Xem cht.2, 8 ch.ix (phần iii); đoạn 5 ch.xi.

448. Xem phần iv, ch.ii, mục 27 - úp bát.

449. Sáu niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên. Xem Trường A-hàm 2 (T01n01 tr.12a14).

tự.

1>7. Lại có ba: giới thành tự, định thành tự, kiến giải thoát huệ thành tự.

1>8. Lại có ba hạ tiện pháp: đao tiện, y tiện, sắc tiện.⁴⁵⁰

1>9. Lại có ba hoại sắc: xanh, đen, mộc lan.

140. Lại có ba pháp gọi là trì luật: trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, tụng hai bộ giới thông suốt không nghi.

141. Lại có ba: trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, quảng tụng tỳ-ni thông suốt không nghi.

142. Lại có ba: trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, trụ trong tỳ-ni không động.

14>. Lại có ba: trì giới Ba-la-đề-mộc-xoa đầy đủ, đa văn, thiện xảo phương tiện có khả năng diệt tránh sự.

144. Lại có ba biện:⁴⁵¹ biện Tỳ-kheo, biện không phóng dật, biện thanh tịnh hành.

145. Lại có ba ngày tự tứ: ngày mười bốn, ngày mười lăm, mồng một.⁴⁵²

146. Lại có ba hạng người tự tứ: Tăng, số đông người, một người.

147. Lại có ba hạng người tác pháp tự tứ: Tăng, số đông người, một người.

148. Lại có ba hạng người cần tác pháp tự tứ: Tăng, số đông người, một người.^{45>}

149. Lại có ba hạng: biết, không biết, thấy.

150. Lại có ba hạng: biết, không biết, si.

151. Lại có ba hạng: thân, miệng, cả thân và miệng.

152. Lại có ba hạng: thấy, nghe, nghi.

15>. Lại có ba lời xả giới: xả Phật, xả Pháp, xả Tăng.⁴⁵⁴

154-155. Cũng cú pháp như vậy, mỗi cặp ba làm thành một hạng mục, cho đến - chẳng phải Sa-môn Thích tử.

156. Lại có ba thứ nghĩa, nên Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế giới. Từ - nhiếp thủ đối với Tăng,... cho đến khiến chánh pháp tồn

450. Đao 刀, chỉ đao kiếm; y 衣, chỉ y phục; sắc 色, màu sắc. Chưa rõ ý nghĩa của những từ này.

451. Biện 辨; thường hiểu là thành biện, phân sự cần làm. Nhưng không rõ nghĩa chính xác trong hạng mục này.

452. Như hạn kỳ bố-tát; xem cht.101 trên.

45>. Như các pháp bố-tát, xem cht. 101, 102, 10> trên.

454. Xem các hạng mục trên: một lời xả giới, hai lời xả giới.

tại lâu dài. Mỗi ba trong mười cú nghĩa sắp thành một hạng mục.⁴⁵⁵

157. Có ba thứ nghĩa, nên Đức Như Lai ra đời, vì các Tỳ-kheo chế yết-ma quở trách, từ nhiếp thủ đối với Tăng, ba lần ba làm thành câu, cho đến khiến chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy. Từ quở trách cho đến bầy diệt tránh cũng như vậy.

IV. BỐN PHÁP

1. Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại Địa thành, nước Bà-xà, bảo các Tỳ-kheo:

- Ta nói bốn loại quảng thuyết, các người hãy khéo nghe kỹ. Ta sẽ nói cho các người nghe.

Các Tỳ-kheo (999a1) thưa:

- Bạch Đại đức, chúng con nguyện ưa muốn nghe.

Bốn thứ ấy là:

a. Nếu có Tỳ-kheo nào nói như vậy: - Thưa các Trưởng lão, tôi ở tại thôn đó, tại thành đó, nghe từ Đức Phật và ghi nhớ, “Đây là pháp. Đây là tỳ-ni. Đây là lời Phật dạy.”

Khi nghe Tỳ-kheo kia nói như vậy không được sinh hiềm nghi liền, cũng không được chê trách, mà nên thẩm định văn cú rồi, tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật. Nếu sau khi nghe Tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật, mà lời nói ấy không cùng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ứng, trái ngược với pháp, thì nên nói với Tỳ-kheo kia: - Những gì Thầy nói chẳng phải như lời Phật dạy. Hoặc là Trưởng lão không thấu triệt được lời Phật dạy. Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời đó không cùng Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ứng, trái ngược với pháp. Trưởng lão đừng nên tụng tập, cũng chớ nên dạy Tỳ-kheo khác, mà nên xả bỏ.

Nếu sau khi nghe Tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, tỳ-ni, pháp luật, mà lời nói đó tương ứng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì nên nói với Tỳ-kheo kia: - Thưa Trưởng lão, những lời Ngài nói đúng với lời Phật dạy, Ngài đã thấu triệt được lời Phật dạy. Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời ấy tương ứng, không trái ngược. Trưởng lão nên thiện trì tụng tập và dạy Tỳ-kheo khác, đừng khiến cho vong thất. Đây là quảng thuyết thứ nhất.

b. Nếu có Tỳ-kheo nào nói như vậy: - Thưa Trưởng lão, tôi ở

455. Xen mục - Hai pháp» hạng mục 127. Xem Phần i. chương i, Ba-la-di 1. Bản Việt, q.1, tr.25.

thôn đó, thành đó, trong Tăng hòa hiệp, trước Thượng tọa, được nghe, “Đây là pháp. Đây là tỳ-ni. Đây là lời Phật dạy.”

Khi nghe Tỳ-kheo kia nói như vậy không được sinh hiềm nghi liền, cũng không được chê trách, mà nên thẩm định văn cú rồi, tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật. Nếu sau khi nghe Tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, kiểm xét pháp luật, mà lời nói ấy không cùng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ứng, trái ngược với pháp, thì nên nói với Tỳ-kheo kia: - Những gì Thầy nói chẳng phải như lời Phật dạy. Chúng Tăng và Thượng tọa kia, không thấu triệt được lời Phật, Trưởng lão cũng như vậy. Tại sao? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời đó không cùng Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật tương ứng, trái ngược với pháp. Trưởng lão đừng nên tụng tập, cũng chớ nên dạy Tỳ-kheo khác, mà nên xả bỏ.

Nếu sau khi nghe Tỳ-kheo kia nói, rồi tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, tỳ-ni, pháp luật, mà lời nói đó tương ứng với Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì nên nói với Tỳ-kheo kia: - Thưa Trưởng lão, những lời Ngài nói đúng với lời Phật dạy. Chúng Tăng và Thượng tọa kia cũng như Trưởng lão đã thấu triệt lời Đức Phật dạy. Tại sao vậy? Tôi đã tìm hiểu nghiên cứu Tu-đa-la, Tỳ-ni, pháp luật, thì những lời ấy tương ứng, không trái ngược. Trưởng lão nên thiệ trì tụng tập và dạy Tỳ-kheo khác, đừng khiến cho vong thất.

Đây là điều quảng thuyết thứ hai.

(Tiếp theo, trường hợp thứ ba, ... nghe từ số đông Tỳ-kheo biết Pháp, Tỳ-ni, Ma-di ... cũng như vậy. Trường hợp thứ tư, ... nghe từ một Tỳ-kheo biết Pháp, Tỳ-ni, Ma di,... cũng như vậy).⁴⁵⁶

Đó là bốn quảng thuyết.

Phật thuyết như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, tin ưa hoan hỷ thọ trì.

2. Bảy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

Tăng có bốn hạng người đoán sự:⁴⁵⁷ Hoặc có người ít nghe, không biết hổ thẹn. Hoặc có người nghe nhiều, không biết hổ thẹn. Hoặc có người ít nghe, biết hổ thẹn. Hoặc có người nghe nhiều, biết hổ thẹn.

a. Trong đây, Tỳ-kheo đoán sự ít nghe, không biết hổ thẹn, nếu có bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng nên khất khe quở trách, khiến cho hạng người không biết hổ thẹn đó, sau này không như vậy nữa.

b. Nếu người đoán sự nghe nhiều mà không có hổ thẹn kia có

456. Phụ chú trong nguyên bản.

457. Thập tụng 49 (T2>n14>5 tr.>57b1>). Xem Phần iv, chương xvi, đoạn iii, mục >.

bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng nên khất khe quở trách, khiến cho người không biết hổ thẹn đó sau này không như vậy nữa.

c. Trong đây, Tỳ-kheo đoán sự có hổ thẹn mà ít nghe kia, nếu có bàn luận đoán sự ở giữa Tăng, Tăng không nên khất khe quở trách mà nên yểm trợ khai thị, khiến cho vị biết hổ thẹn đó về sau có dự bàn luận đoán sự ở giữa Tăng.

d. Nếu Tỳ-kheo đoán sự nghe nhiều có hổ thẹn, có bàn luận đoán sự của họ ở giữa Tăng, Tăng không nên chê trách, mà sau khi nghe những gì vị đó nói rồi nên khen: - Thiện tai! Khiến cho vị có hổ thẹn đó sau này dự bàn luận đoán sự ở giữa Tăng.

>. Lại có bốn hạng Tỳ-kheo đoán sự: Hoặc không hổ thẹn và không thuộc kinh văn. Hoặc không hổ thẹn mà thuộc kinh văn. Hoặc có hổ thẹn mà không thuộc kinh văn. Hoặc có hổ thẹn lại thuộc kinh văn.

a. Hạng người không hổ thẹn lại không thuộc kinh văn có ba điều mất mát: Vị kia mất mát do không biết hổ thẹn; mất mát do đáng bị chê trách; mất mát do không thuộc kinh văn. Đó là ba điều mất mát của người đoán sự.

b. Người không hổ thẹn mà thuộc kinh văn có hai điều mất mát: mất mát do không biết hổ thẹn; mất mát do đáng bị chê trách. Vị kia không mất mát do không thuộc kinh văn. Đó là hai điều mất mát của người đoán sự.

c. Người có hổ thẹn mà không thuộc kinh văn có một điều mất mát: Vị kia mất mát do không thuộc kinh văn; không mất mát do không biết hổ thẹn; không mất mát do đáng bị chê trách. Đó là một điều mất mát của người đoán sự.

d. Người có hổ thẹn lại thuộc kinh văn thì không mất mát. Vị kia không mất mát do không biết hổ thẹn; không mất mát do đáng bị chê trách; không mất mát do không thuộc kinh văn. Đây là Tỳ-kheo đoán sự tối thắng đệ nhất không mất mát.

4. Phá giới, với bốn trường hợp cũng như vậy. Phá kiến, với bốn trường hợp cũng như vậy. Phá chánh mạng, với bốn trường hợp cũng như vậy. (Trong đây tại Ki-Liên có bốn Tỳ-kheo chia vật bốn phần như trong - Kiền độ phòng xá⁴⁵⁸ không khác, nên không chép ra).

5. Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Khi ấy, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Đại đức, phá Tăng, cho đến mức nào gọi là phá Tăng? Ai

458. Xem phần iv, chương i.

phá hòa hợp Tăng?

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Nếu có Tỳ-kheo nào, phạm mà nói không phạm; không phạm mà phạm; nhẹ mà nói nặng; nặng mà nói nhẹ. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với bốn việc này, tìm cầu bạn bè, hoặc khiến người tìm; ở trong giới mà biệt bộ bố-tát, yết-ma thuyết giới. Cho đến mức ấy, Tăng được gọi là phá (vỡ). Đó gọi là Tăng hòa hợp bị vỡ.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Thế nào là hòa hợp Tăng? Tăng vỡ rồi, ai làm cho hòa hợp?

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Nếu có Tỳ-kheo nào, phạm nói là phạm; không phạm nói là không phạm; nhẹ nói là nhẹ; nặng nói là nặng. Tỳ-kheo kia, đối với bốn việc này, không tìm cầu bạn bè, không sai người tìm cầu, không biệt bộ yết-ma, bố-tát, thuyết giới. Như vậy gọi là Tăng hòa hợp. Đó gọi là Tăng vỡ rồi trở lại hòa hợp.

6. Đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Khi ấy các Tỳ-kheo ở Xá-vệ tranh chấp lẫn nhau. A-ni-lâu-đà⁴⁵⁹ có đệ tử tên là Bà-di,⁴⁶⁰ một mình nói giữa Tăng, một mình tranh cãi. A-ni-lâu-đà ở trong chúng không nói một lời nào để dạy dỗ, quở trách.

Bấy giờ, A-nan đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi đứng qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi:

- Này A-nan, tranh sự đã dứt chưa?

A-nan thưa:

- Tránh sự đâu có thể dứt được! Đệ tử của A-ni-lâu-đà ở trong chúng một mình nói, một mình tranh cãi mà A-ni-lâu-đà ở trong chúng không nói một lời nào để giáo giới, khiển trách.

Đức Phật bảo A nan:

- A-ni-lâu-đà có khi nào diệt được tránh sự này. Tránh sự này há không phải do Xá-lợi-phất, Mục-liên diệt?

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Ác Tỳ-kheo có bốn pháp khi thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ. Bốn pháp đó là gì?

a. Ác Tỳ-kheo ấy có ác pháp phá giới. Ác Tỳ-kheo kia khởi ý nghĩ như vậy: “Ta có ác pháp phá giới. Nếu Tỳ-kheo khác biết, tập chúng

459. A-ni-lâu-đà 阿尼樓陀. Pali: Aunuddha. Xem cht. dưới.

460. Bà-di 婆夷. Pali, A. ii. 2>9: Bāhiya, đệ tử, hoặc người đồng trú xứ (saddhivihārika) với Anuruddha. Truyện xảy ra khi Phật trú tại Ghositārāma. (Kiều-thượng-di), trong tinh xá Ghositārāma. Xem phần iii, chương ix - Câu-thiểm-di». Cf. Vin.i. Kosambaka-kkhandhaka.

hòa hợp tác pháp diệt tận ta, ta có Tỳ-kheo khác trợ bạn.” Đó là pháp thứ nhất, ác Tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

b. Lại nữa, ác Tỳ-kheo sống tà mạng, nghĩ: “Ta sống tà mạng. Nếu Tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp tác pháp diệt tận ta, ta có Tỳ-kheo khác trợ (1000a1) bạn.” Đó là pháp thứ hai, ác Tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

c. Lại nữa, ác Tỳ-kheo luôn luôn cầu lợi dưỡng cung kính, nghĩ: “Ta cầu lợi dưỡng cung kính. Nếu Tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp Tăng diệt tận, thì ta có Tỳ-kheo khác trợ bạn.” Đây là pháp thứ ba, ác Tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

d. Lại nữa, ác Tỳ-kheo tà kiến, biên kiến, nghĩ: “Ta tà kiến, biên kiến, Nếu Tỳ-kheo khác biết, tập chúng hòa hợp tác pháp diệt tận ta, ta có Tỳ-kheo khác trợ bạn.” Đó là pháp thứ tư, ác Tỳ-kheo thấy Tăng bị vỡ thì hoan hỷ.

7. Có bốn thứ tác pháp: trước tác phi pháp, sau tác phi pháp; trước tác phi pháp, sau tác như pháp; trước tác như pháp, sau tác phi pháp; trước tác như pháp, sau tác như pháp.

a. Thế nào là trước tác phi pháp sau tác phi pháp? Trước, sự việc được khởi dậy một cách phi pháp; vị ấy cần được giáo giới, khiển trách, nhưng không được giáo giới khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tận nhưng không bị diệt tận, mà an trú. Đó là trước tác phi pháp, sau tác phi pháp.

b. Thế nào là trước tác phi pháp, sau tác như pháp? Nếu có người tác sự phi pháp, trước sự việc được khởi dậy một cách phi pháp; vị ấy cần được giáo giới, khiển trách, thì đã được giáo giới khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tận thì đã bị diệt tận, mà an trú. Đó là, trước tác phi pháp, sau tác pháp.

c. Thế nào là trước tác pháp, sau tác phi pháp? Nếu Tỳ-kheo khởi dậy việc một cách như pháp, cần được giáo giới, khiển trách nhưng đã không được giáo giới, khiển trách, mà an trú; đáng bị diệt tận nhưng không bị diệt tận, mà an trú. Đó là, trước tác như pháp, sau tác phi pháp.

d. Thế nào là trước tác như pháp, sau tác như pháp? Nếu Tỳ-kheo, trước sự việc được như pháp khởi dậy, cần được giáo giới, khiển trách thì đã được giáo giới khiển trách; đáng bị diệt tận thì đã bị diệt tận, rồi sau mới an trú. Đó là trước tác như pháp, sau tác như pháp.

8. Có bốn thứ cúng dường: một là ẩm thực, hai là y dược, ba là y phục, bốn là cho các thứ cần dùng.

9. Lại có bốn thứ lợi pháp: cầu xin phi pháp và cho phi pháp; cầu xin phi pháp và cho như pháp; cầu xin như pháp và cho phi pháp cho; cầu xin như pháp và cho như pháp.

a. Thế nào là cầu xin phi pháp và cho phi pháp? Hoặc có Tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, không hành theo pháp Sa-môn, thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Vị kia cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh như vậy, và được cho với sự thiên vị: “Lấy cái này. Chớ lấy cái này. Lấy chừng đó. Chớ lấy chừng đó. Mang cái đó đến đây. Chớ mang cái đó đến đây. Mang chừng ấy đến. Chớ mang chừng ấy đến. Cho người này. Đừng cho người kia. Cho chừng ấy. Chớ cho chừng ấy. Người kia nên được cho. Người kia không nên được cho.” Đó là tìm cầu lợi dưỡng phi pháp và cho phi pháp.

b. Thế nào là cầu xin phi pháp và cho như pháp? Hoặc có Tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, không hành theo pháp Sa-môn, thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng không được cho với sự thiên vị như trên. Đó là cầu xin phi pháp và cho như pháp.

c. Thế nào là cầu xin như pháp và cho phi pháp cho? Hoặc có Tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, hành theo pháp Sa-môn, không thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng được cho với sự thiên vị như trên. Đó là cầu xin như pháp và cho phi pháp cho.

d. Thế nào là cầu xin như pháp và cho như pháp? Hoặc có Tỳ-kheo quanh quẩn lai vãng, hành theo pháp Sa-môn, không thuyết phi pháp để tìm cầu lợi dưỡng một cách bất tịnh. Nhưng không được cho với sự thiên vị như trên. cầu xin như pháp và cho như pháp

10. Có bốn pháp không được truyền trao đại giới cho người: không biết tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, không rộng tụng hai bộ giới. Có bốn pháp như vậy thì không được truyền thọ đại giới cho người.

Có bốn pháp nên cho người thọ đại giới: (Ngược lại với câu trên).

11. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người: không biết tăng giới học, không biết tăng tâm học, tăng tuệ học, không quảng tụng tỳ-ni. Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

12. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người (ngược lại với câu trên).

1>. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người: không biết tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, tuy tụng tỳ-ni mà

không thể quyết liễu. Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

14. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người: (Ngược lại câu trên).

15. Lại có bốn pháp không được truyền thọ đại giới cho người: không thọ trì hai trăm năm mươi giới; không đa văn; nếu đệ tử có ác kiến không thể giáo hóa để đệ tử bỏ ác kiến, tu tập thiện kiến; không đủ mười tuổi (hạ). Có bốn pháp như vậy không được truyền thọ đại giới cho người.

16. Lại có bốn pháp nên truyền thọ đại giới cho người (Ngược lại câu trên).

17. Có bốn pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng.

18. Lại có bốn pháp: biết phạm, biết không phạm, biết hữu dư, biết vô dư.⁴⁶¹

19. Lại có bốn pháp: biết phạm, biết không phạm, biết thô ác, biết không thô ác.⁴⁶²

20. Lại có bốn pháp: biết tội có thể sám, biết tội không thể sám, biết sám hối thanh tịnh, biết sám hối không thanh tịnh.

21. Lại có bốn tránh sự: ngôn tránh, mích tránh, phạm tránh, sự tránh.

22. Có bốn sự sợ hãi phạm tội:^{46>}

a. Có người đàn ông như vậy: tóc rử, mặc áo đen, cầm con dao, đến giữa đám đông, nói như vậy: “Tôi đã tạo ra tội cực đại trọng ác, bị chém đầu, tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm.” Bấy giờ, mọi người liền bắt trời, đánh tiếng trống hung dữ, để báo hiệu sự chết, xướng lệnh dọc theo đường đi, dẫn ra khỏi cửa phía hữu, đến pháp trường để giết. Người trí thấy vậy, nói như sau: “Người này đã tạo tội ác cực trọng tử hình. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội trọng ác tử hình như vậy.” Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đối với pháp Ba-la-di sinh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, “Nếu chưa phạm Ba-la-di thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối.” Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ nhất.

b. Có người đàn ông như vậy: tóc rử, mặc áo đen, cầm gậy, đến

461. Xem cht. 11, mục - hai pháp hạng mục 14.

462. Xem cht. 12, mục - hai pháp» hạng mục 15.

46>. Thập tụng 49 (T2>n14>5 tr.>56c24): - Thế gian có bốn hạng người, thấy sự phạm tội thì sinh sợ hãi,

giữa đám đông, nói như vậy: “Tôi làm điều ác bất thiện. Tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm.” Bấy giờ, đám đông người nọ liền đoạt lấy con dao, đánh và đuổi ra khỏi cửa phía hữu. Có người trí thấy bèn nói như vậy: “Đây là người làm tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng làm tội ác như vậy.” Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đối với pháp tăng tàn sinh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, “Nếu chưa phạm tăng tàn thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối.” Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ hai.

c. Có người đàn ông như vậy: tóc rử, mặc áo đen, cầm con dao, đến giữa đám đông, nói như vậy: “Tôi đã tạo tội ác. Tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm.” Bấy giờ, mọi người liền đoạt lấy cây gậy, rồi đuổi ra khỏi cửa hữu. Người trí thấy vậy, nói như sau: ‘Người này đã tạo tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội như vậy.’ Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đối với pháp Ba-dật-đề sinh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, “Nếu chưa phạm Ba-dật-đề thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối.” Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ ba.

d. Có người đàn ông như vậy: tóc rử, mặc áo đen, đến giữa đám đông, nói như vậy: “Tôi đã làm điều ác bất thiện. Tùy theo sự vui lòng của mọi người tôi sẽ làm.” Bấy giờ, mọi người liền khiển trách, rồi đuổi ra khỏi cửa hữu. Người trí thấy vậy, nói như sau: “Người này đã tạo tội ác. Nay ta nên tự cảnh tỉnh và dạy người khác đừng tạo ra tội như vậy.” Cũng vậy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đối với pháp ba-đề-đề-xá-ni sinh tâm sợ sệt, tâm niệm rằng, “Nếu chưa phạm ba-đề-đề-xá-ni thì trọn đời không phạm. Nếu lỡ phạm thì hoàn toàn không có tâm che giấu, như pháp sám hối.” Đây là sự sợ hãi phạm tội thứ tư.

2>. Có bốn hạng người phạm:

a. Nếu Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác nói: “Thầy phạm tội, thấy không?” Vị kia nói: “Không thấy” Tỳ-kheo lại hỏi: “Này, Trưởng lão, nếu thấy tội nên sám hối”⁴⁶⁴ Đây là người phạm thứ nhất.

b. Nếu Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác nói: “Này Trưởng lão, thầy phạm tội, có thấy không?” Vị kia nói: “Không thấy.” Tỳ-kheo lại nói: “Này Trưởng lão, nếu thấy tội nên sám hối giữa Tăng.”⁴⁶⁵ Đây là người phạm thứ hai.

c. Nếu Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác nói: “Trưởng lão phạm tội, có thấy không?” Vị kia nói: “Không thấy” Tỳ-kheo lại nói: “Trưởng

464. Sám các tội Ba-dật-đề

465. Sám các tội Thâu-lan-giá.

lão thấy tội hãy ở giữa Tăng này mà sám hối”⁴⁶⁶ Đây là phạm nhân thứ ba.

d. Nếu Tỳ-kheo phạm tội, Tỳ-kheo khác nói: “Này Trưởng lão, thầy phạm tội, thấy không?” Vị kia nói: “Không thấy” Bấy giờ, Tăng nên hoàn toàn xả bỏ⁴⁶⁷ và nói: “Tùy ý Thầy hãy đi. Muốn đi đâu, tùy ý. Nhưng chỗ Thầy đến, ở đó thầy cũng sẽ bị cử tội. Các vị kia đối với thầy sẽ bị tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn, ngăn A-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ” Như ông thầy luyện ngựa. Con ngựa dữ khó huấn luyện, thì kết hợp buộc chặt vào cọc và đánh đuổi. Tỳ-kheo này cũng như vậy, tất cả đều xả bỏ. Đây là phạm nhân thứ tư.

24. Đức Thế Tôn ở tại thành Vương xá, trong núi Kỳ-xà-quật. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay bạch Phật:

- Vị Trưởng lão đối trước vị Tỳ-kheo-niên thiếu sám hối, bên trong có bao nhiêu pháp cần sám hối?

Đức Phật dạy:

- Bên trong có bốn pháp nên sám hối: để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, quỳ gối chấp tay, nói tên tội phạm: “Tôi phạm tội như vậy. Nay đối trước Trưởng lão sám hối” Vị kia nên nói: “Thầy nên cải hối, sinh tâm yếm ly” Đáp: “Xin vâng!” Tỳ-kheo Thượng tọa đối với Tỳ-kheo hạ tọa có bốn pháp như vậy nên sám hối.

Có bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, nói như trên.

Có bốn Ba-la-di nói như trên.

25. Có bốn yết-ma: phi pháp biệt chúng yết-ma, như pháp biệt chúng yết-ma, phi pháp hòa hợp chúng yết-ma, và như pháp hòa hợp yết-ma. Đó là bốn yết-ma. Ở đây, phi pháp biệt chúng yết-ma, không được làm. Phi pháp hòa hợp yết-ma, không được làm. Pháp biệt chúng yết-ma không được làm. Pháp hòa hợp yết-ma, nên làm. Đó là điều ta cho phép.

Phi pháp biệt chúng yết-ma, yết-ma không thành. Phi pháp hòa hợp yết-ma, yết-ma không thành. Pháp biệt chúng yết-ma, yết-ma không thành. Pháp hòa hợp yết-ma, yết-ma thành tựu.

Phi pháp biệt chúng yết-ma, không đúng cách. Phi pháp hòa hợp yết-ma, không đúng cách. Pháp biệt chúng yết-ma, không đúng cách. Pháp hòa hợp yết-ma, đúng cách.

26. Có bốn cách bố-tát: ba lời bố-tát, thanh tịnh bố-tát, thuyết Ba-

466. Sám các tội Tăng-già-bà-thi-sa.

467. Tăng tác yết-ma xả trí, vì ngoan cố không nhận tội.

la-đề-mộc-xoa bố-tát, tự tứ bố-tát.

27. Có bốn vọng ngữ: vọng ngữ Ba-la-di, vọng ngữ tăng tàn, vọng ngữ Ba-dật-đề, vọng ngữ tỳ-ni a-tỳ-bà-la⁴⁶⁸ vọng ngữ.

28. Có bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

29. Lại có bốn chúng: sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ, Sa-môn.

>0. Lại có bốn chúng: Tứ thiên vương, Đạo lợi thiên, Ma, Phạm.

>1. Lại có bốn chúng: ái, nhuế, bố, si.

>2. Lại có bốn chúng: không ái, không nhuế, không bố, không si.

>>. Có bốn hạng trí tuệ bình đoán sự-nhân: Có người thân không hiện ác mà khẩu hiện. Có người miệng không hiện ác mà thân hiện. Có người thân khẩu hiện ác. Có người thân khẩu không hiện ác.

a. Thế nào là thân không hiện ác mà khẩu hiện? Hoặc có người thân không hiện ác, mà miệng nói chỉ thị khiến phải cộng đồng kiến giải.⁴⁶⁹ Đó là thân không hiện ác mà khẩu hiện.

b. Thế nào là miệng không hiện ác mà thân hiện? Có người thân hiện ác, mà miệng không chỉ thị, không bắt cùng đồng kiến giải. Đó là miệng không hiện ác mà thân hiện.

c. Thế nào là thân không hiện ác, khẩu không hiện ác? Có người thân không hiện, miệng không chỉ thị, không bắt cùng đồng kiến giải. Đó là thân miệng không hiện ác.

d. Thế nào là thân miệng hiện ác? Có người thân hiện ác, miệng nói chỉ thị, bắt ép cùng đồng kiến giải. Đó là thân hiện ác, khẩu hiện ác. Đó là bốn hạng người bình đoán sự có trí.

>4. Tỳ-kheo có bốn pháp tự tổn hại, có phạm, bị người có trí quở trách, mắc nhiều tội. Bốn pháp đó là gì? Có ái (thiên vị), có nhuế (thù hận), có bố (sợ hãi), có si (bất minh). Tỳ-kheo có bốn pháp như vậy, tự tổn hại, bị người có trí quở trách, mắc nhiều tội.

>5. Tỳ-kheo có bốn pháp không tự tổn hại: (Ngược lại hạng mục trên).

>6. Có bốn pháp hướng đến phi đạo: có ái, có nhuế, có bố, có si.

>7. Có bốn pháp không hướng đến phi đạo: (Ngược lại câu trên).

>8. Có bốn pháp không được sai làm người chia cháo. Chưa sai thì không được sai. Đã sai thì không được chia: có ái, có nhuế, có bố, có si.

>9. Có bốn pháp nên sai làm người chia cháo: (ngược lại câu

468. Tỳ-ni a-tỳ-bà-la 毘尼阿毘婆羅. Không rõ. Theo đoạn mạch, đây chỉ vọng ngữ thuộc tội ác thuyết.

469. Áp chế bằng miệng mà không áp chế bằng thân, khi quyết đoán tránh sự.

trên).

Chia tiểu thực, chia thức ăn khư-xà-ni, hoặc sai phó hội, trái ngọa cụ, chia y tắm mưa, chia y nhận được.

Sai Tỳ-kheo làm sứ, cho đến sai sa-di làm sứ cũng vậy.

40. Có bốn pháp đọa vào địa ngục như tên bắn (tức là sai các tri sự như trên).⁴⁷⁰

41. Có bốn phi pháp ngăn thuyết giới, ngăn vô căn: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng.

42. Có bốn như pháp ngăn thuyết giới, ngăn hữu căn: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Đó là bốn như pháp ngăn thuyết giới.

43. Có bốn thanh tịnh: trì giới thanh tịnh, kiến thanh tịnh, oai nghi thanh tịnh, chánh mạng thanh tịnh. Đó là bốn thanh tịnh.

44. Có bốn pháp y chỉ: y phần tảo, khát thực, nghỉ dưới gốc cây, thuốc hủ lạn. Đó là bốn pháp y chỉ.

45. Có bốn pháp tổn giảm: hoặc có trí có thể nhẫn, hoặc có trí có thể thân cận, hoặc có trí có thể giải, hoặc có trí có thể đoạn. Đó là bốn thứ tổn pháp.⁴⁷¹

46. Đức Thế Tôn ở tại Ba-la-nại. Bấy giờ, Ngài biết mà vẫn hỏi Tôn giả A nan:

- Trong khi mất mùa, lúa gạo khan hiếm, Ta từ mẫn vì các Tỳ-kheo nên cho phóng xả bốn việc: ngủ chung với thức ăn trong nội giới, nấu trong nội giới, tự mình nấu, tự nhận thức ăn. Nay các Tỳ-kheo vẫn cứ tiếp tục như vậy hay sao?

A nan bạch Phật:

- Các Tỳ-kheo vẫn tiếp tục.

Đức Phật dạy:

- A nan, không được ăn như vậy. Nếu ăn, sẽ như pháp trị.

47. Đức Phật bảo Tôn giả A nan:

- Do khi lúa gạo khan hiếm, Ta thương các Tỳ-kheo nên cho phép: sáng sớm thọ tiểu thực từ người kia mang đến, như trái hồ đào v.v... và thức ăn có thể ăn trong nước. Những thứ như vậy vẫn tiếp tục ăn hay sao?

Tôn giả A nan trả lời:

- Vâng!

Đức Phật dạy:

470. Xem mục - hai pháp.

471. Hết quyển 58.

- Không được ăn. Nếu ăn, sẽ như pháp trị.

48. Có bốn pháp tác yết-ma ha trách, phi pháp phi tỳ-ni yết-ma không thành, không đúng cách. Bốn pháp đó là gì? (1002a1) Vô căn phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá chánh mạng. Đó là bốn pháp.

49. Có bốn pháp tác yết-ma quở trách như pháp như tỳ-ni yết-ma thành tựu, đúng cách (ngược nghĩa với câu trên).

50. Có bốn đại tặc.⁴⁷² Những gì là bốn?

a. Hoặc có đại tặc sinh ý nghĩ như vậy: “Nếu có được trăm người, ngàn người để phá thành ấp đó.” Một thời gian sau, tên giặc ấy có được trăm người, ngàn người phá thành ấp đó. Cũng vậy, ác Tỳ-kheo nghĩ như vậy: “Ở chỗ nào mà ta sẽ được một trăm nhân chúng, một ngàn nhân chúng để du hành tại thành ấp nào đó.” Vào thời gian khác vị kia có được một trăm nhân chúng, một ngàn nhân chúng du hành nơi thành ấp kia. Đó là đại tặc thứ nhất.

b. Lại nữa, có đại tặc chẳng phải tịnh hạnh tự nói là tịnh hạnh. Đó là hạng đại tặc thứ hai.

c. Lại nữa, có đại tặc vì miệng bụng, nên tuy không chân thật, chẳng phải mình có, mà đối giữa đại chúng cố ý vọng ngữ, tự xưng được pháp thượng nhân. Đó là hạng đại tặc thứ ba.

d. Lại có đại tặc xử dụng bông trái, rau lá của Tăng để tự nuôi sống. Đó là đại tặc thứ tư.

51. Có bốn tín pháp:

Nếu Tỳ-kheo ở nơi thành quách, thôn xóm, làm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Trong đây, nên tùy thuận giáo thọ cư sĩ khiến cho họ tin. Tỳ-kheo kia nói với Tỳ-kheo này: - Thầy ở nơi thành ấp, thôn xóm đó làm nhiều bất tịnh hạnh, chẳng phải pháp Sa-môn. Thầy nên trở lại giáo hóa cư sĩ kia. Nếu thầy không thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ khiến cho họ tin thì Thầy không thể cư trú tại đây. Nếu Thầy có thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ thì cho phép Thầy ở tại đây. Nếu không thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ khiến cho họ tin thì các Tỳ-kheo không cùng Thầy đồng yết-ma, thuyết giới, tự tứ, chung đồng một chỗ ngồi, tiểu thực đại thực không theo thứ tự mà ngồi, cũng không đón tiếp, chấp tay lễ bái chào hỏi. Nếu Thầy có thể tùy thuận giáo hóa cư sĩ kia khiến cho họ tin thì các Tỳ-kheo sẽ cùng thầy đồng yết-ma, cho đến lễ bái chào. Đó là bốn tín pháp. Nếu là cư sĩ hay con cư sĩ cũng như vậy.

472. Thập tụng 49 (T2>n14>5 tr.>56b20): thế gian có ba đại tặc. 1. Thủ lãnh cướp, cầm đầu 100 cho đến 500 lâu la, cướp bóc làng xóm. 2. Tỳ-kheo lấy vật tứ phương Tăng đi bán để nuôi sống. 3. Tỳ-kheo trống rỗng mà tự xưng đắc pháp thượng nhân.

52. Có bốn phi Thánh pháp: cái không thấy nói thấy, cái không nghe nói nghe, cái không xúc nói xúc, cái không biết nói biết.^{47>} Đó là bốn phi Thánh pháp.

5>. Có bốn Thánh pháp (ngược lại nghĩa câu trên).

54. Có bốn phi Thánh pháp: cái thấy nói không thấy, cái nghe nói không nghe, cái xúc nói không xúc, cái biết nói không biết. Đó là bốn phi Thánh pháp.

55. Có bốn Thánh pháp: (ngược lại nghĩa câu trên).

56. Có bốn lời xả giới: - Xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa thượng. Đó là bốn lời xả giới.

Cũng vậy, - xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, làm phần đầu, rồi thêm, cho đến - phi Sa-môn Thích tử.⁴⁷⁴ Mỗi cụm bốn lời như vậy.

57. Vì bốn nghĩa lợi nên Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế giới: nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi cụm gồm bốn nghĩa như vậy.⁴⁷⁵

58. Có bốn nghĩa lợi nên Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế yết-ma ha trách; nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài. Mỗi cụm gồm bốn bốn nghĩa như vậy.⁴⁷⁶

Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.

V. NĂM PHÁP

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở thành Vương-xá, bảo các Tỳ-kheo:

1. Có năm pháp không được trao đại giới cho người:⁴⁷⁷ không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không tri kiến giải thoát. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

2. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: (Ngược lại nghĩa câu trên).

>. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: tự mình không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ, cũng không thể dạy người khiến an trụ giới-định-tuệ, cho đến kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

4. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu

47>. Kiến 見, văn 聞, xúc 觸, tri 知. Trường A-hàm 8 (kinh Chúng tập, T0n1 tr.50b27), bốn phi Thánh ngữ, và Thánh ngữ: kiến, văn, giác 覺, tri. Pali, Vin. v. 124: cattāro anariyavohārā, aditthe ditthavāditā, assute sutavāditā, amute mutavāditā, avifiññe viññātavāditā.

474. Chi tiết, xem mục - một pháp các hạng mục 1, 2.

475. Chi tiết, xem mục - hai pháp hạng mục 127.

476. Chi tiết, xem mục - hai pháp hạng mục 127.

477. Không đủ tư cách làm Hoà thượng. Xem phần iii. chương i - Thọ giới. đoạn viii.

trên).

5. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không tín, không tâm, không quý, giải đãi, quên nhiều. Có năm pháp như vậy, không được trao đại giới cho người.

6. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (Ngược lại nghĩa câu trên).

7. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ học, không biết bạch, không biết yết-ma. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

8. Có năm pháp nên trao đại giới cho người (tức ngược với nghĩa câu trên).

9. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết oai nghi giới, không biết tăng tịnh hạnh,⁴⁷⁸ không biết Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không biết bạch, không biết yết-ma. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

10. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

11. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết phạm rồi sám hối, không biết phạm rồi sám hối thanh tịnh, không biết bạch, không biết yết-ma. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

12. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

1>. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết có nạn pháp, không biết không nạn pháp, không biết bạch, không biết yết-ma, không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

14. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

15. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thể dạy người tăng giới học, tăng tâm học, tăng tuệ học, không thể làm người nuôi bệnh,⁴⁷⁹ cũng không thể nhờ người nuôi bệnh đến khi lành hoặc đến khi qua đời, hoặc không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

16. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược nghĩa lại

478. Tăng tịnh hạnh, hay tăng thượng phạm hạnh. Đọc đúng là - căn bản phạm hạnh. Hán đọc ādi-brahmacariya, thành adhi-brahmacariya.

479. Không thể chăm sóc đệ tử bệnh Xem phần iii, ch. i, dẫn trên.

câu trên).

17. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thể dạy đệ tử tăng oai nghi giới, tăng tịnh hạnh, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa giới, nếu đệ tử có ác kiến không thể phương tiện dạy khiến cho bỏ ác kiến trụ thiện kiến, hoặc không đủ mười tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

18. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

19. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không rộng tụng hai bộ Tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

20. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

21. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới.

22. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

2>. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy khiến xả ác kiến trụ thiện kiến. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

24. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

25. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy khiến xả ác kiến trụ thiện kiến, nếu đệ tử không an lạc ở trú xứ này, không thể dời đến trú xứ khác an lạc, nếu đệ tử có sinh tâm nghi hối mà không thể khai giải đúng Phật Pháp. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

26. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

27. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: Không thể dạy đệ tử Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu (100>a1) đệ tử có ác kiến không thể dạy khiến xả ác kiến trụ thiện kiến, nếu đệ tử không an lạc ở trú xứ này, không thể dời đến trú xứ khác an lạc, không đủ mười tuổi. Có năm

pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

28. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại nghĩa câu trên).

29. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết Ba-la-đề-mộc-xoa giới, cũng không thể thuyết giới, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

>0. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

>1. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không khéo biết phạm, không khéo biết sám hối phạm, không khéo nhập định, không khéo xuất định, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

>2. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại lại câu trên).

>>. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không đủ mười tuổi. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

>4. Lại có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

>5. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, không thể chăm sóc bệnh, không thể nhờ người chăm sóc bệnh đến khi lành hay qua đời, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

>6. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

>7. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, nếu đệ tử có ác kiến không thể dạy đệ tử xả bỏ ác kiến khiến trụ thiện kiến, không khéo tụng tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

>8. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược lại câu trên).

>9. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học, nếu đệ tử không an lạc ở trú xứ này, không thể di chuyển

đến trú xứ khác an lạc, không kiên trụ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

40. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (trái với nghĩa câu trên).

41. Lại có năm pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử tăng giới học; đệ tử có nghi, không thể như Phật pháp giải thích, không thể quyết đoán tránh sự. Có năm pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

42. Có năm pháp nên trao đại giới cho người: (ngược với câu trên).

Cũng vậy tăng tâm, tăng tuệ, tăng oai nghi học, tăng tịnh hạnh học, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học (cũng từng mỗi cụm gồm năm như trên).

Nếu Tỳ-kheo nào tự điều phục, không sợ hãi, có khả năng nói năng; tự mình có những việc này, thì cũng có thể dạy đệ tử. Người như vậy nên trao đại giới cho người, nên cho người y chỉ, nên nuôi sa-di, nên nhận Tăng sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni; nếu đã sai thì nên giáo thọ.

4>. Có năm hạng người không được thọ đại giới: tự nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, hoặc tặc tâm thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn.⁴⁸⁰ Người có năm pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

44. Lại có năm hạng người không được cho thọ đại giới: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.⁴⁸¹ Có năm pháp như vậy không được cho thọ đại giới.

45. Có năm hạng huỳnh môn: sinh huỳnh môn, hình tàn huỳnh môn, thạch huỳnh môn, biến huỳnh môn, bán nguyệt hình môn. Đó là năm hạng huỳnh môn⁴⁸².

46. Có năm hạng bệnh nhân không được cho thọ đại giới: hủi, ung thư, hủi trắng, càn tiêu, điên cuồng. Năm hạng người có bệnh như vậy không được cho thọ đại giới.

47. Có năm hạng người thanh tịnh, không có nạn sự nên cho thọ đại giới: đàn ông,^{48>} không mắc nợ, chẳng phải tội tử, đủ hai mươi tuổi,

480. Năm trong số 1> già nạn. Xem phần iii, chương i - Thọ giới.

481. Năm trong số 1> già nạn. Xem phần iii, dẫn trên.

482. Sinh, hình tàn, thạch, biến, bán nguyệt 生形殘變半月. Xem giải thích nơi phần iii, chương i - Thọ giới. Các thuật ngữ khác ở đây: sinh, kiên, đố, biến, bán nguyệt.

48>. Trưởng phu 丈夫, dịch từ Skt. (Pali): nara: nghĩa đen là - đàn ông (không phải là đàn bà) chẳng liên hệ gì đến nghĩa đại trưởng phu hay tiểu trưởng phu mà các bản dịch Việt thường nhầm lẫn tai hại.

cha mẹ cho phép. Năm hạng người thanh tịnh không có nạn sự như vậy nên cho thọ đại giới.

48. Có năm pháp (cách) cho người y chỉ: hoặc nói, - Được. Hoặc nói, - Chấp thuận. Hoặc nói, - Phải. Hoặc nói, - Người hãy khéo tự tu hành. Hoặc nói, - Người chớ buông lung. Đó là năm cách nói cho pháp y chỉ.

49. Có năm cách nói khi cho người y chỉ: Hoặc nói, - Lành thay. Hoặc nói, - Tốt. Hoặc nói, - Hãy đứng dậy. Hoặc nói, - Hãy đi. Hoặc nói, - Ta cho người y chỉ. Đó là năm cách nói khi cho người y chỉ.

50. Có năm pháp không được sống không y chỉ: không giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

51. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (ngược lại với năm câu trên).

52. Lại có năm pháp không nên sống không y chỉ: không giới lại không thể tự siêng tu học giới, không định, không tuệ, không giải thoát tuệ, không kiến giải thoát tuệ, lại không thể tự siêng tu giới-định-tuệ, giải thoát tuệ, kiến giải thoát tuệ. Có năm pháp như vậy không nên sống không y chỉ.

53. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

55. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể học Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, nếu tâm sinh ác kiến không thể khai giải khiến tu tập thiện kiến. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

56. Có năm pháp có thể sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

57. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể học Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, không đủ năm tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

58. Có năm pháp nên sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

59. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thể tự học Tỳ-ni, A-tỳ-đàm, ác kiến sinh không thể xả để trụ thiện kiến, nếu không an lạc sống nơi trú xứ này không thể đi đến chỗ khác an lạc, tâm có sinh nghi hối không thể như pháp khai giải. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

60. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

61. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không thể tự siêng năng tu giới, tăng tâm, tăng tuệ học, có bệnh không thể tự điều

duỡng, cũng không thể khiến người khác nuôi bệnh mình, không đủ năm tuổi. Đó là năm pháp không được sống không y chỉ.

62. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

6>. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không tự siêng năng tu oai nghi giới, không thể tăng tịnh hạnh,⁴⁸⁴ tăng Ba-la-đề-mộc-xoa giới, có ác kiến không thể xả để trụ thiện kiến, không đủ năm tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

64. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

65. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết tránh sự, không biết tránh sự khởi, không biết tránh sự diệt, không biết hướng đến tránh sự diệt,⁴⁸⁵ không đủ năm tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

66. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

67. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết phạm, không biết sám hối, không khéo vào định, không khéo xuất định, không đủ năm tuổi. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ.

68. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

69. Lại có năm pháp không được sống không y chỉ: không biết phạm, không biết không phạm, không biết nhẹ, không biết nặng, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Có năm pháp như vậy không được sống không y chỉ mà trụ.

70. Có năm pháp được sống không y chỉ: (ngược lại câu trên).

71. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc bị đuổi ra,⁴⁸⁶ hoặc bỏ đi,⁴⁸⁷ hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chỉ,⁴⁸⁸ hoặc đến trên giới trường. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

72. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc bỏ đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chỉ, hoặc năm tuổi hay quá năm tuổi (hạ). Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

7>. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc không cho y chỉ, hoặc gặp Hòa thượng cũ. Có năm pháp như vậy

484. Xem cht. 1>6 trên.

485. Tham chiếu Pali, Vin. v. 1>0, người trì luật có đủ 5 điều để được gọi là ngu si; không biết tránh sự (adhikarana), không biết gốc rễ của tránh sự (adhikaranasa mūla), không biết sự tập khởi của tránh sự, không biết sự dập tắt tránh sự (adhikarana-nirodha), không biết con đường dẫn đến sự dập tắt tránh sự (adhikarananirodhagāmini).

486. Bị đuổi ra ngoài trú xứ.

487. Ra khỏi đồng trú xứ với thầy y chỉ có ý định không trở lại.

488. Thầy y chỉ dứt y chỉ.

mất y chỉ.

74. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chỉ, hoặc Hoà thượng A-xà-lê qua đời. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

75. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc không cho y chỉ, hoặc Hoà thượng A-xà-lê thôi tu. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

76. Lại có năm pháp mất y chỉ: hoặc chết, hoặc đi, hoặc thôi tu, hoặc thôi không cho y chỉ, hoặc trở lại theo Hoà thượng cũ. Có năm pháp như vậy mất y chỉ.

77. Có năm pháp phải xua đuổi đệ tử: hoặc Hoà thượng nói với đệ tử: - Nay tôi đuổi ông đi, - Ông không được vào phòng tôi, - Ông không được giúp việc cho tôi, - Ông đừng đến chỗ tôi, - Tôi không nói với ông. Đây là năm pháp Hoà thượng xua đuổi đệ tử.

78. A-xà-lê có năm pháp xua đuổi đệ tử:⁴⁸⁹- Nay tôi đuổi ông đi, - Ông không được vào phòng tôi, - Ông không được giúp việc cho tôi, - Ông đừng đến chỗ tôi, - Tôi không nói với ông. Đây là năm pháp A-xà-lê xua đuổi đệ tử.

79. Đệ tử có năm pháp bị Hoà thượng A-xà-lê xua đuổi: không tâm, không quý, không thể dạy bảo, chẳng phải oai nghi, không cung kính. Đệ tử có năm pháp như vậy bị Hoà thượng A-xà-lê xua đuổi.

80. Lại có năm pháp: không tâm, không quý, không thể dạy bảo, gần ác tri thức, thường đến nhà dâm nữ.⁴⁹⁰ Có năm pháp như vậy bị Hoà thượng A-xà-lê xua đuổi. (cũng như vậy, ưa đến nhà phụ nữ,⁴⁹¹ nhà phụ nữ chưa chồng, nhà huỳnh môn, chỗ Tỳ-kheo-ni, chỗ thức-xoa-ma-na, chỗ sa-di-ni, chỗ người bắt rùa trạnh.⁴⁹² Mỗi bốn sự như mục trên, thêm một trong các sự này, thành mỗi cụm năm pháp).

81. Có năm cách dữ dục: Nói, - Tôi gửi dục nơi Thầy, - Nhờ vì tôi thuyết dục, ra dấu bằng thân, miệng nói, ra dấu bằng thân cùng miệng nói. Đó là năm thứ dữ dục.

82. Có năm trường hợp mất dục: Tỳ-kheo nhận dục qua đời, hoặc thôi tu, hoặc nhập chúng ngoại đạo, hoặc nhập Tăng bộ khác,^{49>} hoặc

489. Dứt y chỉ.

490. Thập tụng luật 49 (T2>n14>5 tr.>59b17), - Phật nói, Tỳ-kheo có năm chỗ không nên lai vãng: phụ nữ chưa chồng, đàn bà goá, phụ nữ có chồng, dâm nữ, Tỳ-kheo-ni. Lại có 5 chỗ: nhà giặc cướp, nhà chiêm-đà-la (thịt chó), nhà đồ tể, nhà dâm nữ, nhà bán rượu.

491. Đã có chồng.

492. Chỉ chung những người làm chài lưới.

49>. Người nhận dục bỗng biến đổi giới tính.

đến trên giới trường sau khi tướng bình minh đã xuất hiện.⁴⁹⁴ Đó là năm thứ mất dữ dục.

8>. Có năm thứ gọi thanh tịnh và gọi tự tứ (cũng như trên, nếu mất cũng như trên).

84. Đức Như Lai ra đời thấy những sai lầm của các Tỳ-kheo nên vì năm lợi nghĩa mà chế pháp ngoại cụ: không khiến gió thổi, nước mưa thấm ướt, nắng xém, bụi đất, không khiến chim quạ làm bẩn. Đó là năm.

85. Hòa thượng có năm phi pháp thì đệ tử nên sám hối rồi bỏ đi. Nên thưa với Hòa thượng: - Con có như pháp hay không, Hòa thượng không biết. Con không như pháp, Hòa thượng cũng không biết. Con phạm giới mà Hòa thượng bỏ bê, không dạy, không quở trách. Phạm cũng không biết. Phạm mà sám hối cũng không biết. Hòa thượng có năm pháp như vậy, đệ tử nên sám hối mà xin đi.

86. Tỳ-ni có năm sự⁴⁹⁵ trả lời: tựa, chế, trùng chế, Tu-đa-la, tùy thuận tu-đa-la.⁴⁹⁶ Đó là năm.

87. Lại có năm pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, rộng tụng hai bộ giới. Đó là năm.

88. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, rộng tụng tỳ-ni. Đó là năm.

89. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, an trụ tỳ-ni mà không động. Đó là năm.

90. Lại có năm pháp: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, tránh sự khởi khéo hay diệt trừ. Đó là năm.

91. Có năm hạng trì luật: tụng thuộc tựa giới, bốn sự, mười ba sự, hai bất định, rộng tụng ba mươi sự. Đó là hạng trì luật thứ nhất. Nếu tụng thuộc tựa giới, bốn sự, mười ba sự, hai bất định, rộng tụng ba mươi sự, rộng tụng chín mươi sự. Là hạng trì luật thứ hai. Nếu rộng tụng giới tỳ-ni là hạng trì luật thứ ba. Nếu rộng tụng hai bộ giới tỳ-ni là hạng trì luật thứ tư. Nếu tụng toàn bộ tỳ-ni là hạng trì luật thứ năm. Ở đây xuân, thu, và đông nên y theo bốn hạng trì luật đầu, nếu không y vào đó để sống thì phạm Đột-kiết-la. Hạ an cư nên y vào hạng trì luật thứ năm. Không y vào đó để sống thì phạm Ba-dật-đề.

494. Vì đã qua ngày khác.

495. chỉ cơ sở (để trả lời trong vấn đáp nghĩa tỳ-ni).

496. Tham chiếu Pali, Vin. v. 1>0, trì luật ngu si với 5 pháp: không biết nhân duyên (nidānam, nguyên nhân Phật chế giới Hán dịch là tự 序), không biết chế (paññittim), không biết tùy chế (anupaddattim, quy định phụ; Hán dịch là trùng chế 重制), không biết ngữ pháp thích đáng (anusandhivacanam).

92. Người trì luật có năm công đức: giới phẩm kiên cố, khéo thắng các oán địch, giữa đại chúng quyết đoán không sợ, có nghi hối có thể khai giải, khéo trì tỳ-ni khiến chánh pháp tồn tại lâu dài. Đó là năm.

9>. Có năm thứ tâm giặc: tâm hắc ám, tâm tà vạy, tâm khúc lệ, tâm bất thiện, tâm thường muốn lấy trộm vật của người. Đó là năm.

94. Lại có năm hạng giặc: cương quyết mà lấy, đe dọa lấy, gởi vật lấy, thấy bèn lấy, ỷ thác lấy.⁴⁹⁷ Đó là năm.

95. Lại có năm hạng: đồng nghiệp với người tội, chỉ dẫn người làm giặc cướp, dò xét chỗ để tài vật cho cướp, giữ vật cho giặc cướp, canh chừng cho giặc cướp. Đó là năm.

96. Lại có năm loại phạm:⁴⁹⁸ Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la. Đó là năm. Cũng gọi là năm loại chế giới, cũng gọi là năm tụ phạm.⁴⁹⁹

97. Nếu không biết, không thấy năm loại phạm này, Ta nói người đó ngu si: Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la. Đó là năm loại phạm.

Năm loại chế giới cũng như vậy. Năm tụ phạm cũng như vậy.

98. Nếu không biết, không thấy năm phạm, Ba-la-di, Tăng-già-bà-thi-sa, Ba-dật-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Đột-kiết-la, Tăng nên trao cho pháp yết-ma quả trách.

Năm loại chế giới cũng như vậy. Năm phạm tụ cũng như vậy.

99. Lại có năm loại phạm: hoặc có phạm tự tâm niệm sám hối,⁵⁰⁰ hoặc có phạm tiểu tội đến người khác sám hối,⁵⁰¹ hoặc có phạm trung tội đến người khác sám hối,⁵⁰² hoặc có phạm không thể sám hối.^{50>}

97. Có năm pháp, Tăng nên trao cho yết-ma quả trách: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hoặc hủy báng Phật và Pháp. Đó là năm.

100. Lại có năm pháp: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hủy báng

497. Hán: quyết định thủ 決定取, khủng khiếp thủ 恐怯取, ký vật thủ 寄物取 (lấy bằng cách gởi nơi vật khác, tức lấy bằng cách che dấu), kiến tiện thủ 見便取 (có lẽ như Pali: pasayha, áp chế, được đọc là pasaya: thấy), ỷ thác thủ 倚託取 (có lẽ chỉ sự rút thăm). Tham chiếu Pali (Vin. v. 129), năm sự tước đoạt (padca avahārā): đoạt bằng cách trộn lấy (theyya-), bằng cưỡng bức (pasayha-), bằng mưu mô (parikappa-), bằng cất dấu (pañicchanna-) bằng rút thăm (kuṣa-). Xem Thập tụng 50 (T2>n14>5 tr.>6>b19), năm hình thức lấy vật của người khác: kiếp thủ 劫取, đạo thủ 盜取, trá thủ 詐取, để mạn thủ 誑謾取 (bịp mà lấy), pháp thủ 法取 (lấy hợp pháp).

498. Pali (Vin.v. 128, 91): pañca āpattiyo.

499. Năm tụ phạm, hay năm tụ tội, hay năm thiên tội, đồng nghĩa. Pali: pañca āpattikkhadā. Vin. v. 91.

500. Chỉ các tội Đột-kiết-la và ác thuyết.

501. Các tội Ba-dật-đề, và Ba-la-đề-đề-xá-ni.

502. Thâu-lan-già và Tăng-già-bà-thi-sa.

50>. Phạm Ba-la-di.

Phật và Tăng. Đó là năm.

101. Lại có năm: phá giới, phá kiến, phá oai nghi, hủy báng Pháp và Tăng. Đó là năm pháp nên trao cho yết-ma ha trách. Yết-ma tẩn, yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y, yết-ma cử tội cũng như vậy.

102. Có năm pháp tác yết-ma ha trách phi pháp, phi tỳ-ni, yết-ma không thành, không đúng cách. Năm pháp là: không tác cử, không tác ước niệm, không tác tự ngôn, phi pháp, biệt chúng. Đó là năm.

10>. Lại có năm pháp: không phạm, phạm không thể sám, phạm đã sám, phi pháp, biệt chúng. Đó là năm pháp yết-ma không thành, không đúng cách.

104. Lại có năm pháp yết-ma như pháp thành tựu, đúng cách: (ngược lại câu trên).

105. Người bị yết-ma ha trách có năm việc không được làm (như trong Kiền độ Ha trách⁵⁰⁴ đã nói).

106. Người bị cử có năm pháp không được cho giải yết-ma: mạ báng Tỳ-kheo; phương tiện làm cho Tỳ-kheo khác tổn giảm, mất lợi ích; (làm cho Tỳ-kheo khác) mất chỗ ở; trong nội giới hay ngoại giới nhận thiện Tỳ-kheo lễ bái cúng dường; ở chỗ không có Tỳ-kheo. Tỳ-kheo có năm pháp như vậy không được cho giải yết-ma bị cử.

107. Lại có năm pháp nên cho giải yết-ma bị cử. (ngược với câu trên).

108. Nếu Tỳ-kheo bị yết-ma cử tội vì không thấy tội nên bằng năm sự mà tự quán sát: - Nếu ta không thấy tội thì các Tỳ-kheo không cùng ta yết-ma, thuyết giới, tự tứ, đồng phòng ngủ; không cùng đồng một chỗ ngồi; tiểu thực đại thực, không tùy theo thứ tự lớn nhỏ; không chấp tay lễ bái cung kính hỏi chào. Đây là người bị yết-ma bất kiến tội cử, dùng năm việc này để quán sát.

Yết-ma không sám hối, yết-ma cử tội ác kiến không xả, cũng như vậy. Tác yết-ma cử tội bất kiến đối với người khác cũng phải bằng vào năm này để quán sát.

Yết-ma không sám hối, cử tội không xả ác kiến, cũng như vậy.

109. Tỳ-kheo có năm pháp, Tăng không nên tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: không hiếu với cha, với mẹ; không kính Sa-môn; Bà-la-môn; không khéo nhận lời nói.⁵⁰⁵ Có năm pháp như vậy không được tác yết-ma ngăn không đến nhà bạch y.

110. Có năm pháp nên tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch

504. Trong bản Hán, Phần iii, Ch.viii. Bản Việt, Phần iii, Ch.xi.

505. Xem phần iii, chương xi - Khiển trách. Các cht. 28->0.

y: (ngược lại câu trên).

111. Lại có năm pháp nên cho tác yết-ma ngăn không cho đến nhà bạch y: ưa mạ báng bạch y; phương tiện làm cho bạch y tổn giảm, mất lợi ích; làm cho (bạch y) không có chỗ ở; gây mâu thuẫn giữa bạch y.⁵⁰⁶ Đó là năm pháp.

112. Lại có năm pháp, trước mặt bạch y mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng, mạ bạch y, làm nghiệp thấp hèn, hoặc đối gạt bạch y. Đó là năm pháp.

11>. Tỳ-kheo có năm pháp khiến cho bạch y không tin: (như trường hợp - gây mâu thuẫn giữa bạch y trên).

114. Tỳ-kheo lại có năm pháp khiến bạch y không tin (như trường hợp - đối gạt bạch y trên).

115. Đối với bạch y có năm pháp, Tăng không được tác yết-ma úp bát: bất hiếu với cha, với mẹ, không kính Sa-môn, Bà-la-môn, không kính thờ Tỳ-kheo. Đó là năm.

116. Với bạch y có năm pháp, Tăng nên cho tác yết-ma úp bát: (ngược với câu trên).

117. Có năm pháp, Tăng nên cho tác úp bát: mạ báng Tỳ-kheo, làm Tỳ-kheo tổn giảm, làm mất lợi ích, làm cho không có trú xứ, đấu loạn Tỳ-kheo. Đó là năm.

118. Lại có năm pháp: đối trước Tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng, dùng vô căn bất tịnh hạnh vu khống Tỳ-kheo, phạm Tỳ-kheo-ni. Đó là năm.

119. Có năm trường hợp chê bai mà phạm Ba-dật-đề: không vì nghĩa, không vì pháp, không vì tỳ-ni, không vì giáo thọ, không vì thân hậu. Có năm trường hợp chê bai như vậy phạm Ba-dật-đề.

120. Lại có năm pháp chê bai không phạm Ba-dật-đề. (ngược với câu trên).

121. Nếu Tỳ-kheo nào không được Tăng không sai mà, bằng năm năm sự,⁵⁰⁷ kể tội Tỳ-kheo khác với người chưa thọ đại giới, phạm Ba-dật-đề. Năm sự đó là: nói tên tuổi, dòng họ, tướng mạo, y phục, phòng xá. Đó là năm việc.

122. Có năm đối tượng hành dâm phạm Ba-la-di: phụ nữ, đồng nữ, hai căn, huỳnh môn, nam tử. Đó là năm.

12>. Có năm trường hợp ăn trộm phạm Ba-la-di: tự mình lấy, chỉ thị lấy, sai phái đi lấy, trọng vật, dời khỏi vị trí. Đó là năm.

506. Xem cht. >0, phần iii, chương xi.

507. Sự, đây chỉ lý lịch bản thân, hay nhân thân của một cá nhân.

124. Lại có năm việc: với ý tưởng vật không phải sở hữu của mình, không tạm lấy, không do thân tình mà lấy, trọng vật, dời khỏi chỗ cũ. Đó là năm.

125. Lại có năm: của người, có ý tưởng là của người, trọng vật, với tâm trộm, dời khỏi chỗ cũ. Đó là năm.

126. Người chết có năm điều bất hảo: 1. bất tịnh, 2. hôi thối, >. ghê sợ, 4. khiến người ghê sợ nên ác quỷ được cơ hội, 5. trú xứ cho ác thú, phi nhân. Đó là năm.

Người phạm giới có năm sự thiệt hại: có thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh. Như sự bất tịnh của tử thi kia, Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh, tiếng xấu đồn khắp. Như tử thi kia, hôi thối từ đó tiết ra, Ta nói người này cũng như vậy. Người kia có thân, khẩu, ý nghiệp bất tịnh, các thiện Tỳ-kheo sợ tránh. Như tử thi kia khiến người ghê sợ, Ta nói người này cũng như vậy. Có thân khẩu ý nghiệp bất tịnh, khiến các thiện Tỳ-kheo thấy sinh ác tâm nói: - Sao ta lại thấy người ác như vậy? Như người thấy tử thi sinh ghê sợ, khiến cho ác quỷ có cơ hội. Ta thấy người này cũng như vậy. Có thân khẩu ý nghiệp bất tịnh ở chung cùng người bất tịnh. Như chỗ tử thi kia có ác thú, phi nhân cùng ở, Ta thấy người kia cũng như vậy. Đó là năm điều mất mát của người phạm giới như tử thi kia.

127. Người không nhẫn nhục có năm thiệt hại: 1. Hung ác bất nhẫn, 2. Sau sinh hối hận, >. Nhiều người không ưa, 4. Tiếng xấu đồn khắp, 5. Chết đọa ác đạo. Đó là năm.

128. Người hay nhẫn nhục có năm công đức: (ngược lại câu trên).

129. Sưởi lửa có năm điều mất mát: 1. khiến cho người không nhan sắc, 2. Không có sức khỏe, >. Khiến cho con mắt mờ, 4. Khiến nhiều người tập hợp làm ồn, 5. Nói nhiều việc đời. Đó là năm.

1>0. Thường tới lui nhà bạch y, Tỳ-kheo có năm điều mất mát: 1. Không dạy Tỳ-kheo bèn vào thôn xóm, 2. Ngồi trong chỗ nam nữ có dục ý, >. Ngồi một mình, 4. Ngồi chỗ khuất, chỗ kín, 5. Không có trí nam tử mà nói pháp cho người nữ quá năm, sáu lời.⁵⁰⁸ Đó là năm.

1>1. Lại có năm: 1. Thường gặp nữ nhân, 2. Đã gặp nhau thì gần gũi nhau, >. Chuyển thành thân tình, 4. Đã thân tình rồi dục ý sinh, 5. Đã có dục ý, hoặc phạm tử tội, hay gần tử tội. Đó là năm.

1>2. Ngủ với tâm tán loạn có năm điều thiệt hại: thấy ác mộng, chư thiên không vệ hộ, tâm không nghĩ đến pháp, không buộc ý nơi ánh

508. Xem, Tỳ-kheo, Ba-dật-đề 9.

sáng, xuất bất tịnh. Đó là năm.

1>>. Ngủ với tâm không tán loạn có năm công đức: (ngược với câu trên).

1>4. Uống rượu có năm điều mất mát: không nhan sắc, cơ thể không sức lực, mất mồ, ưa hiện tướng sân, mất của cải. Đó là năm.

1>5. Lại có năm việc: sinh thân bệnh, ưa đấu tranh, tiếng xấu đồn khắp, trí tuệ kém dần, chết đọa ác đạo. Đó là năm.

1>6. Phá giới có năm điều mất mát: tự hại, bị người trí quả trách, có tiếng xấu đồn khắp, khi gần chết hối hận, chết đọa ác đạo. Đó là năm.

1>7. Trì giới có năm công đức: (ngược với câu trên).

1>8. Lại có năm việc: vật mà trước chưa được thì không được; đã được thì không giữ nổi; hoặc ở tại giữa bất cứ đám đông nào, hoặc chúng sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng cư sĩ, chúng Tỳ-kheo, trong đó đều có sự hổ thẹn; trong phạm vi vô số do tuần Sa-môn Bà-la-môn xưng nói cái ác kia; người ác phá giới chết đọa đường dữ. Đó là năm.

1>9. Trì giới có năm công đức: (ngược với câu trên).

140. Không xỉa răng có năm điều thiệt hại: miệng hôi thúi, không khéo phân biệt mùi vị, nhiệt ẩm không tiêu, không dẫn thực, mắt không sáng. Đó là năm.

141. Xỉa răng có năm điều tốt. (tráivới câu trên).

142. Ăn cháo có năm điều tốt: trừ đói, giải khát, tiêu thức ăn qua đêm, đại tiểu tiện thông lợi, trừ phong. Đó là năm.

14>. Kinh hành có năm điều tốt: có thể đi xa, có thể tư duy, ít bệnh, tiêu thực, đắc định và an trú lâu.

144. Có năm thức ăn: cơm, lương khô, bách bột, (1006a1) thịt và cá.⁵⁰⁹

145. Có năm thứ muối: muối xanh, muối đen, muối tỳ-trà, muối lam-bà, muối chi-đô-tỳ.⁵¹⁰ Đó là năm.

146. Lại có năm thứ muối: muối đất, muối tro, muối đỏ, muối đá, muối biển. Đó là năm.

147. Thức ăn khư-xà-ni, có năm trường hợp không được ăn: phi thời, bất tịnh, không cho, không thọ, không tác pháp dư thực. Đó là năm.

Có năm việc nên ăn (ngược với câu trên).

148. Có năm thứ thọ thực: thân trao thân thọ, y trao y thọ, khủy

509. Xem phần iii, chương vii - Thuốc», cht. 1.

510. Xem phần iii, chương vii - Thuốc, cht. >1, >2.

tay trao khủy tay thọ, đồ trao đồ thọ, khi có nhân duyên để dưới đất thọ. Đó là năm.

149. Lại có năm: thân trao thân thọ, hoặc thân trao vật thọ, hoặc vật trao thân thọ, hoặc vật trao vật thọ, hoặc từ xa quăng rơi vào trong tay. Đó là năm.

150. Có năm thứ quả được tác:⁵¹¹ tác tịnh bởi lửa, tác tịnh bởi dao, tác tịnh bởi đục nhọn, tác tịnh bởi chim cắn, tác tịnh bởi loại hạt trái không mọc. Đó là năm.

151. Lại có năm: bóc ít vỏ, bóc hết vỏ, ung thối, bị đập vỡ, bấu. Đó là năm.

152. Có năm thứ mỡ: mỡ gấu, mỡ cá, mỡ lừa, mỡ chó, mỡ cá sấu⁵¹². Đó là năm.

153. Có năm thứ da không được dùng: da sư tử, da cọp, da báo, da rái cá, da chồn mèo. Đó là năm.

154. Lại có năm thứ da: da người, da độc trùng, da chó, da cầy vằn trùng, da cáo đồng. Đó là năm.

155. Có năm loại da không được chứa: da voi, da ngựa, da lạc đà, da bò, da lừa. Đó là năm.

156. Lại có năm: da linh dương, da dê trắng, da hươu, da báo, da y-sư. Đó là năm.

157. Có năm loại thịt không được ăn: thịt voi, thịt ngựa, thịt người, thịt báo, thịt thú độc trùng. Đó là năm.

158. Lại có năm: thịt sư tử, thịt cọp, thịt báo, thịt gấu, thịt bò. Đó là năm.

159. Có năm cách thuyết giới: Nói bài tựa rồi, nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hoặc nói bài tựa, nói bốn Ba-la-di rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hoặc nói bài tựa, nói bốn Ba-la-di, nói mười ba tăng tàn rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hoặc nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn, hai bất định rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hay là tụng đầy đủ. Đó là năm.

160. Lại có năm: Nói bài tựa, bốn Ba-la-di rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn rồi nên bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn, hai bất định rồi bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng

511. Năm loại tịnh quả: hỏa tịnh, đao tịnh, san tịnh, điều tịnh, bất nhiệm chủng tịnh. 五種淨果 火淨刀淨瘡淨鳥淨不任種淨. Xem phần iii, chương vii - Thuốc, cht. 108-110.

512. Nguyên Hán: thất thủ ma la.

thường nghe. Nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn, hai bất định, ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề rồi bạch Tăng: - Ngoài ra, như Tăng thường nghe. Hay nói đầy đủ. Đó là năm.

161. Lại có năm: Nói bài tựa, bốn Ba-la-di, tăng tàn rồi bạch Tăng: - Ngoài ra như Tăng thường nghe. Cũng vậy, mỗi mỗi đều bạch Tăng, cho đến Ba-dật-đề. Hay nói đầy đủ. Đó là năm.

162. Có năm pháp không được sai làm người chia cháo, nếu đã sai không được chia. (Như trong Kiền độ Phòng xá^{51>} đã nói).

16>. Do năm nhân duyên thọ công đức y: được chữa trường y, lia y ngủ, ăn biệt chúng, lần lượt ăn, không dẫn được vào thôn. Có năm nhân duyên này thọ công đức y.

164. Thọ công đức y rồi được năm việc (ngược với câu trên.)⁵¹⁴

165. Có năm nhân duyên gọi tăng-già-lê: mất an ninh, nguy cơ mất an ninh, trời mưa, nghi sẽ mưa, kinh dinh may tăng-già-lê hoặc giặt nhuộm hoặc cắt dấu kỹ. Đó là năm nhân duyên để gọi Tăng-già-lê.

166. Có năm nhân duyên gọi y tắm mưa: nhận thọ thực ngoài giới, lội nước, bệnh, ăn no rồi, kinh dinh may y tắm mưa, hoặc giặt nhuộm hoặc cắt dấu kỹ. Do năm nhân duyên này gọi y tắm mưa.

167. Hạ an cư rồi nên làm năm việc: tự tứ, giải giới, kết giới lại, thọ y công đức, chia ngọ cụ. Đó là năm.

168. Tỳ-kheo có năm pháp không được coi là thân hậu: ưa đấu tranh, nhiều tác nghiệp,⁵¹⁵ tranh chấp với Tỳ-kheo hơn mình giữa đại chúng, ưa đi du hành không chấm dứt, không vì người nói pháp chỉ cho người biết việc thiện việc ác. Đó là năm.

169. Có năm pháp nên làm cho thân tình: (ngược với câu trên).

170. Có năm pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni: thọ trì đầy đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới, đa văn, khéo sử dụng ngôn ngữ, luận nói rõ ràng khiến người nghe hiểu được, không vì Phật xuất gia mà phạm trọng tội, hai mươi tuổi hay hơn. Đó là năm.

171. Có năm pháp khiến chánh pháp mau diệt:

a. Có Tỳ-kheo không lắng nghe thọ tụng, ưa quên nhảm, văn không đầy đủ mà đem dạy người khác, văn đã không đầy đủ mà nghĩa lại thiếu. Đó là điều thứ nhất làm cho chánh pháp mau tiêu diệt.

b. Lại nữa, có Tỳ-kheo là bậc thắng nhân thượng tọa ở trong Tăng,

51>. Bản Hán, phần iv, kiền-độ i. Bản Việt, phần iv, ch. i, đoạn 18.

514. Có thể có nhầm lẫn trong bản Hán. Nên hiểu, - Không thọ công đức y không được năm sự.

515. Tức bận rộn nhiều chuyện đời.

cả nước tôn trọng, mà phần nhiều không trì giới, chỉ tu các pháp bất thiện, phóng xả giới hành, không siêng năng tinh tấn để đắc điều chưa sở đắc, nhập điều chưa sở nhập, chứng điều chưa được chứng. Tỳ-kheo-niên thiếu hậu sinh bất chước tập theo hạnh đó, phá giới nhiều, tu pháp bất thiện, phóng xả giới hành, không siêng năng tinh tấn để đắc điều chưa sở đắc, nhập điều chưa sở nhập, chứng điều chưa được chứng. Đó là điều thứ hai làm cho chánh pháp mau tiêu diệt.

c. Lại nữa, có Tỳ-kheo đa văn trì Pháp, trì Luật, trì Ma-di, nhưng không đem sự hiểu biết của mình dạy cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, bèn qua đời. Vị kia đã qua đời khiến chánh pháp đoạn diệt. Đó là điều thứ ba khiến chánh pháp mau tiêu diệt.

d. Lại nữa, có Tỳ-kheo khó có thể giáo thọ, không công nhận lời hay, không thể nhẫn nhục, các thiện Tỳ-kheo liền xả trí. Đó là điều thứ bốn khiến chánh pháp mau tiêu diệt.

e. Lại nữa, có Tỳ-kheo ưa đấu tranh, mạ lị nhau, hơn thua với nhau, tuôn ra lời như đao kiếm, xoi bói tốt xấu nhau. Đó là điều thứ năm khiến chánh pháp mau tiêu diệt.

172. Lại có năm pháp khiến khiến chánh pháp tồn tại lâu dài (ngược với câu trên).

17>. Tỳ-kheo có năm pháp không được làm bạn đồng hành: ưa đi trước quá xa; ưa đi sau xa; ưa nài theo lời nói của đoán nhân; không phân biệt thiện, ác ngữ; thiện ngữ không khen, khen ác ngữ; được của lợi như pháp không vì người kia thọ đúng lúc. Có năm pháp như vậy không được làm bạn cùng đi.

174. Có năm pháp làm bạn cùng đi (ngược lại câu trên).

175. Tỳ-kheo có năm pháp tự tổn giảm: có phạm bị người trí quở trách mắc tội vô lượng; nhiễm ô đối với người không khiến cho thanh tịnh; vì người kia tác phạm, không tác vô phạm; thọ nhận tự ngôn của vị kia mà không tri như tự ngôn pháp; không biết được lời nói xa gần có tổn giảm. Đó là năm.

176. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (ngược với câu trên).

177. Lại có năm pháp tự tổn giảm: không hiểu điều đã được nói; cũng không khéo ghi nhớ nhận biết; lời nói vị kia nên nạn vẫn lại không nạn vẫn; người kia nạn vẫn đến thì không thể hiểu; không thọ trì đủ Ba-la-đề-mộc-xoa giới. Đó là năm.

178. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (ngược với câu trên).

179. Lại có năm pháp không tự tổn giảm: ưa sân nhuế; không phóng xả; tăng thêm lời nói của người; chịu lời nói bất thiện, xa lìa lời

nói thiện. Đó là năm.

180. Lại có năm pháp không tự tổn giảm (ngược với câu trên).

181. Người bệnh có năm pháp khó chăm nuôi, có năm pháp dễ chăm nuôi, có năm pháp nên thọ y của người bệnh (như trong - Kiền độ Y⁵¹⁶ đã nói).

182. Tỳ-kheo có năm pháp người đời nghi hoặc, cho đến A-la-hán: Tỳ-kheo thường đến nhà dâm nữ, nhà phụ nữ, nhà đàn bà chưa chồng, nhà huỳnh môn, nhà Tỳ-kheo-ni, đó là năm.

18>. Tỳ-kheo có năm pháp làm cho bạch y không ưa gặp: ưa gần bạch y, ưa giận bạch y, cưỡng bức đến nhà bạch y, ưa cùng bạch y nói lén, ưa xin xỏ. Đó là năm điều mà bạch y không ưa gặp.

184. Có năm pháp bạch y ưa gặp (ngược với câu trên).

185. Đức Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay bạch Phật:

- Tỳ-kheo-niên thiếu đối trước Tỳ-kheo Thượng tọa sám hối, có bao nhiêu pháp?⁵¹⁷

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

Có năm pháp: trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, kính lễ sát chân, đầu gối bên phải chấm đất, chấp tay nói tên và chủng tánh tội như sau: - Tôi Tỳ-kheo tên là... phạm tội như vậy như vậy, đến Trưởng lão sám hối. Thượng tọa nên trả lời: - Tự trách tâm thấy, sinh yểm ly. Vị kia trả lời: - Xin vâng. Tỳ-kheo-niên thiếu ở trước Thượng tọa sám hối nên dùng năm pháp này.

186. Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Tỳ-kheo khách niên thiếu kính lễ Tỳ-kheo cựu Thượng tọa nên dùng bao nhiêu pháp?

Đức Phật bảo:

Tỳ-kheo khách niên thiếu nên dùng năm pháp kính lễ Tỳ-kheo cựu Thượng tọa: để trống vai bên phải, cởi bỏ giày dép, đầu gối bên phải chấm đất, nắm hai chân Thượng tọa, nói: - Đại đức, tôi hòa nam. Đó là năm pháp. Cựu Tỳ-kheo-niên thiếu kính lễ Tỳ-kheo Thượng tọa khách cũng như vậy.

187. Có năm hạng người không được kính lễ: tự nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, tặc tâm thọ giới, phá nhị đạo, huỳnh môn. Đó là

516. Bản Hán, phần iii, kiền-độ iii. Bản Việt, phần iii, chương vi, đoạn 11 - Di vật của Tỳ-kheo.

517. Xem thêm mục - Bốn pháp, hạng mục 2>.

năm.

188. Lại có năm pháp: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, ác tâm làm thân Phật ra máu.⁵¹⁸ Đó là năm.

189. Lại có năm cử chỉ oai nghi không được kính lễ: đại tiện, tiểu tiện, ở trần, khi cạo tóc, hoặc khi nói pháp. Đó là năm.

190. Lại có năm: xỉa răng, súc miệng, ăn, uống, ăn trái cây. Đó là năm.

191. Thượng tọa, thứ tọa có năm pháp không lợi ích đối với Tỳ-kheo đấu tranh: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không rộng tụng hai bộ giới, không thể vấn đáp, không thể như pháp quả trách và tác diệt tận khiến được hoan hỷ, không khéo hay diệt đấu tranh sự. Đó là năm.

192. Lại có năm pháp Thượng tọa hoặc thứ tọa đối với Tỳ-kheo đấu tranh có lợi ích (ngược với câu trên).

19>. Có năm pháp gọi là đại tặc, suốt đời tạo tội nặng, nhưng không bị trói cột câu thúc. Năm pháp là: Nếu ở chỗ vô định, có bạn tốt. Hoặc có nhiều đao gậy. Hoặc giàu to, của tiền nhiều, người kia nghĩ: - Nếu có bắt ta, ta sẽ cho họ nhiều của cải. Hoặc có đại nhân thân tình; dựa thế vua, hoặc đại thần; người ấy nghĩ: - Nếu có bắt ta, vua và đại thần sẽ giúp ta. Hoặc đến phương xa làm giặc rồi trở về. Đó là năm. Cũng vậy, Tỳ-kheo phá giới có năm pháp suốt đời tạo ra nhiều tội, không sớm bị người cử tội: Hoặc trụ chỗ vô định, có bạn đàng. Hoặc đa văn. Hoặc nghe có thể nhớ giữ; có đa văn như vậy, lời nói khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối, đều thiện, có văn có nghĩa, nói đầy đủ tịnh hạnh; ở trong pháp như vậy có thể nhớ giữ, có thể thiện tâm tư duy thâm nhập chánh kiến. Hoặc có thể đặng y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men; Tỳ-kheo ấy nghĩ: - Nếu có cử tội ta, ta sẽ cho vật dụng. Hoặc có đại nhân là chỗ thân tình, Thượng tọa hay thứ tọa; Tỳ-kheo ấy nghĩ: - Nếu có cử tội ta, thượng tọa thứ tọa sẽ giúp ta. Hoặc trụ nơi hoang vắng mà đến đại gia cầu xin lợi dưỡng. Đó là năm pháp, mà Tỳ-kheo phá giới suốt đời tạo ra nhiều tội lỗi, nhưng không sớm bị người cử tội.

194. Có năm sự ngăn thuyết giới phi pháp: ngăn bằng Ba-la-di vô căn, Tăng-già-bà-thi-sa vô căn, Ba-dật-đề vô căn, Ba-la-đề-đề-xá-ni vô căn, Đột-kiết-la vô căn. Đó là năm.

195. Có năm như pháp ngăn thuyết giới (ngược với câu trên).

196. Có năm sự rút thăm phi pháp: không rõ đoán sự mà nhận thẻ,

518. Xem đoạn trên. Trên kia, được kể là 5 già nạn. Ở đây được kể là không nên lễ bái người như vậy.

không đồng ý mà nhận thể, không có thiện Tỳ-kheo mà nhận thể, phi pháp biệt chúng nhận thể. Đó là năm.

197. Có năm như pháp rút thăm (ngược với câu trên).

198. Có năm sự im lặng phi pháp, có năm sự im lặng như pháp, có năm sự hòa hợp như pháp (như trong - Kiền độ linh tinh» đã nói).⁵¹⁹

Có năm pháp xả khí (như trong - Kiền độ Câu-thiểm-di» nói).⁵²⁰

199. Bấy giờ Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Các người chớ nên lúc nào cũng cử tội Tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Người cử tội Tỳ-kheo khác, thân oai nghi không thanh tịnh mà cử tội người thì khiến người ấy nói: - Thưa Trưởng lão, trước tiên nên tự làm cho bản thân thanh tịnh đã. Ưu-ba-ly, nếu thân oai nghi thanh tịnh mà cử tội người thì không khiến người ấy nói như vậy.

Lời nói không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh cũng như vậy.

- Lại nữa, Ưu-ba-ly, nếu kẻ ít nghe, không biết Tu-đa-la mà cử tội người khác, thì khiến người ấy nói: - Thưa Trưởng lão, việc này thế nào? Điều này có nghĩa gì? Người cử tội không thể phân biệt để trả lời thì khiến vị kia liền nói: - Thưa Trưởng lão, trước hết nên tụng Tu-đa-la đã, sau đó sẽ biết. Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo đa văn tụng Tu-đa-la thì không khiến người ấy nói như vậy.

- Lại nữa, Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo ít nghe, không tụng tỳ-ni mà cử tội vị kia, thì khiến người ấy nói: - Thưa Trưởng lão, đây là nói về cái gì? Nhân đâu mà phát khởi? Nếu không thể nói chỗ phát khởi, thì khiến vị kia liền nói: - Thưa Trưởng lão, trước hết nên tụng tập tỳ-ni. Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo đa văn, tụng tập tỳ-ni mà cử tội người, không khiến người ấy nói như vậy.

- Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo có năm pháp như vậy, nên đúng thời như pháp cử tội vị kia.

Khi ấy Ưu-ba-ly tin ưa hoan hỷ thọ trì.

200. Đức Thế Tôn ở trong rừng Nhuy-la, nước Ca-lăng-già. Bấy giờ Trưởng lão Ba-ma-na đến chỗ Đức Thế Tôn đầu mặt đảnh lễ sát chân rồi ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đại đức, do nhân duyên gì sau khi Đức Như Lai diệt độ, chánh pháp nhanh chóng diệt, không tồn tại lâu dài? Lại do nhân duyên gì chánh pháp không diệt mà được tồn tại lâu dài?

Đức Phật bảo Ba-ma-na:

- Sau khi Như Lai diệt độ, Tỳ-kheo không tôn kính Phật, Pháp,

519. Bản Hán, phần iv, kiền-độ ii - Tạp kiền-độ. Bản Việt, phần iv, chương ii - Tạp sự.

520. Bản Hán, phần iii, kiền-độ sáu. Bản Việt, phần iii, chương ix - Câu-thiểm-di.

Tăng và giới định. Do nhân duyên này mà chánh pháp nhanh chóng diệt độ, không tồn tại lâu dài. Ba-ma-na, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có Tỳ-kheo tôn kính Phật, Pháp, Tăng và giới định, thì do nhân duyên này chánh pháp không diệt, đặng tồn tại lâu dài.

Đức Thế Tôn ở trong vườn cửa vua, nước Kim-tỳ-la. Bấy giờ Trưởng lão Kim-tỳ-la đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch Đức Thế Tôn:

- Do nhân duyên gì sau khi Như Lai diệt độ chánh pháp nhanh chóng diệt, không tồn tại lâu dài? (hỏi đáp đều như trước không khác).

201. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ đến chỗ Đức Phật đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi qua một bên, bạch Phật:

- Bạch Đại đức, vì nhân duyên gì chánh pháp nhanh chóng diệt mà không tồn tại lâu dài?

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo xuất gia trong pháp luật, không chí tâm vì người nói pháp; cũng không chí tâm nghe pháp nhớ giữ; giả sử có kiên trì mà không thể tư duy nghĩa thú; vị kia không biết nghĩa, không thể như pháp tu hành; không thể tự lợi, cũng không lợi người.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

Vì những nhân duyên như vậy khiến cho chánh pháp nhanh chóng diệt, mà không tồn tại lâu dài.

- Bạch Đại đức, lại nữa, do nhân duyên gì khiến chánh pháp tồn tại lâu dài, mà không nhanh chóng tiêu diệt? (ngược với câu trên).

202. Khi ấy, có Tỳ-kheo khác đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, thưa:

- Lành thay, Đại đức, vì con lược nói pháp. Con sẽ ở riêng một chỗ, siêng năng tinh tấn tu hành, không phóng dật.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu người biết thế pháp không thể xuất ly, hoặc biết có ái không thể vượt qua, hoặc biết có dục không được vô dục, hoặc biết có kết không thể vô kết, hoặc biết thân cận sinh tử không được không thân cận. Người Tỳ-kheo quyết định nên biết, đây là phi pháp phi tỳ-ni, phi lời Phật dạy.

- Nay Tỳ-kheo, người biết pháp này là xuất ly, chẳng phải thế pháp, là vượt qua chẳng phải pháp ái, là ly dục chẳng phải có dục, là vô kết chẳng phải có kết, là không thân cận sinh tử chẳng phải thân cận.

- Nay Tỳ-kheo, người nên quyết định biết pháp này là pháp, là tỳ-ni, là lời Phật dạy.

Tỳ-kheo kia nghe Đức Thế Tôn lược nói lời giáo thọ, liền ở riêng một chỗ khuất, siêng năng tinh tấn, không phóng dật. Đầu đêm cuối đêm tỉnh ý tư duy nhất tâm tu tập đạo phẩm, do lòng tin ưa xuất gia hành đạo, không bao lâu, hiện thể chứng đắc A-la-hán, - sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần đã làm xong, không còn tái sinh nữa. Tỳ-kheo kia tự biết đắc A-la-hán.

Đức Phật nói pháp như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, tin ưa hoan hỷ thọ trì.

20>. Bấy giờ, có Tỳ-kheo nọ đến chỗ Đức Thế Tôn, đầu mặt kính lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

- Lành thay, Đại đức, vì con lược nói pháp. Con sẽ ở một mình nơi chỗ khuất, siêng năng tinh tấn tu tập, không phóng dật.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu người biết có pháp khiến nhiều dục, không khiến ít dục, khiến vô yếm không tri túc, khiến khó bảo hộ, không dễ bảo hộ, khiến khó nuôi dưỡng, không dễ nuôi dưỡng, khiến ngu si không trí tuệ. Nay Tỳ-kheo, người nên biết pháp như vậy là phi pháp, phi tỳ-ni, chẳng phải là lời dạy của Đức Phật.

- Nếu Tỳ-kheo biết có pháp khiến thiếu dục không đa dục, khiến tri túc không vô yếm, khiến dễ bảo hộ không khó bảo hộ, khiến dễ nuôi dưỡng không khó nuôi dưỡng, khiến có trí tuệ không ngu si. Nay Tỳ-kheo, người nên quyết định và biết pháp này là tỳ-ni, là lời Phật dạy.

Tỳ-kheo kia sau khi nghe Đức Phật lược nói rồi, liền ở riêng chỗ khuất tư duy như trên đã nói.⁵²¹

204. Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la⁵²² nào mà Ta cho phép, các người nên làm như vậy.^{52>} Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta không cho phép, thì các người không được tùy thuận, nên chê trách. Hãy làm như vậy. Những

521. Hết quyển 59.

522. Các thành phần của ngôn ngữ: ba-đà-xá 波陀舍 (Skt., Pali: pada, cú, câu hay mệnh đề), a-nậu-ba-đà-xá 阿(少/免)波陀舍 (Skt., Pali: anupada, tùy cú), tiện-xà-na 便闍那 (Skt. vyāñjana: văn, từ ngữ), a-nậu-tiện-xà-na 阿(少/免)便闍那 (Skt., Pali: anuvyañjana: tùy văn), ác-xoa-la 惡叉羅 (Skt. akara, Pali: akkhara, tự, tự mẫu, âm tiết), a-nậu-ác-xoa-la 阿(少/免)惡叉羅 (Skt. anu-akara, tùy tự).

52>. Câu này có thể hiểu như sau: - Những âm vận, từ ngữ, cú pháp nào mà Ta chấp thuận, các người hãy theo đó mà làm. Điều này liên hệ việc chuyển thể kinh Phật sang ngôn ngữ Sanskrit chuẩn của Vệ-đà mà Phật không cho phép. Xem phần iv, chương ii - Tập sự», đoạn 17, cht. 62.

ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta ngăn cản, thì các người không nên làm. Những ba-đà-xá, a-nậu ba-đà-xá, tiện-xà-na, a-nậu-tiện-xà-na, ác-xoa-la, a-nậu-ác-xoa-la nào mà Ta không ngăn cản, các người nên tùy thuận, không nên chê trách.

205. Bảy giờ, Xá-lợi-phất cùng với năm trăm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng với năm trăm Tỳ-kheo-ni; A-nan-phân-đề⁵²⁴ cùng với năm trăm Ưu-bà-tắc; Tỳ-xá-khư Mẫu⁵²⁵ cùng với năm trăm Ưu-bà-di, như trong kiền độ Câu-thiểm-di⁵²⁶ đã nói.

Bảy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

206. Tỳ-kheo đến trong Tăng, trước hết phải có năm pháp: nên đến với từ tâm, nên tự ti xem mình như cái khăn lau bụi, nên khéo léo biết việc ngồi việc đứng, nếu thấy Thượng tọa thì không được ngồi yên, nếu thấy hạ tọa thì không được đứng dậy. Tỳ-kheo đến trong Tăng không được bàn nói chuyện của thế tục, nên tự nói pháp, hay thỉnh người nói pháp, nếu thấy trong Tăng có sự việc bất khả, tâm không nhin yên, thì nên im lặng. Tại sao vậy? Sợ tăng phân hóa. Tỳ-kheo trước hết phải có năm pháp này, sau đó mới đến trong Tăng.

207. Nay Xá-lợi-phất, có năm pháp này Tỳ-kheo ở trong Tăng không được nói.

Lại có năm pháp ở trong Tăng nên nói. Ở đây có sáu pháp⁵²⁷ như trên đã nói trong pháp tự tổn giảm.

208. Có năm pháp để cử tội người khác: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, khéo léo việc nói năng, có ức niệm, có trí tuệ. Đó là năm.

Có năm pháp nên cử tội người khác: có tâm từ bi, vì muốn lợi ích, khiến tăng trưởng, khiến sám hối, thanh tịnh. Có năm pháp như vậy nên cử tội người.

Muốn cử tội người nên có năm pháp, như đã nói ở trên trong - Kiền độ Ngăn.⁵²⁸

209. Có năm cử tội phi pháp: phi thời chứ không phải đúng thời,

524. A-nan-phân-đề 阿難分; phiên âm của Skt. (Pali) Anāthapittika, dịch là Cấp Cô Độc. Các đoạn trên kia phiên âm là A-nan-bân-đề 阿難, dịch là Cấp Cô Độc Thực.

525. Tỳ-xá-khư Mẫu, trên kia cũng nói là Tỳ-xá-khư Vô-la-di Mẫu. Pali: Visākhā-Magāra-Matā.

526. Xem, bản Việt, phần iii, chương ix - Câu-thiểm-di, đoạn 5.

527. Gồm sau hạng mục cho 5 pháp - nên nói và - không nên nói. Như các hạng mục 180-185 trên

528. Bản Hán, phần iii, chương xi - Già kiền-độ. Bản Việt, phần iii, chương xiv - Già yết-ma

không thật chứ không phải như thật, tổn giảm chứ không lợi ích, thô lỗ chứ không nhu hòa, sân nhuế chứ không từ tâm. Đó là năm.

210. Có năm cử tội như pháp: (ngược với câu trên).

Bất thiện, thiện; phi từ-ni, từ-ni; thế gian, xuất thế gian; tổn giảm, lợi ích; cũng nói như vậy.

Có năm câu, không có câu thứ ba: thời cùng phi thời, câu này không có câu thứ ba. Thật cùng không thật, câu này không có câu thứ ba. Tổn giảm với có lợi ích, câu này không có câu thứ ba. Thô lỗ với nhu hòa, câu này không có câu thứ ba. Sân nhuế với từ tâm, câu này không có câu thứ ba. Đó là năm câu không có câu thứ ba.

211. Nói năm lời xả giới: - Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa Thượng, xả đồng Hòa Thượng. Cứ mỗi năm lời như vậy làm thành một hạng mục, cho đến - ...phi Sa-môn Thích tử.⁵²⁹

212. Đức Như Lai ra đời thấy có sự lỗi lầm nên vì năm nghĩa lợi mà chế giới cho các Tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an lạc, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ tin rồi tăng trưởng^{5>0}. Đó là năm. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy.

21>. Đức Như Lai ra đời thấy các Tỳ-kheo có sự lỗi lầm nên vì năm nghĩa lợi mà chế yết-ma ha trách cho các Tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an vui, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ tin rồi Tăng trưởng. Đó là năm. Cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Mỗi năm pháp làm thành một hạng mục cũng như vậy. Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.^{5>1}

VI. SÁU PHÁP

1. Có sáu phi pháp ngăn nói giới, ngăn phá giới vô căn, tác hay bất tác,^{5>2} phá kiến; phá oai nghi cũng như vậy. Đó là sáu.

Có sáu như pháp ngăn thuyết giới (ngược với câu trên).

2. Có sáu pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, rộng tụng hai bộ giới từ-ni, có khả năng về ngôn ngữ, luận biện nghĩa cú rõ ràng, không vì Phật xuất gia mà phạm trọng tội, hai mươi hay hơn hai mươi hạ. Đó là sáu pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni.

529. Xem các hạng mục, - Một pháp, hạng mục 1 & 2; - Hai pháp, hạng mục 126; - Ba pháp, hạng mục 15>; - Bốn pháp, hạng mục 56.

5>0. Xem trên, - Hai pháp, hạng mục 1>6; - Ba pháp, hạng mục 156; - Bốn pháp, hạng mục 57.

5>1. Chi tiết, xem - Bốn pháp, hạng mục 58.

5>2. Xem phần iii, ch. xiv - Già yết-ma đoạn 2, các cht. 7, 8, 9.

>. Tỳ-kheo đặt nghi vấn cho Tỳ-kheo bằng sáu pháp: hoặc tính tuổi đời, hoặc tính tuổi hạ, hoặc dùng tính thọ đại giới, hoặc nghiệm yết-ma, hoặc phạm, hoặc y trên pháp. Đó là sáu.

4. Có sáu chỗ phát sinh sự phạm:^{5>>} hoặc có phạm do thân khởi chẳng phải tâm hay miệng, hoặc có phạm khởi nơi miệng không do thân hay tâm, hoặc có phạm từ thân và miệng khởi không do tâm, hoặc có phạm từ thân và tâm khởi chẳng phải do miệng, hoặc có phạm khởi từ miệng và tâm chẳng phải do thân, hoặc có phạm từ thân, miệng và tâm khởi. Đó là sáu.

5. Có sáu gốc rễ của đấu tranh, như trong A-hàm^{5>4} đã nói.

6. Có sáu trường hợp ăn trộm phạm Ba-la-di: tự mình lấy, hoặc chỉ thị lấy, sai phái người đi lấy, trọng vật, với tâm trộm, đời khởi chỗ cũ.^{5>5} Đó là sáu.

7. Lại có sáu (trường hợp khác): với tướng chẳng phải của mình, ý tưởng không tạm lấy, ý tưởng chẳng phải thân tình, trọng vật, với tâm trộm, đời khởi chỗ cũ. Đó là sáu.

VI. BẢY PHÁP

1. Có bảy phi pháp ngăn thuyết giới: ngăn bằng Ba-la-di vô căn, cho đến ác thuyết vô căn.^{5>6} Đó là bảy.

2. Có bảy tụ phạm:^{5>7} Ba-la-di cho đến ác thuyết. Đó là bảy.

>. Có bảy loại tinh: sắc đỏ, cho đến sắc lạc tương.^{5>8} Đó là bảy.

4. Có bảy diệt tránh, như trên, trong văn giới đã nói.^{5>9}

5. Có bảy pháp gọi là trì luật: biết phạm, biết không phạm, biết nhẹ, biết nặng, biết hữu dư, biết vô dư, rộng tụng hai bộ tỳ-ni. Đó là bảy.

6. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: rộng tụng tỳ-ni. Đó là bảy.

7. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: trụ tỳ-ni không lay không động. Đó là bảy.

8. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: khéo

5>>. Pali, Vin. v. 92, 1>>: cha āpattisamutthānā, sáu tội đặng khởi.

5>4. Xem Trường A-hàm 8 (T01n01 tr.51c26): lục tránh bản. Xem thêm, Trung A-hàm 52 (T01n26 tr.75>c9). Thập tụng 50 (T2>n14>5 tr.>67a07), lục tránh bản 六諍本: 1. sân hận bất ngữ, 2. ác tánh dục hại, >. tham tật, 4. siểm khúc, 5. vô tâm quý, 6. ác dục tà kiến. Tham chiếu Pali, Sangi, D. iii. 246: cha vivādamulāni.

5>5. Xem mục - Năm pháp, hạng mục 129.

5>6. Ngăn bằng bảy thiên tội. Xem phần iii. Ch. xiv - Già yết-ma», đoạn 2 - Già thuyết giới.

5>7. Bảy thiên tội, hay bảy tụ tội. Pali: sattāpattikkhandhā. Xem mục - Năm pháp», hạng mục 9>.

5>8. Xem phần i, Tăng-già-bà-thi-sa 1. Bản Việt, quyển 1, tr. 9>.

5>9. Bản Việt, quyển 2, tr. 975.

hay diệt tránh sự. Đó là bảy.

9. Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như. Pháp thứ bảy: tự nhớ biết các đời sống trước, với đủ các hình thức khác nhau.⁵⁴⁰ Đó là bảy.

Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: bằng thiên nhãn thấy chúng sinh chết đây sinh kia làm một câu mẫu. Đó là bảy.

Lại có bảy: sáu pháp đầu đồng như trước. Pháp thứ bảy: bằng lậu tận được vô lậu, tâm giải thoát, huệ giải thoát, hiện đời này được quả chứng, - sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã xong, quyết không còn tái sinh nữa.. Đó là bảy.

10. Không cung kính có bảy: không kính Phật, Pháp, Tăng, giới, định, phụ mẫu và thiện pháp. Đó là bảy.

11. Cung kính có bảy (ngược với câu trên).

12. Xả giới có bảy lời: - Tôi xả Phật, Pháp, Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê. Đó là bảy. Cho đến... phi Sa-môn Thích tử cũng như vậy.⁵⁴¹

1>. Do bảy nghĩa mà Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế giới: nhiếp thủ đối với Tăng, khiến Tăng hoan hỷ, khiến Tăng an vui, khiến kẻ không tin thì tin, kẻ đã tin tăng trưởng, kẻ khó điều khiến điều, người tầm quý được yên vui. Đó là bảy. Cũng vậy: mỗi bảy pháp làm thành một hạng mục, cho đến - chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy.⁵⁴²

14. Do bảy nghĩa mà Đức Như Lai ra đời vì các Tỳ-kheo chế yết ma ha trách: từ - nhiếp thủ đối với Tăng, cứ mỗi bảy pháp làm thành hạng mục, cho đến - chánh pháp tồn tại lâu dài cũng như vậy.^{54>} Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy, cũng như yết-ma ha trách làm thành hạng mục.

VIII. TÁM PHÁP

1. Có tám sự ngăn thuyết giới một cách phi pháp; ngăn bằng pháp giới vô căn, tác hay bất tác; phá kiến vô căn, tác bất hay tác; phá oai nghi vô căn, tác bất hay tác, phá chánh mạng vô căn, tác hay bất tác⁵⁴⁴. Đó là tám.

540. Để bản: sử 使. Các bản khác: canh 更. Tham chiếu Pali, Vin. v. 1>5: thành tựu bảy pháp được gọi là Tỳ-kheo trì luật (nhiều tụ bảy như Hán): biết tội, không tội... nhớ nhiều đời quá khứ khác nhau (anekavihita pubbenivāsan anussarati).

541. Xem mục - Năm pháp, hạng mục 219.

542. Xem trên, - Hai pháp, hạng mục 1>6; - Ba pháp, hạng mục 156; - Bốn pháp, hạng mục 57; - Năm pháp, hạng mục 220.

54>. Xem hạng mục 1>trên.

544. Xem mục - Sáu pháp, hạng mục 1.

2. Có tám như pháp ngăn thuyết giới (ngược với câu trên).

>. Có tám pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới; đa văn; tụng hai bộ giới tỳ-ni; có khả năng ngôn ngữ luận; biện nghĩa câu chữ rõ ràng, từ đại tánh xuất gia như sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ; hình mạo đoan chánh; không vì Phật xuất gia mà phạm trọng tội; hai mươi hay hơn hai mươi hạ. Đó là tám.

4. Có tám pháp không thể vượt qua,⁵⁴⁵ như trong - Kiền độ Tỳ-kheo-ni đã nói.

5. Bạch y có tám pháp nên tác pháp úp bát:⁵⁴⁶ mạ báng Tỳ-kheo, làm cho (Tỳ-kheo) thiệt hại, không làm cho lợi ích, làm cho (Tỳ-kheo) không có trú xứ, làm cho Tỳ-kheo đấu loạn nhau, trước Tỳ-kheo mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Đó là tám.

6. Tỳ-kheo có tám pháp khiến bạch y không tin: mạ báng bạch y, gây thiệt hại (cho bạch y), là mất lợi ích (của bạch y), làm cho (bạch y) không có chỗ ở, làm cho bạch y đấu loạn nhau, trước bạch y mà hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Đó là tám. Tỳ-kheo có tám pháp như vậy nên trao cho pháp yết-ma ngăn không đến nhà bạch y, như trên đã nói.

7. Có tám pháp nên sai làm bạn người sai phái: có khả năng nghe, có khả năng nói, tự mình hiểu rõ, khiến người hiểu rõ, có khả năng ghi nhận, có khả năng ghi nhớ không mất, biết tốt xấu, nói ý nghĩa lý thú. Đó là tám.

8. Bấy giờ Đức Thế Tôn ở bên ao Già-già tại thành Chiêm-bà. Ngày mười lăm có trăng, là ngày thuyết giới, Ngài ngồi chỗ đất trống cùng chúng Tăng đông đủ xoay quanh bốn bên. Khi ấy, có Tỳ-kheo bằng kiến, văn, nghi mà cử tội Tỳ-kheo kia. Khi bị cử tội, Tỳ-kheo kia liền dùng dư ngữ (nói quanh) để trả lời.⁵⁴⁷ Do đó có sự sân hận nổi lên. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nên thẩm định hỏi người kia. Người kia ở trong Phật pháp chẳng có ích gì,⁵⁴⁸ không tăng trưởng gì. Giống như người nông phu làm ruộng lúa, cỏ dại mọc lẫn với lúa. Lúa và cỏ dại giống nhau không khác, nhưng nó làm hại lúa. Cho đến khi trở bông, kết hạt, mới biết nó không phải là lúa. Biết nó không phải là lúa rồi, phải nhanh chóng nhổ trừ tận gốc. Tại sao vậy? Vì sợ nó làm hại lúa. Tỳ-kheo cũng như vậy. Có ác Tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện Tỳ-kheo không

545. Tức - Tám kính pháp.

546. Xem phần iv, chương ii - Tạp sự, đoạn 27 - Úp bát.

547. Xem, Tỳ-kheo, Ba-dật-đề 12.

548. Để bản: vô sở nhiệm 無所任. Các bản khác: vô sở trụ.

khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết loại cỏ dại, khác với Tỳ-kheo. Đã biết là khác rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tận nó đi. Tại sao vậy? Sợ nó làm phương hại thiện Tỳ-kheo.

- Thí như người nông phu sẩy thóc, đón chiều gió mà rê đi thóc lép, giữ lại thóc tốt. Tại sao vậy? Vì sợ nó làm xấu lúa tốt. Cũng vậy, ác Tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện Tỳ-kheo không khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết là loại thóc lép, cỏ rác, trong Tỳ-kheo. Biết rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tận nó đi.

- Giống như có người cần cây để làm lan can giếng. Người ấy ra khỏi thành, cầm búa vào rừng, gõ khắp hết các loại cây. Cây nào có ruột chắc thật thì âm thanh chắc thật. Cây nào bọng ruột thì âm thanh rỗng như tiếng ghè vỡ. Nhưng cây rỗng ruột ấy có gốc, thân, nhánh lá giống như cây chắc ruột không khác. Chỉ khi nào gõ vào mới biết bên trong trống rỗng. Biết nó rỗng ruột rồi, thì chặt bỏ nhánh lá, róc bỏ những chỗ thô kệch, sau đó mới đẽo chuốt làm cho trơn nhẵn cả trong lẫn ngoài, đem dùng rào giếng. Cũng vậy, ác Tỳ-kheo tới lui, đứng ngồi, nhiếp trì y bát như thiện Tỳ-kheo không khác, chừng nào mà chưa bị phát hiện tội. Khi tội đã phát hiện rồi, mới biết là loại thóc lép, cỏ rác, cây rỗng ruột giữa các Tỳ-kheo. Đã biết là khác rồi, nên hoà hiệp chúng mà diệt tận nó đi. Tại sao vậy? Sợ nó làm phương hại thiện Tỳ-kheo.

Đức Phật nói kệ:

*Sống chung, biết tánh hạnh
Ganh tị, ưa sân hận
Giữa chúng, nói lời hay
Chỗ khuất làm phi pháp.
Phương tiện bày vọng ngữ
Kẻ sáng hay giác tri
Cỏ dại nên trừ bỏ
Cho đến cây bọng ruột.
Tự nói là Sa-môn
Hư vọng nên diệt tận
Đã tác diệt tận rồi
Đuổi người ác, phi pháp.
Người thanh tịnh sống chung
Nên biết là sáng chói
Hòa hợp cùng diệt tận*

Hòa hợp dứt gốc khổ.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ tin ưa thọ trì.

8. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta nói cho các người về tám thứ ngựa dữ và tám hạng người dữ.⁵⁴⁹ Các người lắng nghe! Những gì là tám? Hoặc có ngựa dữ, khi tra dầm dùi roi muốn khiến cho nó chạy tới, nó lại gác đầu dậm chân không chịu đi. Hoặc có thứ ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại dựa vào hai bên cây gọng mà không bước tới. Hoặc có thứ ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại lộn nhào ngã xuống đất làm cho đầu gối bị thương, lại gãy gọng xe. Hoặc có thứ ngựa dữ, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại bước lui chứ không đi tới. Lại có thứ ngựa dữ, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại chạy ra ngoài đường làm cho hỏng bánh xe, gãy trục. Lại có loại ngựa dữ, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó không sợ người cầm cương, cũng không sợ roi, mà cố nhai cái hàm sắt, chạy lung tung không có cách nào ngăn chặn. Lại có loại ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại dựng hai chân trước lên, đứng như người, phun nước bọt ra. Hoặc có loại ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại ngồi hay nằm xuống. Đó là tám thứ ngựa dữ.

- Tám hạng người ác là những gì? Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia lại nói: - Tôi không nhớ, tôi không nhớ. Cũng như con ngựa dữ khi tra dầm dùi roi muốn nói đi tới mà lại gác dậm chân không đi. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia không nói phạm, không nói không phạm, mà ngồi trở im lặng. Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại dựa hai bên gọng xe không chạy tới. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi cử tội vị kia. Vị kia nói như sau: - Trưởng lão cũng phạm tội thì làm sao cử tội người khác? Cũng như con ngựa dữ kia, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới mà lại lộn nhào ngã xuống đất, làm cho đầu gối bị thương lại gãy gọng xe. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia lại nói: - Trưởng lão si mê, cần phải được dạy, lại muốn dạy tôi. Cũng như con ngựa dữ kia khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới mà lại đi lui. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo dùng kiến văn nghi cử tội vị kia, vị kia lại nói chuyện khác để trả lời nên sinh ra sân nhuế. Cũng

549. Xem Tạp A-hàm >> (T02n99 tr.2>5a6). Pali, A. viii. 14. Assakhaluka.

như con ngựa dữ kia khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới mà lại chạy ra ngoài đường làm cho gãy trục, hư bánh xe. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia không sợ chúng Tăng cũng không sợ phạm, không nhận sự cử tội, bèn lấy tọa cụ để trên vai ra đi, không thể quả trách hay ngăn cấm được. Như con ngựa dữ kia, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới mà nó không sợ người cầm cương, cũng không sợ roi, cắn cái hàm sắt vụt chạy không thể cấm ngăn được. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia lật ngược y uất-đa-la-tăng, giữa chúng Tăng đưa tay lên nói: - Các thầy muốn dạy tôi sao? Cũng như con ngựa dữ kia khi tra khi dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại đứng hai chân trước lên như người, phun nước bọt ra. Ta nói người này cũng như vậy. Hoặc có Tỳ-kheo Hoặc có Tỳ-kheo bằng kiến văn nghi mà cử tội vị kia. Tỳ-kheo kia nói: - Trưởng lão không cho tôi y bát, ngọa cụ, thuốc men, thì tại sao lại dạy tôi? Nói xong liền xả giới, chộn con đường dưới,⁵⁵⁰ đến chỗ các Tỳ-kheo nói: - Đại đức, tôi đã thôi tu, ngài vừa ý lắm phải không? Cũng như con ngựa dữ kia, khi tra dầm dùi roi muốn nó chạy tới, nó lại ngồi hay nằm xuống. Ta nói người này cũng lại như vậy. Đó là tám hạng người ác.

- Ta đã nói về tám thứ ngựa dữ và tám loại người dữ rồi, như điều Thế Tôn cần làm vì từ mẫn đối với các đệ tử, Ta đã nói đầy đủ cả rồi. Nay các thầy hãy đến trụ nơi trống vắng, dưới gốc cây, tu tập thiền định, đừng phóng dật để rồi sau này phải hối hận. Đây là lời răn dạy của ta.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

9. Bấy giờ, đức Thế tôn ở tại nước Câu-tát-la, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, du hành trong nhân gian. Giữa đường thấy có một đám lửa cháy lớn. Thấy vậy, Đức Phật đến bên đường, dưới một gốc cây, trải chỗ ngồi ngồi, bảo các Tỳ-kheo:⁵⁵¹

- Các người thấy đám lửa lớn đang cháy kia không?

Nếu người nào ôm lấy ngọn lửa kia thì liền sẽ bị đốt cháy tiêu hết da thịt, xương cốt. Lại có người ôm lấy sát lợi nữ, Bà-la-môn nữ, tỳ-xá nữ, thủ-đà-la nữ, vuốt ve và hôn. Hai việc làm trên, việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

550. Thủ ư hạ đạo 取於下道. Nghĩa là trở lại đời sống thế tục. Hán dịch sát nghĩa đen, cf. Pali: hīnāya āvattati.

551. Tham chiếu Pali, A. iv. 128: Aggikkhandhopama.

- Bạch Đại đức, nếu ôm lấy sát lợi nữ, v.v.. vuốt ve và hôn; việc này tốt hơn. Vì sao vậy? Vì nếu ôm lấy lửa thì liền sẽ bị cháy tiêu hết da thịt, gân cốt, bị đại khổ thống không thể chịu nổi!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta nói với các người, thà là ôm lấy lửa kia để rồi bị cháy hết da thịt, gân cốt, thì việc này vẫn là điều tốt hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân này mà đọa ác đạo. Còn nếu chẳng phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, tự nói là tịnh hạnh, phá giới làm điều ác, hoàn toàn không trì giới, oai nghi, tà kiến, nơi chỗ khuất kín làm điều tội lỗi. Bên trong trống rỗng, hư nát, bên ngoài hiện ra là hoàn thiện. Vì ăn đồ ăn của tín thí mà không tiêu được nên phải đọa vào ba đường ác, thọ khổ lâu dài. Cho nên các người cần phải trì tịnh giới mới ăn của người tín thí; dùng các thứ cần thiết như y phục, ngọa cụ, thuốc men, mới có thể khiến cho tín thí được đại quả báo, và mục đích của người xuất gia làm Sa-môn cũng được thành tựu.

- Nay các Tỳ-kheo, các người nên cầm cây kích đốt nóng chích vào chân, hay là nhận sự lễ bái dưới chân của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ? Hai việc như vậy, việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nên nhận sự lễ bái dưới chân của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ. Tại sao vậy? Vì dùng cây kích đốt nóng chích vào chân phải chịu sự đại thống khổ!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta bảo các người, thà dùng cây kích nóng chích vào thân còn hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân này mà đọa vào ba đường ác. Nếu chẳng phải Sa-môn mà tự nói là Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, tự nói là tịnh hạnh, phá giới làm điều ác, hoàn toàn không trì giới, oai nghi, tà kiến, nơi chỗ khuất kín làm điều tội lỗi. Bên trong trống rỗng, hư nát, bên ngoài hiện ra là hoàn thiện. Vì ăn đồ ăn của tín thí mà không tiêu được nên phải đọa vào ba đường ác, thọ khổ lâu dài. Cho nên các người cần phải trì tịnh giới mới ăn của người tín thí; dùng các thứ cần thiết như y phục, ngọa cụ, thuốc men, mới có thể khiến cho tín thí được đại quả báo, và mục đích của người xuất gia làm Sa-môn cũng được thành tựu.

- Nay các Tỳ-kheo, nên tự cầm búa nóng chém vào thân vào đầu mình, hay là nhận bàn tay của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ vuốt ve thân thể? hai việc này việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đại đức, nên nhận bàn tay của thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín mộ vuốt ve thân thể. Tại sao vậy? Vì cầm búa nóng chém vào thân vào đầu phải thọ đại khổ thống!

- Nay các Tỳ-kheo, nay Ta bảo các người nên cầm búa nóng chém vào thân vào đầu, việc này mới là tốt hơn. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác. Còn lại, vẫn cứ như trên đã nói.

- Nay các Tỳ-kheo, các người nên lấy sắt nóng làm y để đốt cháy hết thân này, hay là nhận mặc các loại y tốt của thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ? Hai việc này việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đại đức, nên nhận các loại y tốt. Tại sao vậy? Vì loại y bằng sắt nóng kia đốt cháy thân hình, phải chịu đại khổ thống!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta bảo các người là nên nhận lấy y bằng sắt nóng kia để đốt cháy thân hình. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên ấy mà đọa vào ba đường ác. Còn lại, vẫn cứ như trên đã nói.

- Nay các Tỳ-kheo, nên nuốt hoàn sắt nóng cháy cả ngũ tạng rồi tuôn tháo ra ngoài, hay là nhận thức ăn cứng dường của kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ? Hai việc này việc nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Nên nhận thức ăn cứng dường kia. Tại sao vậy? Nuốt hoàn sắt nóng kia phải chịu đại khổ thống! Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta bảo các người, thà là nuốt hoàn sắt nóng. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà không đọa vào ba đường ác. Còn lại, vẫn cứ như trên đã nói.

Nhận các thứ cháo cũng như vậy.

- Nay các Tỳ-kheo, nên nằm trên giường sắt nóng để tự đốt cháy hết thân hình, hay là nhận các loại giường tốt, ngọa cụ tốt của thiện nam tử thiện nữ nhân tín mộ để ngồi nằm? Hai việc này điều nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nên nhận các thứ giường, ngọa cụ tốt kia. Tại sao vậy? Vì ngồi nằm trên giường sắt nóng tự đốt cháy thân hình thọ đại khổ thống!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay ta bảo các người, thà nhận giường, tọa cụ bằng sắt nóng kia để tự đốt cháy thân hình. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác. Còn lại, vẫn cứ như trên đã nói.

- Nay các Tỳ-kheo, nên ở trong nhà bằng sắt nóng để thân hình bị đốt cháy, hay là nhận phòng nhà của thiện nam tử, thiện nữ nhân tín mộ để ngủ nghỉ? Hai việc này điều nào là tốt hơn?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nên nhận phòng nhà kia để nghỉ ngơi. Tại sao vậy? Vì ở trong phòng nhà bằng sắt nóng sẽ bị thiêu đốt thân hình thọ đại thống khổ!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thà ở trong nhà sắt nóng kia để tự đốt cháy thân hình. Tại sao vậy? Vì không do nhân duyên này mà đọa vào ba đường ác. Ngoài ra như trên đã nói.

Khi Đức Thế Tôn nói những lời này, có sáu mươi vị Tỳ-kheo máu tuôn ra từ lỗ chân lông nơi mặt; sáu mươi vị Tỳ-kheo xả giới thôi tu; sáu mươi vị Tỳ-kheo đặng tâm vô lậu giải thoát; số đông Tỳ-kheo viễn trần ly cấu, đặng con mắt pháp thanh tịnh.

IX. CHÍN PHÁP

1. Nhà bạch y có chín pháp, chưa làm đàn-việt thì không được làm. Đến nhà đó, (Tỳ-kheo) không được ngồi. Chín pháp gì? Thấy Tỳ-kheo không hoan hỷ đứng dậy; không hoan hỷ tác lễ; không hoan hỷ mời Tỳ-kheo ngồi; không hoan hỷ khi Tỳ-kheo ngồi; giả sử (Tỳ-kheo) có nói điều gì, người ấy cũng không tín thọ; nếu có y phục ẩm thực, và những thứ mà (Tỳ-kheo) cần dùng, thì khinh mạn Tỳ-kheo nên không cho; hoặc có nhiều mà cho ít; hoặc có thứ tinh tế mà cho thứ thô xấu; hoặc cho mà không có lòng cung kính. Đó là nhà bạch y có chín pháp thì không được đến.

2. Lại có chín pháp chưa làm đàn-việt thì nên làm đàn-việt, đã làm thì (Tỳ-kheo) nên đến và ngồi (ngược nghĩa câu trên).

>. Có chín sự ngăn thuyết giới không như pháp: dẫn bằng chứng sự phá giới vô căn mà ngăn vì tác, ngăn vì bất tác, hay ngăn vì vừa tác vừa bất tác; phá kiến, phá oai nghi cũng như vậy.⁵⁵² Đó là chín.

4. Có chín như pháp ngăn thuyết giới (ngược nghĩa câu trên).

5. Có chín lời xả giới: - Tôi xả Phật, xả Pháp, xả Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả các phạm hạnh, xả giới. Đó là chín. Cũng vậy, mỗi mỗi chín lời làm thành một hạng mục, cho đến - ... chẳng phải Sa-môn Thích tử cũng như vậy.^{55>}

6. Đức Như Lai ra đời thấy có sự lầm lỗi nên vì chín nghĩa mà chế

552. Xem phần iii, chương xiv, đoạn 2 - Già yết-ma. Về ý nghĩa tác và bất tác, xem các cht. 7, 8, 9 cũng trong đoạn dẫn trên.

55>. Xem mục - Năm pháp, hạng mục 219.

giới cho các Tỳ-kheo: nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến đoạn hữu lậu vị lai.⁵⁵⁴ Đó là chín.

Đức Như Lai ra đời, thấy có sự lỗi lầm nên vì chín lợi nghĩa mà chế yết-ma ha trách cho các Tỳ-kheo: từ nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến đoạn hữu lậu vị lai. Đó là chín.

Cho đến bảy diệt tránh cũng như vậy.

X. MƯỜI PHÁP

1. Có mười thứ y: y câu-xa, y kiếp-bối, y khâm-bạt-la, y sô-ma, y xoa-ma, y xá-nậu, y gai bố, y sí-di-la, y câu-giá-la, y sai-la-ba-ni.⁵⁵⁵ Đó là mười thứ y nên nhuộm làm màu y ca-sa để thọ trì.

2. Có mười thứ y phần tảo:⁵⁵⁶ y trâu nhới, y chuột gặm, y bị cháy, y nguyệt thủy, y sản phụ,⁵⁵⁷ y thần miếu, y gò mả, y nguyện, y thọ Vương chức,⁵⁵⁸ y vãng hoàn. Đó là mười loại y.

>.Có mười sự ngăn thuyết giới phi pháp: không được kể vào trong Ba-la-di;⁵⁵⁹ chẳng phải xả giới; không được kể vào trong xả giới; tùy thuận yêu cầu như pháp của Tăng;⁵⁶⁰ không trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng;⁵⁶¹ không được kể vào trong sự trái nghịch yêu cầu như pháp của Tăng; phá giới không được thấy, nghe, nghi phá kiến không được thấy, nghe, nghi; phá oai nghi không được thấy, nghe, nghi.⁵⁶² Đó là mười.

4. Có mười như pháp ngăn thuyết giới (trái với câu trên).

5. Lại có mười sự ngăn thuyết giới phi pháp: không phạm biên tội, không được kể vào biên tội, không phạm Tỳ-kheo-ni, không được kể vào phạm Tỳ-kheo-ni, không tặc tâm thọ giới, không được kể vào tặc tâm thọ giới, không phá nội ngoại đạo, không được kể vào phá nội ngoại đạo, chẳng phải huỳnh môn, không được kể vào huỳnh môn.^{56>}

554. Xem trên, - Hai pháp, hạng mục 1>6; - Ba pháp, hạng mục 156; - Bốn pháp, hạng mục 57; - Năm pháp, hạng mục 220.

555. Xem phần i, Tỳ-kheo, Ni-tát-kỳ 1, cht. 8; bản Việt, quyển 1, tr.2>6. Phiên âm ở đây có vài chỗ khác với phiên trong đoạn dẫn trên. Xem thêm, Phần iii, chương vi - Y.

556. Xem phần iii, chương vi - Y, cht. 7.

557. Trong bản: sơ sản y. Có bản chép: sơ hư. Trên kia, đoạn đã dẫn (cht. 217) nói là - y sản phụ.

558. Trong bản Hán: lập Vương y. Trên kia, đoạn đã dẫn (cht. 217) nói là - y thọ Vương chức.

559. Thập tụng >>: Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, nhưng chưa được Tăng nêu tội. Nghĩa là, chưa bị buộc tội là phạm Ba-la-di.

560. Thập tụng >>: tùy thuận Tăng sự như pháp.

561. Thập tụng >>: không khinh Tăng, tức không chống đối các quyết định như pháp của Tăng.

562. Xem phần iii, chương xiv, đoạn 2, và xem giải thích ở đoạn > về 10 như pháp.

56>. 10 trong 1> già nạn. Không được nhận là Tỳ-kheo, mặc dù có thọ giới.

Đó là mười.

6. Có mười pháp ngăn thuyết giới (ngược với câu trên).

7. Có mười pháp nên sai giáo thọ Tỳ-kheo-ni: thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, đa văn, rộng tụng hai bộ giới tỳ-ni, có khả năng về ngôn ngữ, biện thuyết rõ ràng, từ đại tánh xuất gia như Sát-lợi Bà-la-môn cư sĩ, hình mạo đoan chánh, Tỳ-kheo-ni cung kính, đủ khả năng vì Tỳ-kheo-ni nói pháp khiến được hoan hỷ, không vì Phật xuất gia, mặc áo ca sa mà phạm trọng tội; hai mươi hay hơn hai mươi hạ. Đó là mười.

8. Bảy giờ, Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Các người không được lúc nào cũng cử tội các Tỳ-kheo khác⁵⁶⁴. Tại sao? Nếu thân oai nghi không thanh tịnh mà cử tội Tỳ-kheo khác thì khiến người ấy nói: - Thưa Trưởng lão, trước phải tự mình tịnh thân oai nghi đã. Nay Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo thân oai nghi thanh tịnh thì lời nói kia không phát sinh. Lời nói không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, không đa văn, không rộng tụng hai bộ tỳ-ni cũng như vậy (như trong - năm pháp đã nói).

9. Lại nữa Ưu-ba-ly, nếu muốn cử tội Tỳ-kheo khác thì nên tu tập năm pháp: đúng thời không được phi thời, chân thật không được không chân thật, lợi ích không được tổn giảm, dịu dàng không được thô lỗ, từ tâm không được sân nhuế. Nay Ưu-ba-ly, cử tội Tỳ-kheo khác phải có mười pháp này, sau đó mới cử.

10. Có mười sự nhận thẻ phi pháp:⁵⁶⁵ không hiểu rõ vấn đề mà nhận thẻ, không cùng với người như pháp mà nhận thẻ, muốn khiến cho người phi pháp nhiều mà nhận thẻ, biết có nhiều người phi pháp mà nhận thẻ, muốn khiến Tăng bị phá mà nhận thẻ, biết Tăng muốn phá mà nhận thẻ, do tiểu tội mà nhận thẻ, không như sự thấy biết mà nhận thẻ, phi pháp nhận thẻ, biệt chúng nhận thẻ. Đó là mười.

11. Có mười sự nhận thẻ như pháp (ngược với câu trên).

12. Đức Như Lai ra đời, thấy có sự lầm lỗi, (1012a1) vì mười nghĩa mà chế giới cho các Tỳ-kheo: từ nhiếp thủ đối với Tăng, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.⁵⁶⁶ Đó là mười.

1>. Có mười hạng người không được lễ bái: tự nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, thọ giới với tâm giặc, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, với tâm ác làm thân Phật ra máu. Đó là mười.

564. Xem - Năm pháp hạn mục 206.

565. Xem phần iii, chương xvi, mục iii.2(ii.c).

566. Xem bản Việt, quyển 1, tr. 25, các cht. >1, >2.

14. Tỳ-kheo có mười thứ oai nghi không được lễ bái: khi đại hành, khi tiểu hành, khi khỏa thân, khi cạo tóc, khi nói pháp, khi rửa răng, khi súc miệng, khi uống, khi ăn, lúc ăn trái cây. Đó là mười.

15. Uống rượu có mười điều mất mát: sắc diện xấu, kém sức khỏe, mắt không sáng, ưa nổi sân, mất của, thêm bệnh, gây đấu tranh, tiếng xấu đồn khắp, không trí tuệ, chết đọa vào địa ngục. Đó là mười.

16. Người xuất gia vào cung vua, đến chỗ của thể nữ, có mười điều tai hại:

Nếu vua đang cùng phu nhân hòa hợp. Khi Tỳ-kheo vào cung đến chỗ thể nữ, phu nhân thấy Tỳ-kheo bèn cười, Tỳ-kheo thấy phu nhân cũng cười. Vua sẽ nghĩ: - Tỳ-kheo hoặc đã làm việc như vậy, hoặc sẽ làm việc như vậy. Đó là tai hại thứ nhất khi người xuất gia vào trong cung vua đến chỗ của thể nữ.

Lại nữa, vua khi say cùng phu nhân hòa hợp, rồi không nhớ; sau phu nhân có thai, vua nghĩ: - Tỳ-kheo tới lui trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ hai.

Lại nữa, thái tử của vua muốn làm phản giết vua. Vua nghĩ: - Tỳ-kheo tới lui trong cung nội, làm quân sư cho việc này. Đây là Tỳ-kheo xúi dục. Đó là điều tai hại thứ ba.

Lại nữa, điều mật của vua trong cung bị lộ ra ngoài. Vua nghĩ: - Tỳ-kheo này tới lui trong cung nội. Đây là do Tỳ-kheo này truyền đạt. Đó là điều tai hại thứ tư.

Lại nữa, vua mất bảo vật hay tợ bảo vật, nghĩ: - Tỳ-kheo này tới lui trong cung nội của ta. Tỳ-kheo này lấy đi. Đó là điều tai hại thứ năm.

Lại nữa, hoặc vua cất nhắc kẻ thấp kém lên địa vị cao, người ngoài không bằng lòng, nghĩ: - Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ sáu.

Lại nữa, vua hạ chức người ở địa vị cao, người ngoài không bằng lòng, nghĩ: - Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ bảy.

Lại nữa, hoặc vô sự nhân duyên phi thời mà vua tập hợp bốn bộ binh; người không bằng lòng, nghĩ: - Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ tám.

Lại nữa, hoặc vua tập hợp binh nửa đường rồi trở lại, người không bằng lòng nghĩ: - Tỳ-kheo này vào trong cung. Đây là việc làm của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ chín.

Lại nữa, vua đang ở trong chỗ thể nữ, cho xuất voi ngựa tốt, nữ

nhân xinh đẹp. (Tỳ-kheo) thấy tâm sinh ái trước, chẳng phải pháp của Tỳ-kheo. Đó là điều tai hại thứ mười.

17. Có mười pháp không được trao đại giới cho người: Không thể dạy đệ tử tăng giới, tăng tâm, tăng huệ học, tăng oai nghi, tăng tịnh hạnh, tăng Ba-la-đề-mộc-xoa học, không thể dạy xả ác kiến, đệ tử không an lạc nơi trú xứ này, không thể dời đến trú xứ khác an lạc, nếu có nghi hối phát sinh không thể như pháp như tỳ-ni để khai giải quyết đoán, không đủ mười hạ. Đó là mười.

18. Có mười pháp nên trao đại giới cho người (ngược nghĩa câu trên).

19. Có mười pháp không được trao đại giới cho người: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không thể dạy đệ tử A-tỳ-đàm. Tỳ-ni, không thể dạy xả ác kiến trụ thiện kiến, không biết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát, không đủ mười hạ. Đó là mười.

20. Có mười pháp nên trao đại giới cho người (ngược nghĩa với câu trên).

21. Có mười pháp không được sai đoán sự ở trú xứ khác: không thọ trì đủ hai trăm năm mươi giới, không đa văn, không rộng tụng hai bộ giới, không thiện xảo ngôn ngữ khiến người khai giải, không thể vấn đáp dạy dỗ quở trách như pháp diệt tận khiến được hoan hỷ, có tránh sự khởi không khéo hay diệt, không biết Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết nói Ba-la-đề-mộc-xoa, không biết bố-tát, không biết yết-ma bố-tát. Đó là mười.

22. Có mười pháp không được sai đoán sự riêng ở trú xứ khác: sáu câu như trên; không giải đoán rõ việc đấu tranh, không biết tránh sự khởi, không biết tránh sự diệt, không biết hướng đến chỗ diệt tránh sự. Đó là mười.

2>. Có mười pháp nên sai đoán sự riêng ở trú xứ khác: (ngược với câu trên).

24. Có mười pháp không được sai đoán sự riêng ở trú xứ khác: sáu câu đầu như trên; có ái, có nhuế, có bố, có si. Đó là mười.

25. Có mười pháp nên sai đoán sự riêng ở trú xứ khác (ngược với câu trên).

26. Bấy giờ, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trống vai bên phải, đầu gối bên phải chầm đất, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Đại đức, vì nhân duyên gì khiến Tăng chưa có tránh sự mà khởi tránh sự; có tránh sự lại không trừ diệt được?

Đức Phật bảo A-nan:

- Cử tội Tỳ-kheo khác, không phạm nói phạm, phạm nói không phạm, nhẹ nói nặng, nặng nói nhẹ, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, phi tỳ-ni nói tỳ-ni, là tỳ-ni nói phi tỳ-ni, phi chế lại chế, chế lại đoạn. Do những nhân duyên này khiến Tăng chưa sinh tránh sự lại sinh tránh sự, đã có tránh sự thì không trừ diệt được.

A-nan lại hỏi Phật:

- Bạch Đại đức, do nhân duyên gì khiến Tăng chưa có tránh sự không sinh tránh sự, đã có tránh sự thì được trừ diệt?

Đức Phật trả lời cho A-nan: (ngược với câu trên).

27. Phật bảo A-nan tiếp:

- Có mười loại gốc rễ của tranh cãi, cần nên biết, khéo dùng phương tiện để được trừ diệt. Mười loại là gì? (ngược với câu trên).

28. Bấy giờ, Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, để trống vai bên phải, đầu gối bên phải chầm đất, chắp tay bạch Phật:

- Kính bạch Đại đức, nói là Tăng vỡ, cho đến mức nào được gọi là Tăng vỡ? Ai phá vỡ hòa hợp Tăng?

Đức Phật trả lời: mười sự như trên. Do mười sự này mà tìm cầu bè đảng, hoặc sai người tìm cầu, rồi thuyết giới bố-tát yết-ma biệt bộ. Cho đến mức đó, được gọi là Tăng vỡ. Đó gọi là phá vỡ hòa hợp Tăng.

Ưu-ba-ly hỏi về hoà hợp Tăng (ngược với câu trên).

XI. MƯỜI MỘT PHÁP

1. Có mười một lời xả giới: - Tôi xả Phật, xả pháp, xả Tăng, xả Hòa thượng, xả đồng Hòa thượng, xả A-xà-lê, xả đồng A-xà-lê, xả tịnh hạnh Tỳ-kheo, xả Ba-la-đề-mộc-xoa, xả tỳ-ni, xả học sự. Đó là mười một. Cũng vậy, cứ mỗi mỗi mười lời làm thành một hạng mục, cho đến - ... chẳng phải Sa-môn Thích tử» cũng như vậy.

2. Bấy giờ Đức Thế Tôn ở trong rừng thành Bất-thi,⁵⁶⁷ bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo ở bất cứ chỗ nào cũng không được đấu tranh, mạ lị nhau, tuôn ra lời như đao kiếm, bươi móc việc tốt việc xấu. Khi nhớ đến còn không vui hưởng là sống với nó. Các người quyết định nên biết ba pháp nhanh chóng dập tắt, nên biết ba pháp tăng trưởng. Ba pháp gì? Niệm xuất ly, niệm không sân nhuế, niệm không tật đố. Ba sự này nhanh chóng dập tắt. Ba pháp làm cho tăng trưởng là gì? Niệm tham dục, niệm sân nhuế, niệm tật đố. Ba pháp này làm tăng trưởng. Vì vậy, bất cứ ở chỗ nào nếu đấu tranh, mạ lị lẫn nhau, miệng tuôn ra lời như

567. Bất-thi thành lâm 不尸城林.

đao kiếm, bươi móc xấu tốt nhau, khi nhớ đến còn không vui hưởng là sống với nó; cho nên các người quyết định nên biết ba pháp tổn giảm, và ba pháp tăng trưởng này.

Nếu Tỳ-kheo ở bất cứ chỗ nào mà không cùng đấu tranh nhau. (ngược nghĩa với câu trên).

>. Trường hợp nếu có đấu tranh, hai bên đều không nhẫn nhịn, lòng ôm lấy sự cấu ứ, ghét nhau, hại nhau, tăng trưởng (101>a1) sân hận, không khéo điều phục, không nhận lời dạy bảo nhau, cùng mất sự cung kính, thì nên biết tránh sự này càng lúc càng trở thành kiên cố, không thể như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt được.

Nếu Tỳ-kheo đấu tranh nhau, hai bên đều có thể nhẫn nhịn, lòng không ôm cấu ứ, không ghét nhau, hại nhau, không tăng trưởng sân nhuế, khéo điều phục, nghe lời dạy bảo của nhau, không mất sự cung kính, thì tránh sự này không kiên cố, sẽ được như pháp, như luật, như lời Phật dạy mà chấm dứt.

Nếu Tỳ-kheo cùng nhau tranh cãi, mà hai bên đều không nhẫn nhịn, lòng ôm cấu ứ, ghét nhau, hại nhau, tăng trưởng sân nhuế, không khéo điều phục, không nhận sự dạy bảo của nhau, cùng mất sự cung kính. Trường hợp này, khi tránh sự khởi lên nếu không dùng một pháp nào trong bảy diệt tránh để chấm dứt, thì nên biết tránh sự này càng lúc càng trở thành kiên cố, không được như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt.

Nếu tránh sự như pháp được chấm dứt... (ngược với câu trên).

Nếu Tỳ-kheo cùng đấu tranh nhau mà không cho Thượng, trung, hạ tọa bình nghị thì không nhập, không tương ứng với Tu-đa-la,⁵⁶⁸ Tỳ-ni pháp luật. Nếu khi tránh sự khởi lên mà không dùng một trong bảy pháp diệt tránh để chấm dứt, thì tránh sự này sẽ đưa đến tăng trưởng kiên cố, không được như pháp, như luật, như lời Phật dạy để chấm dứt.

Nếu tránh sự như pháp diệt... (ngược với nghĩa trên).

Nếu không cùng với vị trì Luật, trì Pháp, trì Ma-di, cùng bình nghị tránh sự, thì tránh sự tăng trưởng cũng như câu trên đã nói.

Nếu tránh sự như pháp chấm dứt... (thì cũng như câu trên).

4. Bảy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ưu-ba-ly:

- Các người chớ nên lúc nào cũng cử tội Tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Nếu cử tội người khác mà thân không thanh tịnh, khẩu không thanh tịnh thì người khác liền nói: - Thưa Trưởng lão, trước hết tự mình phải tịnh thân, khẩu, oai nghi đã. Nay Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo thân,

568. Trong bản, tu-đổ-lộ 修路.

khẩu thanh tịnh thì người kia không thể nói gì được.

Lại nữa, này Ưu-ba-ly, muốn cử tội Tỳ-kheo khác, mà mạng không thanh tịnh, ít nghe, không tụng Tu-đà-la, thì khi cử tội, người kia liền nói: - Thưa Trưởng lão, trước hết phải tự thanh tịnh mạng của mình, tụng Tu-đà-la đã.

Này Ưu-ba-ly, nếu cử tội Tỳ-kheo khác mà mình không đa văn, không biết tỳ-ni, biện thuyết không rõ ràng, được ví dụ như con dê trắng, nếu cử tội người thì người kia sẽ nói: - Trưởng lão phải học tỳ-ni, học cách nói trước đã. Này Ưu-ba-ly, cử tội Tỳ-kheo khác mà mình đa văn, tụng tỳ-ni, nói năng biện thuyết rõ ràng thì người kia không nói gì được. Này Ưu-ba-ly, bởi vậy cho nên Tỳ-kheo nên biết như vậy.

5. Nếu Tỳ-kheo mà người ấy đối với mình có yêu, có kính, thì nên cử tội. Hoặc không yêu nhưng mà kính, thì nên cử. Hay không kính nhưng yêu, thì nên cử. Nếu không yêu không kính nhưng có thể khiến người ấy bỏ ác trở về thiện được thì nên cử. Nếu người ấy mà không yêu không kính cũng không thể khiến cho bỏ ác hành thiện, nhưng có Tỳ-kheo mà người ấy coi trọng, tôn kính tin tưởng, có thể khiến cho bỏ ác hành thiện, thì nên cử. Nếu không yêu không kính, không thể khiến cho bỏ ác hành thiện, lại không có Tỳ-kheo mà người ấy coi trọng, tôn kính tin tưởng, không thể khiến cho bỏ ác hành thiện. Thì này Ưu-ba-ly, Tăng nên xả trí liền, đuổi đi, và nói: - Dù Trưởng lão muốn đi đến nơi nào, nơi đó cũng sẽ đối với thầy mà tác cử, tác ức niệm, tác tự ngôn, ngăn A-nậu-bà-đà, ngăn thuyết giới, ngăn tự tứ. Thí như ông thầy dạy ngựa, con ngựa dữ khó dạy liền gộp cả yên cương mà đuổi nó đi; Tỳ-kheo này cũng lại như vậy. Người như vậy không được đến họ cầu thỉnh. Đây tức là thỉnh.

Đức Phật dạy như vậy. Ưu-ba-ly sau khi nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

6. Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Bạch Đại đức, bằng bao nhiêu pháp để khởi dậy sự việc cho Tỳ-kheo?

Đức Phật dạy:

- Việc của Tỳ-kheo được khởi dậy bằng ba pháp: phá giới, phá kiến, phá oai nghi.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Sự việc được khởi lên bằng ba sự này, lại phải bằng bao nhiêu pháp để tác cử?

Đức Phật dạy:

- Nên bằng ba pháp kiến, văn, nghi để cử.

Ưu-ba-ly lại hỏi:

- Bằng ba sự khởi sự; bằng ba pháp để tác cử, bên trong (người tác cử) phải có bao nhiêu pháp, sau đó mới cử?

Đức Phật dạy:

- Bên trong người ấy phải có năm pháp mới nên tác cử. (Như trước đã nói, - đúng thời chứ không được phi thời)⁵⁶⁹.

7. Đức Thế Tôn ở bên ao nước, tại nước Bạt-xà, bảo các Tỳ-kheo:

- Các người nói Ta vì y phục, ẩm thực, thuốc men chữa bệnh, giường nằm, ngọa cụ mà nói pháp phải không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Bạch Đại đức, chúng con không dám sinh ý nghĩ như vậy. Chúng con không dám nói Đức Thế Tôn vì y phục, cho đến ngọa cụ mà nói pháp.

Đức Phật dạy:

- Nếu không nghĩ như vậy, thì nghĩ thế nào?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Chúng con có nghĩ rằng Đức Thế Tôn dù lòng từ đối với chúng sinh nên nói pháp.

Đức Phật dạy:

- Các người nếu thật sự có ý nghĩ như vậy thì đối với pháp mà ta đã giác ngộ chứng tri là, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn thần túc, bốn thiền, năm căn, năm lực, bảy giác ý, tám chánh đạo, các người nên hoan hỷ hòa hợp tu học. Nếu đã hoan hỷ hòa hợp tu học thì nếu có Tỳ-kheo nào phạm giới, các người không được vội vã cử tội mà nên tự quán sát: “Mong sao cho không gây phiền não cho chính mình, cũng không khiến hại người. Người phạm tội kia phải chăng không ưa sân hận, không kết oán hiềm, không khó giác ngộ, tự mình có thể trừ tội, có thể bỏ pháp bất thiện, trụ nơi thiện pháp?” Quán sát như vậy rồi, cần phải cân nhắc, đắn đo, nếu thấy có thể gây phiền não cho mình song sẽ không hại người. Người phạm kia có tội lại không ưa sân nhuế, không khó tỉnh ngộ, sớm có thể trừ tội, có thể bỏ pháp bất thiện, trụ thiện pháp. Tỳ-kheo kia nên nghĩ: “Tuy ta bị một ít phiền não, nhưng đối với vị kia không có hại, chỉ có ái, có lợi ích, có thể khiến cho vị ấy bỏ pháp bất thiện, mà trụ nơi thiện pháp.” Thế thì nên cử tội.

- Tỳ-kheo nghĩ như vậy: “Ta cử tội người khác, sẽ tự chuốc lấy

569. Xem mục - Năm pháp, hạng mục 215; - Mười pháp, hạng mục 9.

phiền não cho chính mình, nhưng không hại người kia. Vị kia có tội, ưa sân nhuế, nhưng dễ được giải ngộ, có thể nhanh chóng xả tội.” Còn lại, như trên đã nói.

- Tỳ-kheo lại nghĩ: “Nếu cử tội người khác, ta sẽ tự chuốc lấy phiền não hại. Vị có tội kia ưa sân nhuế, khó có thể giải ngộ, không sớm xả tội. Nếu ta cử tội, tác pháp ức niêm, mà vị ấy sẽ dùng những lời quanh co khác để trả lời ta, rồi lại sinh sân nhuế, thì người như vậy nên xả trí, không cần phải cử tội thêm nữa.”

- Tỳ-kheo hòa hợp, hoan hỷ như vậy, mà có những lời tranh cãi trong A-tỳ-đàm, thì nên nói: “Thưa các Trưởng lão, văn và nghĩa của những điều được nói đều tương ứng, ta không nên tranh cãi nhau.” Có Tỳ-kheo khác nào, mà lời nói được mọi người tin dùng, cũng nên nói: “Thưa các Trưởng lão, văn và nghĩa của những điều được nói đều tương ứng, ta không nên tranh cãi nhau.” Lại còn có Tỳ-kheo khác nữa, mà lời nói được mọi người tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

- Lại nói như sau: “Thưa Trưởng lão, văn cú những gì đã được nói tuy khác nhau nhưng nghĩa thì đồng. Đây chỉ là việc nhỏ. Ta đừng tranh cãi nhau nữa.” Nếu có ai được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy. Lại còn người khác được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

- Lại nói như vậy: “Thưa Trưởng lão, văn của những gì được nói thì đồng, nhưng nghĩa thì khác,” cũng như vậy.

- Lại nói như vậy: “Thưa Trưởng lão, văn và nghĩa của những gì đã được nói đều khác. Ta đừng tranh cãi nhau nữa.” Nếu có ai được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy. Lại còn người khác được nhiều người tin, mà lời nói được tin dùng, thì cũng nên nói như vậy.

- Nếu nói lời nói như vậy, mà chúng Tăng hòa hợp có tránh sự khởi, nên cùng hoà hợp tập trung lại. Sau khi tập trung rồi, nên tác pháp quán sát như vậy: “Nếu chúng ta tranh chấp nhau, đối với pháp Sa-môn có gây lưu nạn hay không? Thầy nghĩ thế nào?” Tỳ-kheo nào thấy được chánh lý thì nên nói lời này: “Pháp đấu tranh đối với Sa-môn tức là lưu nạn.” Lại hỏi: “Học giả có ai thấy đây là điều đáng quở trách hay không?” Vị kia nói: “Theo ý tôi, đối với pháp Sa-môn mà gây lưu nạn tức là đáng quở trách.” Lại hỏi: “Nếu đối với pháp Sa-môn các lưu nạn là pháp đáng quở trách, nhưng có thể tiến đến thiện căn, đắc quả Sa-môn hay không?” Có Tỳ-kheo thấy chánh lý nói: “Theo ý tôi, điều đáng quở trách thì không thể tiến đến thiện căn, không thể đắc Sa-môn

quả.” Nếu làm như vậy mà tránh sự được chấm dứt thì nên nói với Tỳ-kheo kia: “Thầy vì chúng tôi mà chấm dứt tránh sự này.” Tỳ-kheo kia nên trả lời: “Tôi không biết được tâm của người khác. Duy chỉ tin tưởng nơi Đức Phật mà thôi. Đức Thế Tôn có lúc vì tôi nói pháp tối thắng thượng diệu, chỉ bày thiện ác. Cứ như pháp mà tôi nghe từ Đức Thế Tôn như vậy, nay nói lại cho thầy.” Nếu Tỳ-kheo kia nghe rồi liền xả bỏ tránh sự. Khi Tỳ-kheo này nói lời như vậy, đã không tự đề cao mình cũng không hạ thấp người. Như vậy, các Tỳ-kheo khác không có chỗ nào để quở trách được.”

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau nghe, hoan hỷ, tin ưa thọ trì.

8. Có mười ba hạng người, chưa thọ đại giới thì không được cho thọ, nếu đã thọ thì nên diệt tận:⁵⁷⁰ tự nói phạm biên tội, phạm Tỳ-kheo-ni, tặc tâm thọ giới, phá nội ngoại đạo, huỳnh môn, giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá Tăng, với ác tâm làm thân Phật ra máu, phi nhân, súc sinh, hai căn. Đó là mười ba hạng người nếu chưa thọ đại giới thì không được cho thọ; đã thọ đại giới thì nên diệt tận.

9. Bảy giờ Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Các Người không được lúc nào cũng cử tội Tỳ-kheo khác. Tại sao vậy? Nếu Tỳ-kheo muốn cử tội Tỳ-kheo khác mà thân không thanh tịnh thì vị kia sẽ nói: “Thưa Trưởng lão, trước hết tự mình nên tịnh thân đã.” Nếu cử tội Tỳ-kheo khác mà thân mình được thanh tịnh thì vị kia sẽ không nói được gì.

Cũng vậy, miệng không thanh tịnh, mạng không thanh tịnh, không đa văn, không tụng Tỳ-ni, không quán Tu-đa-la, biện thuyết không rõ ràng, dụ như con dê trắng, đối với thiện Tỳ-kheo thân nghiệp không từ hoà, cũng như vậy.

10. Lại nữa, Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo muốn xuất tội của người, không khiến cho có tội. Có phạm thì cử, không phạm thì không cử. Căn cứ theo tự ngôn của Tỳ-kheo đó, cho yết-ma tự ngôn, khéo hay nói năng rõ ràng có lợi ích.

- Lại nữa, này Ưu-ba-ly, Tỳ-kheo cử tội người khác nên có năm pháp: đúng thời không phi thời... (như năm pháp như trên đã nói).

11. Này Ưu-ba-ly, nếu Tỳ-kheo nào có mười bảy pháp này thì nên cử tội Tỳ-kheo khác.

12. Có hai mươi hai pháp không được trao đại giới cho người: không biết pháp không, biết phi pháp, cho đến không biết thuyết, không

570. Đây nói đủ 1> già nạn. Xem phần iii, chương i - Thọ giới.

biết phi thuyết, không biết tội có thể sám hối, không biết tội không thể sám hối, không biết sám hối, không biết sám hối thanh tịnh. Có hai mươi hai pháp như vậy không được trao đại giới cho người.

Có hai mươi hai pháp nên trao đại giới cho người (ngược với câu trên).

1>. Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Do hai mươi hai hành tướng để biết người bình đoán sự: thọ trì đủ

hai trăm năm mươi giới, đa văn, khéo giải A-tỳ-đàm, Tỳ-ni, không cùng người tranh cãi, cũng không kiên trụ nơi việc này, người đáng quở trách thì quở trách rồi sau đó mới an trú, người nên dạy dỗ thì dạy dỗ rồi sau đó mới an trú, nên diệt tận thì diệt tận rồi sau đó mới an trú, không ái, không nhuế, không bố, không si, không nhận thức ăn của bộ này, cũng không nhận thức ăn của bộ kia, không nhận y bát, tọa cụ, ống đựng kim của bộ này cũng không nhận y, bát, tọa cụ, ống đựng kim của bộ kia, không cung cấp bộ này, cũng không cung cấp bộ kia, không cùng với bộ này vào xóm, cũng không cùng với bộ kia vào xóm, không cùng kỳ hẹn cũng không đến nơi kia, đến sau thì ngồi sau. Có hai mươi hai hành tướng này thì biết đó là người bình đoán sự.

Đức Phật dạy như vậy. Các Tỳ-kheo sau nghe, hoan hỷ, phụng hành.

